



United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization

Bộ tài liệu
Truyền thông về Giáo dục đa ngữ:
Vì lợi ích của những đối tượng thiệt thòi

**Dành cho những người thực
hiện chương trình**





United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization

Bộ tài liệu

Truyền thông về Giáo dục đa ngữ:

Vì lợi ích của những đối tượng thiệt thòi

**Dành cho những người thực
hiện chương trình**

Bộ tài liệu truyền thông về giáo dục đa ngữ: Vì lợi ích của những đối tượng thiệt thòi

Dịch và hiệu chỉnh: Văn phòng UNESCO Hà Nội, 2008

Gồm 4 quyển tài liệu

[Nội dung: Ngôn ngữ trong chính sách và thực tế giáo dục ở khu vực châu Á và Thái Bình Dương; Tài liệu dành cho những nhà hoạch định chính sách; Tài liệu dành cho những người thực hiện chương trình; Tài liệu dành cho cộng đồng]

[“ Bộ tài liệu này là bản dịch và hiệu chỉnh từ Bộ tài liệu truyền thông về giáo dục đa ngữ [ISBN 92-9223-110-3] bản quyền của UNESCO Băng Cốc ”.]

Ảnh bìa: Tổ chức Trẻ em và Phát triển (E&D) / Đặng Bảo Nguyệt

© UNESCO 2007

Xuất bản bởi

Văn phòng Giáo dục UNESCO Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương

920 Đường Sukhumvit, Prakanong

Băng Cốc 10110. Thái Lan

Bản tiếng Anh in tại Thái Lan

- * Nội dung trình bày trong tài liệu này không mang quan điểm và chính kiến của UNESCO về các vấn đề liên quan đến vị trí pháp lý của bất cứ quốc gia, vùng lãnh thổ, thành phố hoặc khu vực nào hay phạm vi quản lý hoặc biên giới hay ranh giới nào.

LỜI GIỚI THIỆU

Việt Nam là một quốc gia đa ngôn ngữ và tiếng Việt được chọn làm ngôn ngữ quốc gia, đồng thời là ngôn ngữ giảng dạy trong nhà trường.

Người dân thuộc các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số, đặc biệt là trẻ em gái và phụ nữ, gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận với các chương trình giáo dục quốc gia, bởi tiếng Việt không phải là ngôn ngữ mẹ đẻ, ngôn ngữ mà họ sử dụng không thành thạo hoặc chưa có hoàn cảnh sử dụng. Các kiến thức và kỹ năng muốn đem đến cho họ, giúp họ có thêm cơ hội và điều kiện tiếp cận với giáo dục lại gặp phải rào cản ngôn ngữ. Có thể nói, đây là đặc điểm có tính phổ biến của các quốc gia đa ngôn ngữ.

Với mục đích hỗ trợ các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương trong việc giải quyết những khó khăn nêu trên, UNESCO Bằng Cốc đã xuất bản **"Bộ tài liệu truyền thông về Giáo dục đa ngữ"**. Bộ tài liệu này đã được biên soạn dựa trên những thông tin của nhiều quốc gia trong khu vực, nó tuyên truyền về cách tiếp cận và những lợi ích của việc thực hiện các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ. Nhận thấy bộ tài liệu này có ích đối với Việt Nam, Văn phòng UNESCO Hà Nội đã phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên dịch và hiệu chỉnh Bộ tài liệu theo bối cảnh Việt Nam. Các chuyên gia giáo dục dân tộc và chuyên gia ngôn ngữ đã có nhiều đóng góp để hoàn thành Bộ tài liệu truyền thông bằng tiếng Việt.

Bộ tài liệu có trên tay bạn là tập hợp những thông tin quý dành cho những ai muốn thực hiện tốt "Chương trình Giáo dục cho Mọi người" và đặc biệt có ý nghĩa đối với các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý giáo dục và những người đang tìm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng cộng đồng ngôn ngữ thiểu số. Bộ tài liệu cũng sẽ là một tài sản có giá trị với những người dân đang mong muốn cải thiện tình hình giáo dục trong cộng đồng của mình.

Văn phòng UNESCO Hà Nội cùng Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc, Bộ Giáo dục và Đào tạo xin trân trọng giới thiệu **"Bộ tài liệu truyền thông về Giáo dục đa ngữ"** bằng tiếng Việt với bạn đọc.

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2008

Trưởng đại diện

Văn phòng UNESCO Hà Nội



Vibeke Jensen

Giám đốc

Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc



TS. Bùi Thị Ngọc Diệp

Văn phòng UNESCO Hà Nội và Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc xin trân trọng cảm ơn sự tham gia của các chuyên gia và những cá nhân có tên dưới đây đã đóng góp vào quá trình biên dịch và hiệu chỉnh Bộ tài liệu. Sự đóng góp quý báu của các Quý vị đã giúp chúng tôi hoàn thành được Bộ tài liệu bằng tiếng Việt này.

1. Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc - Bộ Giáo dục và Đào tạo

- | | |
|-------------------------|---|
| - Bà Bùi Thị Ngọc Diệp | - Giám đốc |
| - Ông Vi Văn Điểu | - Phó Giám đốc |
| - Ông Đào Nam Sơn | - Trưởng phòng Nghiên cứu nội dung và phương pháp giáo dục vùng dân tộc |
| - Ông Lê Nguyên Quang | - Trưởng phòng Nghiên cứu loại hình trường lớp vùng dân tộc |
| - Bà Trần Thị Thành | - Trưởng phòng Nghiên cứu loại hình trường lớp vùng dân tộc |
| - Ông Nguyễn Như Sang | - Nghiên cứu viên |
| - Bà Ngô Thị Thanh Thuỷ | - Nghiên cứu viên |
| - Bà Cao Việt Hà | - Nghiên cứu viên |

2. Vụ Giáo dục thường xuyên - Bộ Giáo dục và Đào tạo

- | | |
|------------------------|---------------|
| - Ông Nguyễn Văn Nghĩa | - Chuyên viên |
|------------------------|---------------|

3. Vụ Giáo dục dân tộc - Bộ Giáo dục và Đào tạo

- | | |
|-----------------------------|---------------|
| - Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | - Chuyên viên |
| - Bà Tôn Thị Tâm | - Chuyên viên |

4. Viện Ngôn ngữ học

- | | |
|-------------------------|--|
| - Bà Vũ Thị Thanh Hương | - Trưởng phòng Ngôn ngữ ứng dụng |
| - Ông Nguyễn Hữu Hoàn | - Trưởng phòng Quản lý nghiên cứu khoa học |
| - Ông Tạ Văn Thông | - Trưởng phòng Ngôn ngữ dân tộc thiểu số |

5. Văn phòng UNESCO Hà Nội

- | | |
|------------------------|---------------------------------------|
| - Ông Nguyễn Đăng Tuấn | - Trợ lý Cán bộ Chương trình Giáo dục |
| - Bà Lê Thị Mỹ Dung | - Trợ lý Chương trình Giáo dục |

Chúng tôi cũng xin được cảm ơn Tổ chức Trẻ em và Phát triển (E&D) và Tổ chức Cứu trợ trẻ em Anh (SCUK) tại Việt Nam đã chia sẻ những bức ảnh tư liệu để làm minh họa cho Bộ tài liệu này.

MỤC LỤC

1	Lời nói đầu	6
2	Lời cảm ơn	7
3	Tổng quan về Bộ tài liệu	8
4	Mở đầu	10
5	Tình hình giáo dục đối với những người không nói ngôn ngữ chính thức trong trường học như thế nào?	10
6	Giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ là gì và nó giúp học sinh như thế nào để học tốt hơn?	11
7	Quá trình trẻ em chuyển tiếp học từ ngôn ngữ thứ nhất sang ngôn ngữ chính thức trong trường học là như thế nào?	12
8	Cần có những gì để thực hiện chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ có hiệu quả?	15
9	Chúng ta có đủ khả năng chi trả cho việc thực hiện các chương trình giáo dục đa ngữ cho nhiều thứ tiếng không? Điều đó có xứng đáng với nỗ lực bỏ ra không?	34
10	Tài liệu tham khảo	36
11	Bảng chú giải thuật ngữ	37

Lời nói đầu

Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực phong phú và đa dạng về sắc tộc, văn hóa và ngôn ngữ. Tuy nhiên, chính sự đa dạng này khiến cho việc giáo dục trẻ em trở thành một thách thức lớn. Tại Diễn đàn Giáo dục Thế giới tổ chức tại Đa-Ka (Dakar) năm 2000, một trong những mục tiêu chính đã được thông qua là “đảm bảo đến năm 2015, tất cả trẻ em, đặc biệt là trẻ em gái và trẻ em các dân tộc thiểu số, đều được tiếp cận và hoàn thành giáo dục tiểu học bắt buộc, miễn phí và có chất lượng”. Một mục tiêu khác nữa là “nâng cao khả năng biết đọc biết viết, đặc biệt ở phụ nữ”. Để đạt được những mục tiêu này và tạo cơ hội giáo dục công bằng hơn cần thực hiện các biện pháp hỗ trợ trực tiếp cho người học thuộc các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số. Vì hiệu quả của việc dạy học phụ thuộc vào sự rõ ràng và dễ hiểu trong giao tiếp nên ngôn ngữ giảng dạy có vị trí trung tâm trong bất cứ quá trình học tập nào. Vì vậy, dạy học dựa trên tiếng mẹ đẻ đặc biệt quan trọng nhằm giúp trẻ em sớm tiếp cận với giáo dục và tham gia vào quá trình học tập theo đúng khả năng của mình.

Tuy nhiên, thực tế ở nhiều quốc gia trong khu vực cho thấy sự đa dạng, phong phú về ngôn ngữ của một nước lại ít khi được thể hiện đầy đủ trong hệ thống giáo dục của quốc gia. Nhiều người phải học bằng tiếng nước ngoài hoặc không phải tiếng mẹ đẻ. Tình hình này càng trở nên khó khăn hơn đối với một số nhóm người đang phải chịu rủi ro hoặc sức ép giáo dục, chẳng hạn những người mù chữ, người dân tộc thiểu số và người tị nạn. Một sự thật hiển nhiên nhưng chưa được nhiều người công nhận là việc học tập bằng ngôn ngữ không phải tiếng mẹ đẻ của người học sẽ khiến cho những khó khăn đối với việc học bị nhân đôi: họ không chỉ đơn thuần là học một ngôn ngữ mới, mà họ còn phải học những kiến thức mới bằng ngôn ngữ đó.

Ở một số quốc gia Châu Á, thông qua giáo dục không chính quy, các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ đang giúp người học thuộc các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số biết đọc, biết viết bằng cả tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ quốc gia. Tuy nhiên, vai trò của giáo dục song ngữ/đa ngữ trong việc làm tăng tỷ lệ nhập học, duy trì sĩ số và đạt kết quả tốt trong hệ thống giáo dục chính quy vẫn chưa có được sự công nhận và hiểu biết đầy đủ. Bộ tài liệu này tuyên truyền cho việc xây dựng các chương trình giáo dục nhằm đáp ứng tốt hơn sự đa dạng về văn hóa. Bộ tài liệu đưa ra những phân tích thấu đáo về giá trị của giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ, một hình thức giáo dục tôn trọng quyền trẻ em và quyền của người học, cũng như khuyến khích người đọc suy nghĩ về tầm quan trọng của ngôn ngữ và tìm hiểu sâu hơn về nó. Bộ tài liệu được xây dựng dựa trên những kết quả nghiên cứu và kinh nghiệm thu được qua nhiều năm của nhiều tổ chức và cá nhân làm việc trong lĩnh vực giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ.

Tôi hy vọng các bạn sẽ thấy Bộ tài liệu này hữu ích cho việc tuyên truyền và ủng hộ việc giảng dạy bằng tiếng mẹ đẻ như một phương tiện cải thiện chất lượng giáo dục và bảo tồn những ngôn ngữ có nguy cơ biến mất trên thế giới.

Sheldon Shaeffer

Giám đốc Văn phòng Giáo dục UNESCO

Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương

Lời cảm ơn

Bộ tài liệu này đã được biên soạn với sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu, nhiều chuyên gia giáo dục và các cá nhân trong và ngoài khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. UNESCO Băng Cốc xin trân trọng ghi nhận và cảm ơn sự đóng góp của những người đã xây dựng Bộ tài liệu này.

Chúng tôi chân thành cảm ơn các thành viên Ban cố vấn Giáo dục Đa ngữ của UNESCO Băng Cốc vì sự hỗ trợ tích cực trong quá trình xây dựng Bộ tài liệu này.

Chúng tôi ghi nhận những nguồn tài liệu được sử dụng trong Bộ tài liệu và khuyến khích mọi người sử dụng các nguồn tài liệu đó.

Chúng tôi cũng xin được cảm ơn những đại biểu tham dự Hội thảo về Các chương trình xóa mù chữ bằng tiếng mẹ đẻ/song ngữ cho các dân tộc thiểu số được tổ chức vào tháng 12 năm 2005 tại Chiềng Mai, Thái Lan vì những đóng góp quý báu để hoàn thiện Bộ tài liệu này.

Chúng tôi bày tỏ sự cảm ơn đối với những cá nhân đã cung cấp ảnh tư liệu cũng như thành viên của các cộng đồng các dân tộc thiểu số đã đồng ý chia sẻ những bức ảnh của mình với chúng tôi.

Bên cạnh nguồn kinh phí của UNESCO, Quỹ Ủy thác Nhật Bản đã hỗ trợ quá trình biên soạn và phân phối Bộ tài liệu. Chúng tôi đánh giá cao sự hỗ trợ này cũng như những lợi ích mà Bộ tài liệu sẽ mang lại cho người học ở trong và ngoài khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Cuối cùng, chúng tôi xin ghi nhận những đóng góp to lớn của Tiến sĩ Susan Malone, Viện Ngôn ngữ Mùa hè Quốc tế - tác giả chính của Bộ tài liệu; Ông Ochirkhuyag Gankhuyag, Trợ lý chương trình của UNESCO Băng Cốc, đã điều phối dự án và giải quyết những khó khăn để hoàn thành Bộ tài liệu.

Dưới đây là danh sách những cá nhân đã đóng góp thời gian và sự hiểu biết quý báu cho việc hoàn thành Bộ tài liệu. Nếu do sơ suất không nêu tên những người tham gia khác, chúng tôi xin được thứ lỗi và ghi nhận sự hỗ trợ quý báu của các bạn.

Donald Archibald	Maki Hayashikawa	Jan Noorlander
George Attig	Vibeke Jensen	Tariq Rahman
Joel Bacha	Komiljon Karimov	Darunee Riewpituk
Carol Benson	Linda King	Karsten van Riezen
Jean Bernad	Kimmo Kosonen	R. Sachdeva
Terry Durnian	Pamela MacKenzie	Sheldon Shaeffer
Orchirkhuyag Gankhuyag	Dennis Malone	Clive Wing
Kibria Golam	Susan Malone	Catherin Young
Abdul Hakeem	Inna Melnikova	

Tổng quan về Bộ tài liệu

Giáo dục cho Mọi người là mang lại giáo dục có chất lượng cho tất cả mọi người. Kể từ khi bắt đầu thực hiện chương trình Giáo dục cho Mọi người, nhiều quốc gia đã rất nỗ lực để đáp ứng nhu cầu giáo dục cho trẻ em và người lớn. Mặc dù đã có rất nhiều hoạt động được triển khai, nhưng một vài nhóm người vẫn chưa nhận được sự quan tâm - đó là trẻ em gái, phụ nữ, người nghèo, người khuyết tật, người bị nhiễm HIV/AIDS và những người mà ngôn ngữ mẹ đẻ không phải là ngôn ngữ quốc gia.

Chương trình Giáo dục cho Mọi người có thể đạt được chất lượng khi mà giáo dục chỉ sử dụng một ngôn ngữ mà một số người học lại không nói và cũng không hiểu ngôn ngữ đó? Đây là tình trạng mà rất nhiều trẻ em các nhóm dân tộc thiểu số phải đối mặt khi các em bước vào hệ thống trường học chính quy - ngôn ngữ chính thức của nhà trường khác với ngôn ngữ các em sử dụng trong gia đình. Việc cho trẻ em học bằng ngôn ngữ mà các em không hiểu đã tạo ra những cản trở trong giáo dục, điều mà không nên để xảy ra.

Ở một số quốc gia trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ được xây dựng trong hệ thống giáo dục không chính quy đã giúp cho người học của các nhóm dân tộc/ngôn ngữ thiểu số trở nên biết đọc, biết viết bằng chính ngôn ngữ của mình và ngôn ngữ quốc gia. Tuy nhiên, vai trò của giáo dục song ngữ/đa ngữ trong việc giúp tăng tỷ lệ nhập học, duy trì sĩ số và hoàn thành bậc học trong hệ thống trường học chính quy chưa được quan tâm đúng mức. Mặt khác, cũng phải thừa nhận rằng, các nhà hoạch định chính sách và các nhà quản lý giáo dục phải đối mặt với những quyết định khó khăn liên quan tới ngôn ngữ giảng dạy khi mà các yếu tố về chuyên môn và chính trị còn chưa có sự thống nhất. Vì vậy, việc nhìn nhận được bức tranh toàn cảnh thực tế về thực hiện giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ của người học là một trong những bước quan trọng để đạt được mục tiêu giáo dục có chất lượng cho mọi người.

Ai có thể sử dụng Bộ tài liệu này?

Bộ tài liệu này được biên soạn cho tất cả những người muốn đảm bảo cho chương trình "Giáo dục cho Mọi người" được thực hiện một cách thực sự cho tất cả mọi người, không loại trừ bất cứ ai. Bộ tài liệu sẽ có giá trị đặc biệt đối với các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý giáo dục và các chuyên gia, những người muốn cải thiện việc tiếp cận giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục cho những người bị đẩy ra ngoài trường học vì lý do ngôn ngữ. Bộ tài liệu cũng sẽ có ích với những người nói tiếng dân tộc thiểu số muốn cải thiện tình hình giáo dục trong cộng đồng của mình.

Bộ tài liệu được thiết kế nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục đa ngữ (GDĐN) dựa trên tiếng mẹ đẻ. Bộ tài liệu trình bày những quan điểm chủ đạo và thực tế về giáo dục đa ngữ, chỉ ra những hiểu biết thiếu sót về giá trị và lợi ích của giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ của người học. Bộ tài liệu còn đưa ra các ý tưởng, các kết quả nghiên cứu và các ví dụ cụ thể để người đọc có thể suy xét về các tình huống mình đang gặp phải và gợi ý các bước tiến hành nhằm đảm bảo hệ thống trường học của quốc gia mình phù hợp hơn với sự đa dạng của ngôn ngữ.

Bộ tài liệu không phải là một cuốn sách giáo khoa và sẽ không trả lời cho tất cả những vấn đề mà người đọc quan tâm. Để hỗ trợ tối đa, cuối mỗi cuốn tài liệu, chúng tôi liệt kê danh sách các tài liệu tham khảo. Thêm vào đó, mỗi cuốn tài liệu có bảng chú giải thuật ngữ và một trang tóm tắt nội dung tài liệu ở phần đầu.

Bạn có thể sử dụng Bộ tài liệu này như thế nào?

Bộ tài liệu gồm ba cuốn sách mỏng chính. Mỗi cuốn sách mỏng dành riêng cho mỗi đối tượng độc giả: 1) Các nhà hoạch định chính sách, 2) Các nhà lập kế hoạch và thực hiện chương trình giáo dục và 3) Các thành viên trong cộng đồng. Xin lưu ý rằng phát triển giáo dục song ngữ/đa ngữ cần sự đóng góp của tất cả mọi người ở tất cả các cấp. Vì lý do đó, chúng tôi khuyến khích người đọc sử dụng cả ba cuốn sách mỏng cùng các nguồn tài liệu sẵn có khác trong quá trình hợp tác để xây dựng kế hoạch, triển khai và duy trì các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ của mình.

Bộ tài liệu có thể được sử dụng theo nhiều cách khác nhau. Những người đang thực hiện các chương trình giáo dục đa ngữ có thể sử dụng những ý tưởng trong Bộ tài liệu này để thúc đẩy việc giảng dạy bằng ngôn ngữ mẹ đẻ và củng cố cho chương trình của mình. Còn với những người chưa quen thuộc với giáo dục đa ngữ nhưng muốn nâng cao cơ hội tiếp cận giáo dục cho những học sinh nói ngôn ngữ thiểu số thì có thể sử dụng tài liệu này để xác định những vấn đề cụ thể mà họ có thể nghiên cứu và thảo luận phù hợp với hoàn cảnh của mình.

Bảng chú giải thuật ngữ

Mỗi quyển tài liệu có bảng chú giải thuật ngữ dùng trong toàn bộ Bộ tài liệu. Người đọc có thể tham khảo Bảng chú giải này khi cần thiết.

Tài liệu dành cho những người thực hiện chương trình

Mở đầu

*"Có khoảng năm mươi phần trăm trẻ em bỏ học trên thế giới sống trong các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số, nơi mà ngôn ngữ ở nhà của các em hiếm khi được dùng trong trường học. Đây là thách thức lớn nhất cho việc đạt được mục tiêu giáo dục cho mọi người: Hậu quả của cách tiếp cận này là kết quả học tập thấp, tỉ lệ bỏ học và lưu ban cao."*¹

Tài liệu này giới thiệu về các chương trình giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của những người nói ngôn ngữ thiểu số - những người được đề cập trong trích dẫn ở trên. Tài liệu này sẽ sử dụng hình thức đặt và trả lời các câu hỏi để thảo luận về những vấn đề chung sau:

- Tình hình giáo dục đối với những người không nói ngôn ngữ chính thức trong trường học.
- Khái niệm và mục đích của các chương trình "giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ".
- Tiến trình xây dựng nền tảng giáo dục vững chắc bằng ngôn ngữ mẹ đẻ của học sinh và chiếc cầu "vững chắc" để chuyển sang ngôn ngữ chính thức trong trường học.
- Lập kế hoạch và thực hiện hiệu quả các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa vào tiếng mẹ đẻ.

Hỏi - Đáp:

Ngôn ngữ và giáo dục trong các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số

Câu hỏi 1: Tình hình giáo dục đối với những người không nói ngôn ngữ chính thức trong trường học như thế nào?

Trả lời: Những người có sử dụng ngôn ngữ ở nhà khác với ngôn ngữ chính thức trong trường học sẽ gặp khó khăn trong việc tiếp cận với giáo dục và/hoặc giáo dục có chất lượng:

¹ Ngân hàng Thế giới. 2005. *Những lưu ý giáo dục trong ngôn ngữ dân tộc: Giáo dục cho Mọi người*. Oa-sinh-ton D.C., Ngân hàng Thế giới. <http://siteresources.worldbank.org/EDUCATION/Resources/Education-Notes/EdNotes-Lang-of-Instruc.pdf> (Truy cập ngày 17/11/2006)



© Tổ chức Trẻ em và Phát triển (E&D) / Đặng Bảo Nguyệt

- Nhiều người, đặc biệt những người ở vùng sâu, vùng xa, không được đi học, hoặc có trường học nhưng lại thiếu giáo viên.
- Nếu có trường học và giáo viên, thì giáo viên thường không có chung nền văn hoá với học sinh, hoặc không nói được tiếng mẹ đẻ của các em.
- Tài liệu giảng dạy và sách giáo khoa (nếu có) bằng ngôn ngữ mà học sinh không hiểu. Bài học chưa quan tâm đúng mức đến kiến thức và kinh nghiệm của các em, mà phần lớn chỉ đề cập đến ngôn ngữ và văn hoá chiếm ưu thế.
- Vì học sinh không hiểu được ngôn ngữ dùng trong trường học nên không hiểu nội dung bài học, do đó nhiều em bị lưu ban, sinh ra chán nản và thường bỏ học.

Câu hỏi 2: Giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ là gì và nó giúp học sinh như thế nào để học tốt hơn?

Trả lời: Giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ được bắt đầu bằng ngôn ngữ thứ nhất hoặc ngôn ngữ ở nhà của học sinh, giúp các em có khả năng và tự tin học tập bằng ngôn ngữ chính thức trong trường học (và các ngôn ngữ khác, nếu có), khuyến khích các em sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ của mình và ngôn ngữ chính thức để tiếp nhận giáo dục chất lượng.

Chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ giúp học sinh dân tộc thiểu số tự tin vượt qua những khó khăn trong học tập mà các em phải trải qua khi học ở các trường dạy bằng ngôn ngữ chiếm ưu thế, cụ thể là:

1. Khi bắt đầu đi học, học sinh phải giao tiếp bằng ngôn ngữ được sử dụng trong trường học, thậm chí ngay cả khi trước đây các em chưa bao giờ được nghe ngôn ngữ đó.

- *Giải pháp khi sử dụng giáo dục song ngữ/đa ngữ:* Học sinh được học bằng ngôn ngữ thứ nhất hay ngôn ngữ ở nhà của các em khi bắt đầu đi học. Nếu trong một lớp học có nhiều học sinh nói nhiều ngôn ngữ khác nhau thì có thể sử dụng một ngôn ngữ chung trong vùng để dạy học.

2. Học sinh phải học ngày càng nhiều khái niệm trừu tượng bằng ngôn ngữ mới trước khi tích lũy đủ số vốn từ của ngôn ngữ đó để hiểu và sử dụng các khái niệm.

- *Giải pháp khi sử dụng giáo dục song ngữ/đa ngữ:* Ở các lớp đầu cấp học, giáo viên sử dụng ngôn ngữ học sinh đã biết để dạy các khái niệm khoa học. Đồng thời học sinh bắt đầu học ngôn ngữ mới, đầu tiên là học nói sau đó học đọc và viết.

Khi học sinh thành thạo ngôn ngữ mới, giáo viên bắt đầu sử dụng ngôn ngữ đó để dạy học. Nhưng giáo viên vẫn tiếp tục sử dụng ngôn ngữ ở nhà của các em để dạy những khái niệm mới, kiểm tra kiến thức đã học và giải thích những vấn đề các em chưa hiểu.

Khi học sinh hiểu một khái niệm bằng ngôn ngữ thứ nhất, thì các em sẽ không cần phải học lại khái niệm đó khi học bằng ngôn ngữ thứ hai. Các em chỉ phải học từ của ngôn ngữ thứ hai để có thể diễn đạt những gì các em đã biết bằng ngôn ngữ đó. Điều này lí giải tại sao nhiều giáo viên của chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ đã nói: *"Đây là lần đầu tiên học sinh của tôi hiểu được các khái niệm!"*

Các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ cần phải giúp học sinh đạt được:

- *Khả năng đa ngữ:* Các em có thể sử dụng hai hay nhiều hơn hai ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày và trong học tập.
- *Khả năng biết đọc, viết bằng nhiều ngôn ngữ:* Các em đọc và viết thành thạo hai hay tất cả các ngôn ngữ được học.
- *Khả năng đa dạng văn hoá:* Các em sống, học tập và giao tiếp thoải mái với mọi người bên ngoài cộng đồng trong khi vẫn dành tình yêu và sự tôn trọng với văn hoá và cộng đồng của mình.

Câu hỏi 3: Quá trình trẻ em chuyển tiếp học từ ngôn ngữ thứ nhất sang ngôn ngữ chính thức trong trường học là như thế nào?

- **Trả lời:** Khi giáo viên được đào tạo bài bản và tiếp cận với các tài liệu có chất lượng bằng cả ngôn ngữ ở nhà của học sinh và ngôn ngữ chính thức của trường học, thì quá trình và tiến độ dạy học có thể linh hoạt. Tuy nhiên, kinh nghiệm ở Châu Á và Thái Bình Dương cho thấy, một khi giáo viên không được đào tạo bài bản, thiếu tài liệu giảng dạy và học tập, môi trường học ngôn ngữ ngoài nhà trường của học sinh bị hạn chế thì tốt nhất quá trình này cần thực hiện từ từ, để cả học sinh và giáo viên không bị quá tải.

Một trong những nguyên tắc cơ bản của giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ là: Học sinh sẽ học tốt nhất khi các em được sử dụng những gì các em đã biết (kiến thức, kinh nghiệm và ngôn ngữ của các em) để học những điều mới (những sự kiện, khái niệm và ngôn ngữ mới). Như vậy chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ giúp học sinh tạo lập nền tảng kiến thức vững chắc bằng ngôn ngữ thứ nhất và là "chiếc cầu" chắc chắn bước sang học ngôn ngữ mới.

Bắt đầu bằng ngôn ngữ thứ nhất. Trong các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ có hiệu quả, học sinh bắt đầu tạo lập nền tảng kiến thức vững chắc khi các em được học bằng ngôn ngữ thứ nhất - ngôn ngữ mà các em nói và hiểu tốt nhất. Bài học giới thiệu các chủ đề mới bằng cách liên hệ tới kiến thức và kinh nghiệm sẵn có của học sinh. Các nghiên cứu chỉ ra rằng nền tảng kiến thức bằng ngôn ngữ thứ nhất có thể là chìa khóa giúp học sinh học các ngôn ngữ khác thành công:

Mức độ phát triển tiếng mẹ đẻ của trẻ em là một dấu hiệu cho biết mức độ phát triển ngôn ngữ thứ hai ... Trẻ em, với nền tảng kiến thức vững chắc bằng tiếng mẹ đẻ, sẽ phát triển khả năng đọc, viết ngôn ngữ trong trường học tốt hơn.²



© Tổ chức Cứu trợ trẻ em Anh (SCUK) tại Việt Nam

2 Cummins, J.2000. *Tiếng mẹ đẻ của trẻ song ngữ: Tại sao lại quan trọng trong giáo dục?*
<http://www.iteachilearn.com/cummins/mother.htm> (truy cập vào ngày 17 tháng 11 năm 2006).

Cầu nối chuyển tiếp sang ngôn ngữ mới. Sau khi tạo lập được nền tảng kiến thức bằng ngôn ngữ ở nhà của mình, học sinh bắt đầu học ngôn ngữ mới, ban đầu học nói sau đó học viết. Tuy nhiên, không nên dừng việc học bằng ngôn ngữ mẹ đẻ ngay khi các em vừa mới có được khả năng sử dụng ngôn ngữ mới ở mức độ cơ bản. Tốt nhất là các em được tiếp tục sử dụng cả hai ngôn ngữ trong học tập, ít nhất là trong suốt cấp tiểu học:

Khi trẻ em được tiếp tục phát triển khả năng bằng hai hay nhiều hơn hai ngôn ngữ trong suốt những năm học của cấp tiểu học, các em sẽ hiểu biết sâu hơn về ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ một cách có hiệu quả. Các em được thực hành ngôn ngữ nhiều hơn, đặc biệt khi các em phát triển kỹ năng đọc, viết bằng cả hai ngôn ngữ, các em có thể so sánh, phân biệt cách hai ngôn ngữ đó phản ánh thực tế cuộc sống như thế nào.³

Chúng ta có thể nhận thấy có bốn giai đoạn chung trong giáo dục ngôn ngữ, bắt đầu bằng ngôn ngữ thứ nhất của học sinh, sau đó học thêm một ngôn ngữ mới (đầu tiên học nói sau đó học viết). Nếu học sinh được học thêm một ngôn ngữ mới khác thì cần thêm những giai đoạn bổ sung. Mỗi giai đoạn được xây dựng dựa trên nền tảng của giai đoạn trước đó và ở mỗi giai đoạn giáo viên lại củng cố những kiến thức học sinh đã học được.



Các giai đoạn giáo dục ngôn ngữ ở bậc tiểu học⁵

- 3 Cummins, J. 2000.
- 4 NN1 = Ngôn ngữ thứ nhất của trẻ/ ở nhà/ ngôn ngữ di sản, ngôn ngữ mà trẻ biết nhiều nhất
NN2 = Ngôn ngữ thứ hai của trẻ/ chính thức/ ngôn ngữ quốc gia
- 5 Hiệu chỉnh từ S. Malone, 2005b. *Lập kế hoạch các chương trình giáo dục dựa vào cộng đồng tại các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số.* Tài liệu nguồn cho những người nói ngôn ngữ thiểu số tham gia vào việc lập kế hoạch và thực hiện các chương trình giáo dục ở cộng đồng của họ.

Câu hỏi 4: Cần có những gì để thực hiện chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ có hiệu quả?

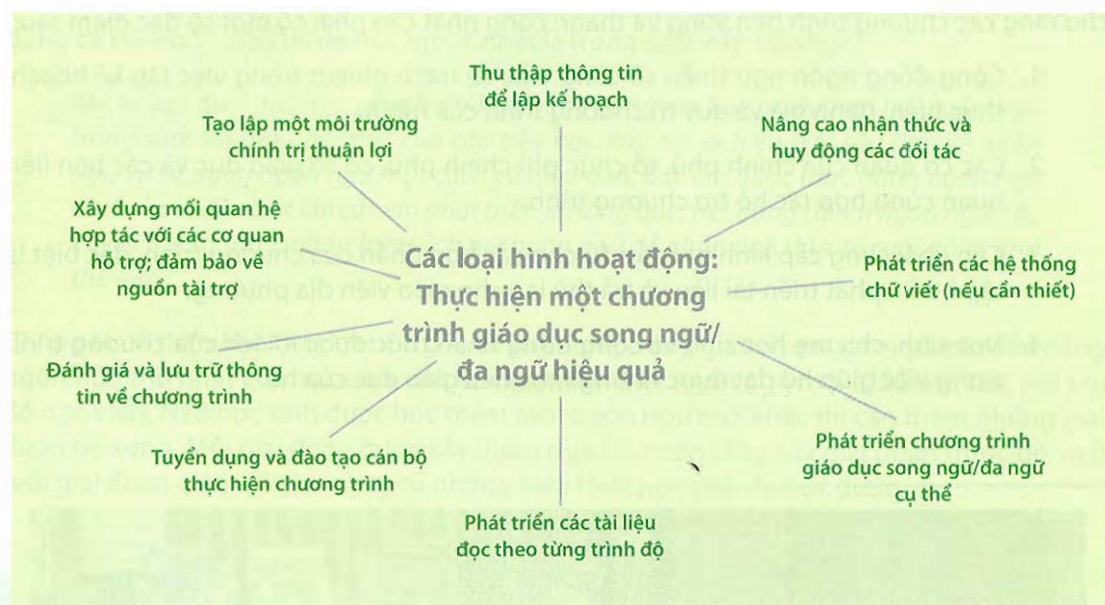
Trả lời: Một nghiên cứu về các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ trên toàn thế giới đã cho rằng các chương trình bền vững và thành công nhất cần phải có một số đặc điểm sau:

1. Cộng đồng ngôn ngữ thiểu số cùng chia sẻ trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và duy trì chương trình của mình.
2. Các cơ quan của chính phủ, tổ chức phi chính phủ, cơ sở giáo dục và các bên liên quan cùng hợp tác hỗ trợ chương trình.
3. Cần phải cung cấp kinh phí đầy đủ cho các hợp phần của chương trình, đặc biệt là tập huấn, phát triển tài liệu và trả thù lao cho giáo viên địa phương.
4. Học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng nhận thức được lợi ích của chương trình trong việc giúp họ đạt được những mục tiêu giáo dục của họ.



© Tổ chức Cứu trợ trẻ em Anh (SCUK) tại Việt Nam

Quá trình thực hiện và duy trì các chương trình này thường bao gồm các loại hoạt động sau:

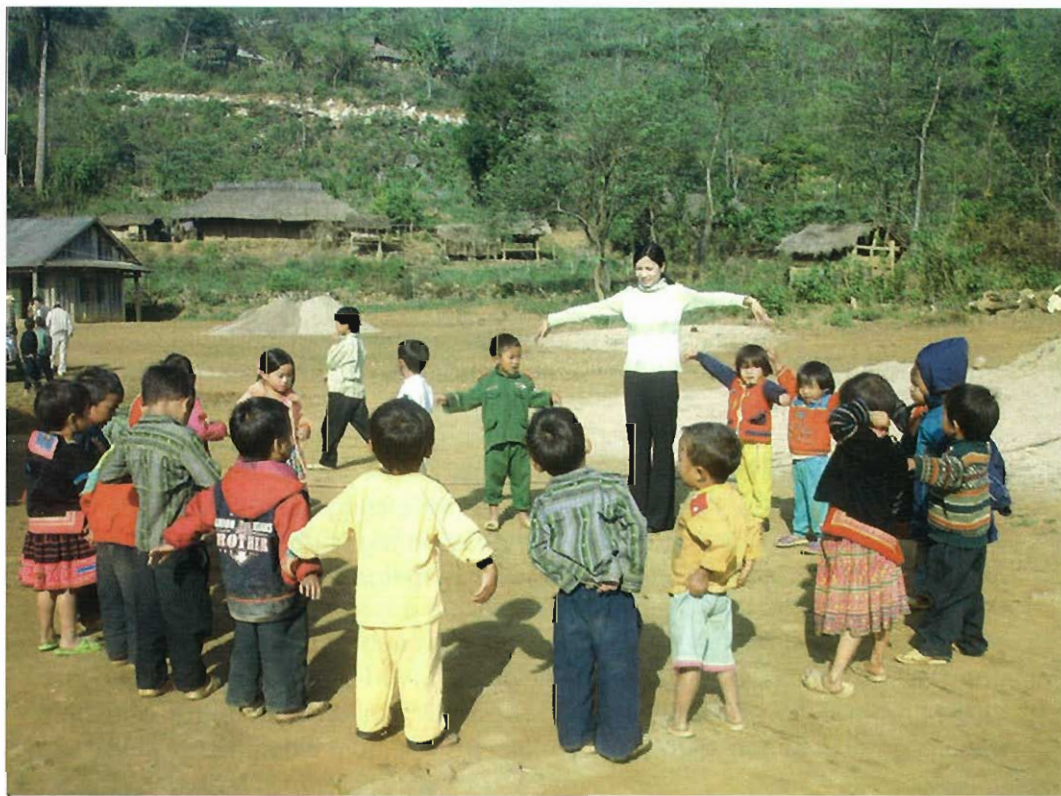


Những người thực hiện chương trình có thể không phải chịu trách nhiệm về tất cả các hoạt động ở trên. Ví dụ, họ có thể không phải tham gia vào việc tạo lập môi trường chính trị thuận lợi hay đảm bảo nguồn tài trợ cho chương trình. Tuy nhiên, họ phải tham gia vào hầu hết các hoạt động khác. Những phần sau sẽ trình bày tổng quát và ngắn gọn về các hoạt động này.

Thu thập thông tin để lập kế hoạch. Những chương trình thành công bắt đầu bằng việc lập kế hoạch tốt và việc lập kế hoạch tốt đòi hỏi phải có thông tin đầy đủ và chính xác. Trả lời được các câu hỏi sau sẽ giúp thu thập một số thông tin cần thiết để thiết lập các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ hiệu quả:

- Người dân thuộc các cộng đồng ngôn ngữ nói gì về tình hình giáo dục hiện tại của họ? (Mục tiêu học tập mà họ muốn cho con em họ là gì? Họ xác định có những vấn đề hay nhu cầu gì?)
- Những cộng đồng ngôn ngữ nào đã sẵn sàng thực hiện chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ? (Họ có cam kết phát triển ngôn ngữ của mình để phục vụ mục đích giáo dục hay không? Họ đã tìm được giáo viên và người biên soạn tài liệu có triển vọng hay chưa? Họ đã có địa điểm để mở lớp học hay chưa? Họ đã được chuẩn bị để chia sẻ trách nhiệm trong việc thực hiện và duy trì chương trình hay chưa?)
- Cảnh huống ngôn ngữ địa phương như thế nào? (Hệ thống chữ viết của ngôn ngữ đó có được người bản ngữ và các cơ quan có trách nhiệm chấp nhận hay không?)

- Các nguồn lực nào có thể huy động? (Tập huấn sẽ diễn ra ở đâu? Ai sẽ là giảng viên? Ai sẽ là người giám sát các khóa tập huấn? Ai sẽ giúp xây dựng chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ? Ai sẽ biên soạn các tài liệu đọc bằng ngôn ngữ của học sinh?)
- Những yếu tố nào có thể cản trở việc thực hiện chương trình và những giải pháp nào có thể giải quyết khó khăn? (Giao thông có phải là vấn đề gây khó khăn cho việc tập huấn, giám sát và phân phối tài liệu hay không? Nếu đúng, những phương tiện tập huấn nào ở địa phương có thể sử dụng? Những giáo viên “cốt cán” có thể tham gia giám sát các giáo viên khác hay không?)
- Theo các báo cáo và tài liệu hiện có, thực trạng ngôn ngữ và giáo dục hiện nay như thế nào? (Tỉ lệ nhập học của học sinh từ mỗi cộng đồng ngôn ngữ là bao nhiêu? Tỉ lệ tốt nghiệp tiểu học, tốt nghiệp trung học cơ sở của số học sinh trên là bao nhiêu? Tỉ lệ người lớn biết chữ là bao nhiêu? và bằng một ngôn ngữ hay những ngôn ngữ nào?)



© Tổ chức Cứu trợ trẻ em Anh (SCUK) tại Việt Nam

VÍ DỤ CỦA PHI-LÍP-PIN

Nghiên cứu ban đầu về Chương trình giáo dục không chính quy cho người lớn⁶

Vụ Giáo dục không chính quy của Phi-líp-pin đã khởi xướng các chương trình giáo dục song ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ đối với một số cộng đồng ngôn ngữ, nhưng do thiếu các nguồn lực như: tài liệu học tập và giáo viên được đào tạo..., nên không phải tất cả các chương trình đó được thực hiện như kế hoạch đã lập ra. Một chương trình đã duy trì được là "Chương trình Giáo dục cho người dân bản địa" của cộng đồng ngôn ngữ Mắc-bi-kin ở Mo-rong, Ba-tan. Nghiên cứu thực hành này gồm hai giai đoạn: Giai đoạn đầu tập trung vào xác định nhu cầu học tập, xây dựng chương trình và biên soạn tài liệu học tập; Giai đoạn hai bao gồm xuất bản các tài liệu học tập, nâng cao năng lực và tổ chức lớp học. Báo cáo của chương trình này đã xác định một số chiến lược nghiên cứu được các hướng dẫn viên của chương trình sử dụng, để tìm hiểu mục đích và nhu cầu của cộng đồng:

- ▶ Các cuộc hội thảo định hướng về chương trình trong đó tập trung vào trình bày mục đích và tiến trình thu thập thông tin qua nghiên cứu thực hành.
- ▶ Các cuộc đối thoại với cộng đồng nhằm tạo lập mối quan hệ tốt với lãnh đạo và các thành viên khác của cộng đồng.
- ▶ Các cuộc thảo luận nhóm về các chủ đề cụ thể, nhằm thu thập thông tin về cộng đồng.
- ▶ Các chuyến đi thăm gia đình và phỏng vấn các thành viên chủ chốt của cộng đồng, nhằm kiểm chứng và bổ sung các thông tin đã thu thập được qua các cuộc thảo luận nhóm.

Nhu cầu và vấn đề đã xác định trong các cuộc họp trên được phân loại và đặt thứ tự ưu tiên dựa vào góp ý của các thành viên trong cộng đồng. Các hướng dẫn viên của chương trình sử dụng thứ tự này để xây dựng chương trình học tập lấy cộng đồng làm trung tâm trong chương trình giáo dục không chính quy.

6 Valles, M.C. 2005. Nghiên cứu thực hành về Phát triển Chương trình Giáo dục cho người dân bản địa cho bộ lạc Mắc-bi-kin ở Mo-rong, Ba-tan, Phi-líp-pin. UNESCO: Tiếng mẹ đẻ trước tiên: *Chương trình Xóa mù chữ dựa vào Cộng đồng cho các Cảnh hưởng Ngôn ngữ Thiếu số ở Châu Á*. Băng Cốc, UNESCO, pp. 181-195.

Nâng cao nhận thức và huy động các đối tác. Khi mọi người muốn hỗ trợ chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ thì họ cần phải có thông tin về mục đích và ích lợi của chương trình. Các hoạt động nâng cao nhận thức và huy động cần phải cung cấp các thông tin, nhằm khuyến khích mọi người hợp tác trong việc lập kế hoạch, thực hiện và hỗ trợ chương trình. Các hoạt động có thể tổ chức ở cấp cộng đồng, cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cấp quốc gia.

Nâng cao nhận thức và huy động trong cộng đồng. Do nhiều nguyên nhân khác nhau người dân của các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số đôi khi không nhận thức được giá trị ngôn ngữ của họ. Họ thường cho rằng tốt nhất là để con em mình học ngôn ngữ quốc gia càng sớm càng tốt. Họ lo rằng nếu các em sử dụng tiếng mẹ đẻ trong lớp học thì các em sẽ có ít cơ hội được học ngôn ngữ quốc gia.

Để thay đổi những quan niệm này, hoạt động nâng cao nhận thức cần tập trung vào cả lợi ích giáo dục và văn hoá của giáo dục song ngữ/đa ngữ. Cần tiến hành các hoạt động như thảo luận về giáo dục song ngữ/đa ngữ với cha mẹ học sinh và các thành viên khác trong cộng đồng, giới thiệu cho họ về các tài liệu đọc bằng ngôn ngữ của họ, biểu diễn các vở kịch (Ví dụ: một vở kịch về một lớp học mà giáo viên sử dụng ngôn ngữ học sinh không hiểu, sau đó là vở kịch về lớp học mà giáo viên sử dụng ngôn ngữ trong gia đình của học sinh). Sau đó, thảo luận các thông điệp có trong các vở kịch; thăm một lớp học giáo dục song ngữ/đa ngữ ở một cộng đồng khác hoặc chiếu phim về hoạt động của lớp học song ngữ/đa ngữ.

VÍ DỤ CỦA PHI-LÍP-PIN

Nâng cao nhận thức cho cộng đồng của một chương trình giáo dục tiểu học⁷

Các nhà giáo dục của Phi-líp-pin đã tới thăm một cộng đồng để trao đổi với phụ huynh học sinh về chương trình giáo dục đa ngữ đã được thực hiện ở trường học. Một số phụ huynh vẫn không hiểu rõ mục đích của chương trình và lo ngại rằng con em họ không thể học tốt tiếng Phi-líp-pin và tiếng Anh (những ngôn ngữ chính thức của Phi-líp-pin). Các nhà giáo dục đã giải thích rằng chương trình giáo dục đa ngữ nhằm mục đích giúp con em họ tạo lập và duy trì được nền tảng kiến thức vững chắc bằng ngôn ngữ các em sử dụng trong gia đình và hình thành một chiếc cầu tốt để bước sang học ngôn ngữ chính thức. Họ đã trả lời tỉ mỉ câu hỏi của các phụ huynh và dẫn ra một số ví dụ tương tự ở một số nơi khác. Vào cuối buổi họp, các bậc phụ huynh đã nói với các nhà giáo dục: "Thôi được, chúng tôi sẽ ủng hộ chương trình này. Nhưng các ông bà cần về và nói với những người ở Ma-ni-la rằng họ phải giúp con em chúng tôi xây được nền tảng vững chắc và một cây cầu tốt đấy nhé!"

7 Trích dẫn phát biểu cá nhân của tác giả. 2001. Phi-líp-pin

Nâng cao nhận thức và huy động ở cấp huyện và cấp tỉnh. Nếu như các cán bộ giáo dục ở các cấp địa phương không hiểu được lí do tại sao phải sử dụng ngôn ngữ thiểu số trong trường tiểu học thì họ sẽ khó có thể ủng hộ giáo dục đa ngữ. Các cán bộ giáo dục cần phải có thông tin về lí do, mục đích và lợi ích của giáo dục song ngữ/đa ngữ và đảm bảo rằng chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ sẽ xứng đáng để họ ủng hộ và nỗ lực thực hiện chương trình.



© Viện Ngôn ngữ Mùa hè Quốc tế (SIL)

Các hoạt động huy động bao gồm:

- Thảo luận nhóm (với thành viên các cộng đồng thiểu số) về những khó khăn trong học tập mà học sinh gặp phải, khi các em không nói được ngôn ngữ chính thức trong nhà trường;
- Tham quan các lớp học song ngữ/đa ngữ, hoặc xem phim về lớp học, sau đó thảo luận về những gì họ đã quan sát;
- Tham gia vào các nghiên cứu sơ bộ ban đầu, tập huấn và xây dựng chương trình;
- Khuyến khích họ tìm tòi sáng tạo để thực hiện chương trình thành công.

Nâng cao nhận thức và huy động ở cấp quốc gia. Việc tổ chức tham quan các chương trình thành công ở trong hay ngoài nước là một hoạt động nâng cao nhận thức có hiệu quả đối với các nhà hoạch định chính sách và quan chức trung ương. Một biện pháp chiến lược khác là tổ chức các hội nghị hoặc hội thảo chuyên đề về giáo dục song ngữ/đa ngôn ngữ cấp quốc gia hay khu vực.

VÍ DỤ CỦA ẤN ĐỘ

Nâng cao nhận thức về giáo dục đa ngữ ở cấp quốc gia⁸

"Hội thảo về Giáo dục đa ngữ, đặc biệt chú ý đến Giáo dục cho các bộ lạc" đã được tổ chức vào năm 2005 tại Mi-so, Ấn Độ. Hội thảo được tổ chức trong 3 ngày với sự tài trợ của UNESCO, UNICEF và Ủy ban Quốc gia về Giáo dục, Đào tạo và Nghiên cứu, Viện Ngôn ngữ quốc gia Ấn Độ.

Mục đích của hội thảo là tạo cơ hội cho thành viên các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số, những người thực hiện, các học giả và các nhà hoạch định chính sách thảo luận về các vấn đề liên quan đến nhu cầu giáo dục của những người nói ngôn ngữ thiểu số. Những người tổ chức hội thảo hi vọng các đại biểu có thể học hỏi lẫn nhau khi họ trình bày về việc lập kế hoạch chương trình giáo dục sao cho phù hợp với nhu cầu giáo dục của cộng đồng ngôn ngữ, bảo tồn ngôn ngữ và văn hoá của người học.

Do chính sách ở Ấn Độ được lập từ cấp trung ương nên hội thảo đặc biệt chú trọng nâng cao nhận thức của các quan chức chính phủ trung ương. Hội thảo còn mời các đại biểu từ những cộng đồng ngôn ngữ thiểu số, các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ chương trình giáo dục đa ngữ, một số trí thức và cán bộ chính phủ ở cấp trung ương. Mục đích là đảm bảo sự cân bằng trong số lượng đại biểu địa phương, trí thức và người lập chính sách.

Kết thúc hội thảo, đại biểu đã thống nhất bốn điểm được coi là các thành tố cần thiết của chương trình giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ ở Ấn Độ:

- ▶ Sự tham gia của cộng đồng ngay từ khi bắt đầu (ngay cả trong việc quyết định hệ thống chữ viết);
- ▶ Chương trình dạy học phải xuất phát từ thực tế địa phương;
- ▶ Giáo viên là người nói ngôn ngữ của học sinh;
- ▶ Tài liệu đọc phải đa dạng và bằng ngôn ngữ ở nhà của học sinh;

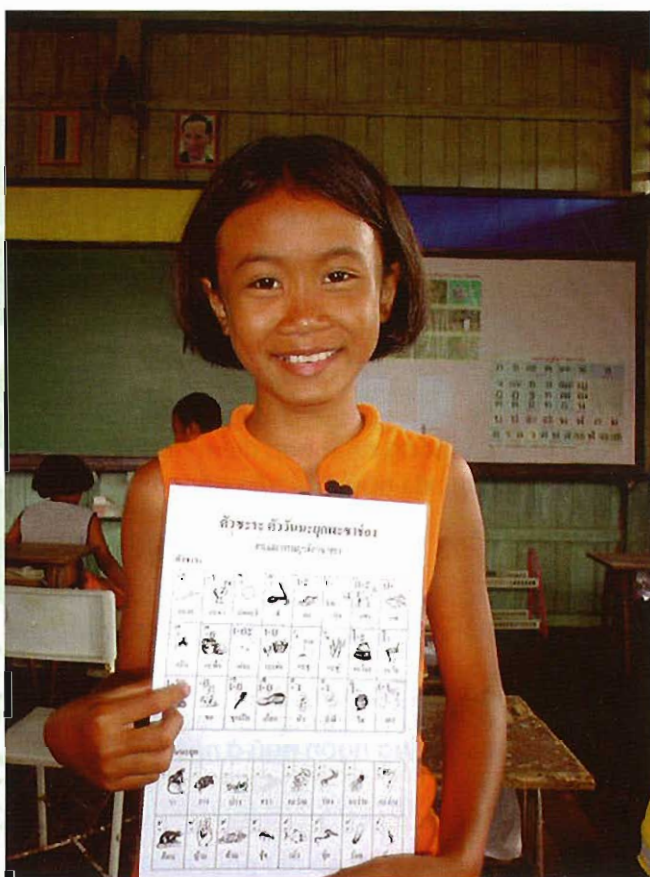
8 Từ kinh nghiệm của các tác giả

Phát triển hệ thống chữ viết cho những ngôn ngữ chưa có chữ viết. Phát triển hệ thống chữ viết cho một ngôn ngữ đòi hỏi phải lựa chọn và thử nghiệm các kí tự/chữ cái và quy tắc chính tả (chữ hoa, dấu câu, vv...).

Phát triển hệ thống chữ viết nhằm hai mục đích: 1) người bản ngữ sẽ chấp nhận chữ viết và sử dụng nó thường xuyên, 2) các cơ quan hữu quan của chính phủ phê chuẩn hệ thống chữ viết đó.

Quá trình phát triển hệ thống chữ viết thường bao gồm các hoạt động sau:

1. **Khảo sát ngôn ngữ:** Thu thập các thông tin về ngôn ngữ như số lượng người sử dụng, khu vực địa lí sử dụng ngôn ngữ đó, số lượng phương ngữ và mức độ giống hay khác nhau giữa các phương ngữ, thái độ của người dân đối với ngôn ngữ của họ, những lĩnh vực (ví dụ như về xã hội, kinh tế, chính trị, tín ngưỡng, văn hoá) trong đó ngôn ngữ này được sử dụng.
2. **Phân tích ngôn ngữ:** Xác định các yếu tố của ngôn ngữ cần được thể hiện bằng chữ cái hay kí hiệu .



© Viện Ngôn ngữ Mùa hè Quốc tế (SIL)

3. *Thiết kế hệ thống chữ viết thử nghiệm*: Tổ chức hội thảo về hệ thống chữ viết để người dân bản ngữ, với sự hỗ trợ của các nhà ngôn ngữ học, xác định các chữ cái hay kí tự thể hiện được ngôn ngữ và thiết kế được một hệ thống chữ viết thử nghiệm.
4. *Thử nghiệm*: Thử nghiệm hệ thống chữ viết theo hai cách: chính thức (quan sát mọi người sử dụng chữ viết và ghi chép lại những vấn đề), không chính thức (khuyến khích người sử dụng chữ viết đó càng nhiều càng tốt và đề nghị họ đưa ra ý kiến phản hồi).
5. *Chỉnh sửa*: Tìm kiếm các chữ cái hay kí tự để thay thế, nếu như trong quá trình lựa chọn chữ viết phát hiện ra lỗi.
6. *Phê chuẩn*: Tổ chức hội thảo lần thứ hai giới thiệu cho những người bản ngữ về hệ thống chữ viết đã được chỉnh sửa để họ có thể thông qua. Đồng thời cũng cần phải có sự phê chuẩn của các cơ quan có thẩm quyền.

Việc phát triển hệ thống chữ viết cho một ngôn ngữ tốt nhất là bắt đầu bằng việc phân tích ngôn ngữ để tìm ra các yếu tố ngôn ngữ cần được thể hiện bằng chữ cái hay kí tự. Tuy nhiên, đôi khi các thành viên của cộng đồng muốn bắt đầu chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ nhanh chóng và cảm thấy họ không có đủ thời gian cho việc phân tích ngôn ngữ ở quy mô rộng. Cách tốt nhất là người bản ngữ cùng nhau làm việc với sự hỗ trợ của các nhà ngôn ngữ học để có thể phát triển được bộ chữ viết ban đầu cho ngôn ngữ của mình. Tuy nhiên, cần đặc biệt lưu ý rằng: Bộ chữ viết được phát triển càng nhanh thì việc thử nghiệm chữ viết đó càng phải được tiến hành thận trọng. Đồng thời trước khi người bản ngữ và các cơ quan hữu quan của chính phủ chấp thuận bộ chữ viết thì không nên xuất bản các tài liệu đọc được in ấn đắt tiền.

VÍ DỤ CỦA PA-PUA NIU-GHI-NÊ

Phát triển hệ thống chữ viết cho nhiều ngôn ngữ⁹

Các cuộc hội thảo về thiết kế chữ viết¹⁰ giúp các thành viên của cộng đồng ngôn ngữ thiểu số có thể bắt đầu phát triển chữ viết cho ngôn ngữ của mình. Kế hoạch Hội thảo được lập ra dựa trên cơ sở niềm tin của người bản ngữ về quy tắc nói và viết của ngôn ngữ đó.

Hội thảo về thiết kế chữ viết cho một nhóm ngôn ngữ thường kéo dài trong 10 ngày. Tại hội thảo, với sự động viên, hỗ trợ của các chuyên gia thiết kế chữ viết, người bản ngữ viết và biên tập các câu chuyện, tìm kiếm các âm trong ngôn ngữ của họ, đưa ra một hướng dẫn chữ viết thử nghiệm bao gồm các chữ cái mới, quy tắc phát âm và một từ điển giải nghĩa ngắn gọn. Các câu chuyện được sáng tác trong hội thảo sẽ được tập hợp thành một tập truyện để có thể sử dụng khi thử nghiệm trong cộng đồng ngôn ngữ về bộ chữ-viết mới. Thông qua các hoạt động, các đại biểu sẽ hiểu rõ hơn về cấu trúc ngôn ngữ và các vấn đề cần phải xem xét khi phát triển bộ chữ viết thử nghiệm.

Hội thảo về thiết kế chữ viết tuân theo tiến trình cơ bản sau:

1. Đại biểu viết sau đó đọc các câu chuyện bằng ngôn ngữ của mình;
2. Họ xác định các vấn đề với bộ chữ viết trong quá trình họ viết và đọc;
3. Họ thảo luận về các lựa chọn để giải quyết các vấn đề đã xác định;
4. Họ quyết định về chữ cái hay kí tự sẽ được sử dụng;
5. Họ thử nghiệm bộ chữ cái đã được quyết định.

Trong quá trình ra quyết định cần lặp lại tiến trình năm bước trên càng thường xuyên càng tốt. Đây là cách khuyến khích đại biểu đánh giá bộ chữ viết mới và đưa ra những thay đổi cần thiết. Tiến trình cũng giúp họ hiểu hệ thống chữ viết của họ không phải là không bao giờ thay đổi được. Nó là công cụ mà cộng đồng ngôn ngữ sử dụng và có thể thay đổi khi cần thiết.

⁹ Easton, C. 2003 (7-9 tháng 11). *Hội thảo thiết kế bảng chữ cái ở Pa-pua Niu Ghi-nê: Một phương pháp phát triển hệ thống chữ viết dựa vào cộng đồng*. Hội nghị quốc tế về Phát triển và tái sinh ngôn ngữ và giáo dục đa ngữ. Băng Cốc,

¹⁰ Hội thảo thiết kế bảng chữ cái được Viện Ngôn ngữ Mùa hè Quốc tế tổ chức tại Pa-pua Niu Ghi-nê. Xem Easton, C. 2003. http://www.sil.org/asia/ldc/parallel_papers/catherine_easton.pdf (Truy cập ngày 17/11/2006)

Ở Pa-pua Niu-gi-nê, đất nước với năm triệu dân nói hơn 800 ngôn ngữ, các cuộc Hội thảo thiết kế chữ viết đã đáp ứng được rất nhiều nhu cầu. Từ khi Bộ Giáo dục bắt đầu tiến hành chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ vào giữa những năm 1990, rất nhiều cộng đồng ngôn ngữ thiểu số muốn phát triển hệ thống chữ viết để họ có thể tham gia vào chương trình. Từ năm 1998 đến năm 2002, đã có 47 Hội thảo thiết kế chữ viết được tổ chức và các thành viên của hơn 100 ngôn ngữ đã thiết kế được các bộ chữ cái thử nghiệm cho ngôn ngữ của mình.

Phát triển chương trình dạy học song ngữ/đa ngữ. Trong chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ triệt để (tức là các chương trình sử dụng tiếng mẹ đẻ là một trong những ngôn ngữ giảng dạy trong vòng ít nhất 6 năm) học sinh cần phải đạt được ba kết quả học tập sau:

1. Hiểu và áp dụng được các khái niệm học thuật vào trong các môn học chính;
2. Bắt đầu phát triển khả năng và sự tự tin đối với việc sử dụng ngôn ngữ chính thức trong trường học;
3. Tự tin và thành thạo trong việc sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình trong nói và viết với nhiều mục đích khác nhau kể cả mục đích học tập.



© Tổ chức Trẻ em và Phát triển (E&D) / Đặng Bảo Nguyệt

Chương trình dạy học của giáo dục song ngữ/đa ngữ cần phải có được các nội dung của chương trình chính khoá, để cuối bậc tiểu học học sinh có thể chuyển tiếp sang học các lớp học chính khoá một cách dễ dàng hay khi ngôn ngữ thứ nhất không được sử dụng trong dạy học nữa (lưu ý là việc sử dụng ngôn ngữ thứ nhất trong dạy học không nên rút ra quá sớm). Chương trình của giáo dục song ngữ/đa ngữ cũng cần đưa ra trọng tâm về “phát triển ngôn ngữ” (xem điểm 2 và 3, ở trên). Giáo viên cần học các phương pháp dạy học phù hợp để giúp học sinh phát triển khả năng thành thạo và tự tin trong việc nghe, nói, đọc và viết cả ngôn ngữ trong gia đình và ngôn ngữ chính thức.

Sau đây là những gợi ý cụ thể về xây dựng chương trình của giáo dục đa ngữ:

- 1) *Đầu tiên, liệt kê các chuẩn kiến thức và kĩ năng của mỗi môn học trong chương trình chính khoá.* Xin nhớ rằng những chuẩn này đặt ra cho học sinh với tiếng mẹ đẻ là ngôn ngữ chính thức trong trường học.
- 2) *Xem xét tỉ mỉ các chuẩn kiến thức và kĩ năng của từng môn học và xác định các khái niệm chủ yếu mà học sinh cần phải học.* Lưu ý rằng, các khái niệm chủ yếu trong môn toán, khoa học, xã hội, sức khoẻ và lĩnh vực khác không phải “đặc trưng ngôn ngữ”, do đó có thể học các khái niệm đó bằng bất cứ ngôn ngữ nào. Việc xây dựng các chuẩn kiến thức và kĩ năng của chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ cần chú trọng đến các khái niệm chủ yếu này và phải phù hợp với học sinh có ngôn ngữ và văn hoá thiểu số.
- 3) *Tiếp theo, xây dựng những chuẩn kiến thức và kĩ năng ngôn ngữ của giáo dục cho cả tiếng mẹ đẻ của học sinh và ngôn ngữ chính thức trong trường học* (xem các bước phát triển ngôn ngữ ở trên). Đảm bảo các chuẩn kiến thức và kĩ năng này chú trọng tới việc sử dụng cả hai ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày và trong học các nội dung môn học.
 - Chuẩn kĩ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp có hai trọng tâm: Học sinh học cách sử dụng ngôn ngữ mới một cách có ý nghĩa và học cách nói, đọc, viết chính xác.
 - Chuẩn kiến thức và kĩ năng sử dụng ngôn ngữ cho việc học các nội dung môn học tập trung vào xây dựng vốn từ vựng học thuật của ngôn ngữ mới. (Ví dụ: các thuật ngữ trong môn toán như nhân hay chia và thuật ngữ khoa học như hội tụ hay quang hợp). Những từ này thường trừu tượng vì vậy đối với người đang học tiếng sẽ khó học, khó ghi nhớ và khó sử dụng hơn, vì vậy cần phải có kế hoạch dạy học đặc biệt.
- 4) *Đưa ra những gợi ý về hoạt động học tập mà giáo viên có thể sử dụng để giúp người học đạt được từng chuẩn kiến thức và kĩ năng.* Người học có thể khai thác trên mạng Internet hay các nguồn dữ liệu khác về việc dạy tiếng trong chương trình.
- 5) *Biên soạn tài liệu hướng dẫn giáo viên bao gồm một bảng mẫu mà giáo viên có thể sử dụng để liệt kê các ý tưởng lồng ghép tri thức địa phương vào mỗi bài học.* (Ví dụ: một bài học về sức khoẻ có thể viết tiêu đề của một câu chuyện có liên quan đến sức khoẻ của người dân địa phương được biết bằng ngôn ngữ địa phương). Thậm chí khi học sinh đã có thể sử dụng sách giáo khoa của chương trình chính khoá thì giáo viên vẫn cần tiếp tục lồng ghép tri thức địa phương vào bài học để đảm bảo rằng học sinh được tiếp tục nâng cao kiến thức bằng cả hai ngôn ngữ dựa vào kinh nghiệm của bản thân.

VÍ DỤ CỦA THÁI LAN

Biên soạn các tài liệu giáo dục đa ngữ cho Chương trình phục hồi ngôn ngữ ở trường tiểu học¹¹

Các thành viên của cộng đồng người Chông ở tỉnh Chan-ta-bu-ri, Thái Lan lo lắng rằng các con của họ đang đánh mất ngôn ngữ và văn hoá của dân tộc mình. Họ muốn đưa tiếng Chông vào trong chương trình tiểu học dạy bằng tiếng Thái. Lãnh đạo cộng đồng đã xin phép và được các cán bộ giáo dục chấp thuận sử dụng một phần thời lượng trong chương trình chung để dạy ngôn ngữ và văn hoá dân tộc.

Các thành viên của cộng đồng đã tham gia biên soạn một chương trình cho giờ học ngôn ngữ và văn hoá dân tộc Chông.¹² Họ biên soạn nội dung cho các bài dạy nói, biên soạn tất cả tài liệu giảng dạy và tài liệu đọc, tình nguyện tham gia giảng dạy cho các lớp học.

Chương trình dạy tiếng Chông có hai mục đích: giúp trẻ em người Chông học để hiểu, nói, đọc và viết được ngôn ngữ của dân tộc mình trong một không khí vui vẻ; giúp các em tôn trọng ngôn ngữ của dân tộc và tự hào trong vai trò khôi phục lại di sản văn hoá dân tộc.

Một nhóm người Chông lớn tuổi cung cấp cho giáo viên người Chông các từ chính để tổ chức các hoạt động học tập ngôn ngữ Chông. Một nhóm người lớn tuổi khác thì sáng tác các câu chuyện về văn hoá và lịch sử dân tộc Chông. Những câu chuyện này sẽ được tập hợp thành các tài liệu đọc bằng tiếng Chông. Nhóm thứ ba là các phụ huynh sáng tác các câu chuyện cho 27 cuốn "sách khổ lớn", loại sách giáo viên sử dụng để hướng dẫn cả lớp cùng đọc, đây gọi là hoạt động "đọc chung". Các học sinh cấp ba thì tham gia làm phần minh hoạ cho các sách khổ lớn. Người lớn tuổi cũng cung cấp các bài dân ca để dạy cho trẻ em trong lớp học. Một tài liệu học văn chuyển tiếp cũng được biên soạn để giúp trẻ em người Chông biết đọc và viết tiếng Thái có thể chuyển tiếp sang đọc và viết bằng ngôn ngữ của dân tộc mình.

Kinh nghiệm này đã giúp đưa ra một thực tế rằng, thành viên của cộng đồng là đội ngũ nguồn quan trọng nhất trong việc xây dựng chương trình dạy học của chương trình giáo dục đa ngữ.

11 Malone, D. và Suwilai P.2005. *Phát triển và tái sinh ngôn ngữ ở Châu Á. Nghiên cứu Mon'Khmer*, Tập 35. trang 101-120.

12 Chương trình này không sử dụng ngôn ngữ thứ nhất của học sinh để dạy các môn học khác.

Phát triển tài liệu đọc theo từng trình độ. Việc đọc giống như đi xe đạp, chúng ta chỉ cần học một lần. Học sinh đã học đọc bằng tiếng mẹ đẻ có thể chuyển di những gì đã học được sang đọc bằng ngôn ngữ mới, thậm chí ngôn ngữ đó có hệ thống chữ viết khác với tiếng mẹ đẻ. Điều quan trọng để giúp học sinh đọc thành thạo bằng cả tiếng mẹ đẻ và tiếng phổ thông là cần có nhiều tài liệu đọc bằng cả hai ngôn ngữ.

Kinh nghiệm của các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ cho thấy học sinh không cần những tài liệu đọc đắt tiền. Các cuốn sách với chữ in rõ ràng, bìa đóng cẩn thận và hình minh họa đen trắng thường vẫn được chấp nhận, đặc biệt trong những giai đoạn đầu tiên của chương trình. Những đặc điểm quan trọng của tài liệu cần là: 1) Nội dung hấp dẫn, 2) Ngôn ngữ rõ ràng và dễ hiểu, 3) Kênh hình phù hợp với kênh chữ và bối cảnh địa phương.



© Tổ chức Trẻ em và Phát triển (E&D) / Đặng Bảo Nguyệt

Bên cạnh những lợi ích mà các tài liệu này mang lại cho chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ thì kết quả của quá trình biên soạn các tài liệu bằng nhiều thứ tiếng dân tộc sẽ giúp lưu giữ lại lịch sử và các "câu chuyện" của các dân tộc đó, điều này sẽ giúp làm phong phú di sản quốc gia.

VÍ DỤ CỦA TRUNG QUỐC

Xây dựng tài liệu đọc theo từng trình độ¹³

Phần lớn dân số trong số 1,6 triệu người nói tiếng Kam¹⁴ sống ở những khu vực nông thôn, miền núi của tỉnh Quý Châu của Trung Quốc. Năm 2000, những người đứng đầu các bộ tộc người Kam đã bắt đầu một Dự án thử nghiệm giáo dục song ngữ trong phạm vi ngôn ngữ của họ. Tại dự án này, giáo viên sử dụng tiếng Kam trong lớp học ở hai năm mẫu giáo cuối cùng (với trẻ em ở độ 5-6 tuổi) trước khi dạy các em nói tiếng Trung Quốc ở lớp 1.

Một trong những quy tắc dạy đọc là, để học đọc tốt, trẻ em cần luyện đọc thường xuyên và đọc nhiều văn bản có nội dung thú vị. Điều này là một thử thách đối với các cộng đồng dân tộc thiểu số có ít hoặc hầu như không có tác phẩm văn học viết nào. Những người đứng đầu chương trình Kam nhận ra rằng họ cần phải khẩn trương bắt đầu và tích cực làm việc để biên soạn được những tài liệu đọc cần thiết cho Dự án của mình.

Việc xây dựng tài liệu đọc bắt đầu bằng một trại biên soạn. Từ một lịch văn hóa và danh sách các đề tài văn hóa, các tác giả tiếng mẹ đẻ cuối cùng đã sáng tác được tổng số 160 truyện để đọc bằng tiếng Kam cho lứa tuổi lớp mẫu giáo đầu tiên và 160 truyện khác cho lứa tuổi lớp mẫu giáo thứ hai.

Các nhà giáo dục Kam đã nhận ra rằng, trẻ em sẽ cần có nhiều truyện và tài liệu đọc hơn trong quá trình chúng trưởng thành từ lớp 1 đến lớp 6. Những cuốn sách đó sẽ giúp chúng sử dụng được tiếng Kam của mình thành thạo trong khi chúng vừa học đọc và viết tiếng Trung Quốc. Do vậy, những tác giả Kam đã viết được khoảng 40 truyện cho mỗi lứa tuổi của cấp tiểu học. Những truyện này đều xoay quanh những chủ đề liên quan tới trẻ em và thu hút các em. Bên cạnh các tác phẩm truyện đó, những người nói tiếng Kam còn viết 120 “truyện ngoại khóa” khác cho trẻ em thực hành đọc riêng.

Sự chú trọng vào việc cung cấp cho học sinh người Kam tài liệu đọc phong phú đã giúp trẻ em nắm chắc được chính ngôn ngữ của mình, đồng thời giúp các em tự tin truyền đạt những gì mình biết sang tiếng Trung qua đọc và viết. Những quan sát sơ bộ cho thấy, trẻ em Kam ở những lớp bé của bậc tiểu học đã viết và đọc tiếng Trung Quốc tốt hơn trước đây rất nhiều.

13 [^]Geary, N. và Pan, 2001 (19-21 tháng 9) *Tám trăm câu chuyện phát triển cho người Đông: Một Dự án thử nghiệm Giáo dục song ngữ ở tỉnh Quý Châu, Trung Quốc*. Hội thảo Quốc tế Oxford Giáo dục và Phát triển lần thứ 6. Oxford, Vương Quốc Anh.

14 “Kam” là tên mà người dân ở đây tự đặt cho họ. Những người khác ở Trung Quốc thường gọi tộc người này là người “Đông”

Tuyển dụng và đào tạo cán bộ giáo dục đa ngữ. Những chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ thành công nhất là những chương trình tuyển dụng được các cá nhân nhiệt tình và có uy tín, đồng thời là những chương trình giúp họ mở rộng được kiến thức, phát triển được kỹ năng, tính sáng tạo và gắn bó với vai trò được giao. Cán bộ giáo dục đa ngữ có vai trò trong cả hai mảng hoạt động sau:

Đối với nhiều ngôn ngữ	Đối với một ngôn ngữ
<ul style="list-style-type: none"> ▶ Lập kế hoạch và điều phối chương trình ▶ Xây dựng chương trình giảng dạy ▶ Đào tạo cán bộ (bao gồm cán bộ tập huấn) ▶ Giám sát quá trình xây dựng và biên soạn tài liệu (bằng nhiều thứ tiếng) ▶ Giám sát các lớp học 	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Lập kế hoạch và điều phối chương trình ▶ Dạy tại các lớp học ▶ Biên soạn tài liệu đọc ▶ Minh họa tài liệu ▶ Biên tập tài liệu ▶ Hỗ trợ chương trình <p>(thành lập ủy ban hỗ trợ Giáo dục song ngữ/đa ngữ)</p>

30

Một trong những khó khăn đối với các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ là có rất ít người nói tiếng mẹ đẻ của các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số có bằng cấp giảng dạy chuyên nghiệp, vì trước đây không có hoạt động giáo dục này hoặc nếu có thì không hiệu quả. Dần dần, nhờ các chương trình giáo dục đa ngữ hiệu quả được xây dựng và gìn giữ, tình hình đã thay đổi. Cho tới khi, một giải pháp là tìm các cá nhân nói thành thạo tiếng địa phương, những người hiểu và trân trọng văn hóa địa phương và những người được cộng đồng tôn trọng để đào tạo cho họ, giúp họ có thể giảng dạy. Kinh nghiệm từ các quốc gia trên thế giới cho thấy, những giáo viên không chuyên khi có được tài liệu giảng dạy để sử dụng, được đào tạo tốt từ ban đầu, được bồi dưỡng thường xuyên và nhận được sự hỗ trợ kịp thời đều có thể dạy học rất tốt. Nếu giáo viên địa phương không thành thạo tiếng phổ thông, cần thêm hợp phần học tiếng vào các khóa đào tạo giáo viên. Một biện pháp thực hành hiệu quả là áp dụng hình thức “dạy nhóm”: một giáo viên trợ giảng của một cộng đồng địa phương làm việc cùng một giáo viên chính thức của một trường tiểu học không thuộc cộng đồng đó và mỗi người phụ trách các buổi học bằng tiếng của mình.

VÍ DỤ CỦA CAM-PU-CHIA

Tuyển dụng và đào tạo giáo viên¹⁵

Mục đích của Dự án Giáo dục cho trẻ em vùng Cao nguyên tại tỉnh Ra-ta-na-ki-ri ở Cam-pu-chia là lập nên các trường học làng tại các cộng đồng thiểu số bị hạn chế hoặc không được tiếp cận với giáo dục hay các dịch vụ cơ bản khác của Chính phủ. Việc cung cấp giáo dục là nhiệm vụ đặc biệt đầy thử thách ở các khu vực cao nguyên xa xôi, do ở đây thường xuyên thiếu giáo viên, học sinh đến lớp không đều, thiếu tài liệu dạy và học phù hợp về mặt văn hóa.

Ban lãnh đạo các trường học làng có trách nhiệm quản lý trường học của mình và lựa chọn giáo viên. Giáo viên nói tiếng địa phương cũng tốt như tiếng Khơ-me – ngôn ngữ quốc gia. Do giáo viên cũng là người cùng cộng đồng với học sinh, họ có chung kiến thức nền tảng và kinh nghiệm. Những thử thách như đã nêu trên là do hạn chế tiếp cận với giáo dục trước đây, nên không ai trong số những người được lựa chọn để giảng dạy tại các trường học làng đã hoàn thành bậc tiểu học.

Dự án Giáo dục cho trẻ em vùng Cao nguyên được thiết kế nhằm chuẩn bị cho những cá nhân này trở thành giáo viên ở môi trường hai ngôn ngữ, hai văn hóa ở vùng sâu, vùng xa. Khóa học cũng nhằm đào tạo giáo viên thích hợp về mặt văn hóa cho những người thuộc các nhóm dân tộc thiểu số bằng cách:

- ▶ Giúp người tham gia phát triển hoặc mở rộng kiến thức;
- ▶ Trang bị cho họ kiến thức và kỹ năng trong phương pháp giảng dạy;
- ▶ Chuẩn bị cho họ trở thành những giáo viên có óc phán xét và suy đoán, luôn nỗ lực vì sự tiến bộ không ngừng của bản thân;
- ▶ Tạo cho họ khả năng đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng thông qua việc tham gia vào các diễn đàn và quá trình giáo dục;
- ▶ Đóng góp cho sự tăng cường vai trò xã hội của họ trong cộng đồng;
- ▶ Hỗ trợ sự phát triển cho tương lai giáo dục địa phương.

Đào tạo giáo viên thực hiện theo “những chu trình học” trong đó người được đào tạo tham gia vào các chu trình: Ban đầu được học lý thuyết - Tiếp đến thực hành trực tiếp - Sau đó đánh giá. Đây là một phương pháp tiếp cận “nghiên cứu thực hành” được công nhận trên toàn thế giới, đặc biệt bởi các nhà giáo dục, như một chiến thuật thúc đẩy việc học tập có hiệu quả và phát triển thực hành có cơ sở.

15 Middleborg, J. 2005. *Dự án Giáo dục cho trẻ em vùng cao: Những bài học hay từ giáo dục cơ bản*. Băng Cốc, UNESCO.

Ghi chép và đánh giá chương trình. Trong các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ được duy trì, việc đánh giá, ghi chép bắt đầu từ giai đoạn lập kế hoạch và tiếp tục trong suốt quá trình tồn tại của chương trình. Dưới đây là những hợp phần của chương trình cần được ghi chép và đánh giá thường xuyên cùng những câu hỏi làm ví dụ giúp định hướng cho quá trình ghi chép và đánh giá:

Chương trình học/phương pháp giảng dạy: Kết quả học có rõ ràng không? Giáo viên có cảm thấy thoải mái với phương pháp giảng dạy không? Nội dung bài học có thực sự gắn gũi với văn hóa địa phương không? Chương trình học có thể được cải tiến như thế nào?

Nhân lực: Giáo viên có tuân thủ kế hoạch giảng dạy không? Cán bộ hướng dẫn và cán bộ đào tạo có khuyến khích và hỗ trợ đội ngũ cán bộ/nhân viên địa phương không? Làm thế nào để giúp cán bộ/nhân viên các cấp xây dựng năng lực, sự tự tin và tính sáng tạo trong khi thực hiện nhiệm vụ?

Đào tạo: Giáo viên đã hoàn thành các lớp/khóa đào tạo giáo viên có chứng tỏ họ hiểu được phương pháp giảng dạy đó hay không? Các soạn giả đã qua trại sáng tác có thể hiện được khả năng sáng tác, minh họa, biên tập và kiểm tra các tài liệu bằng tiếng mẹ đẻ của họ không? Đào tạo có thể được cải tiến như thế nào?

Tài liệu: Tài liệu giảng dạy cho giáo viên không chuyên có dễ hiểu và dễ sử dụng không? Những người nói tiếng mẹ đẻ có thấy những tài liệu đọc đó phù hợp không? Học sinh có đọc được không? Các em có yêu thích những tài liệu đó không? Hệ thống tài liệu đọc đã đủ chưa? Hệ thống phân phát có hiệu quả và tin cậy không? Phần nào có thể cải tiến được?

Tiến bộ của học sinh: Học sinh có chứng tỏ được rằng các em đạt được kết quả học tập theo chuẩn kiến thức kỹ năng của từng lớp hay không? Học sinh có được lên lớp đều đặn không? Học sinh và cha mẹ học sinh có hài lòng với sự tiến bộ của con em mình không? Cần làm gì để giúp học sinh học tốt hơn?

Sự tiến triển và chất lượng của chương trình: Chương trình có tiến triển như kế hoạch đã đặt ra không? Những người chịu trách nhiệm về chương trình, bao gồm cả những thành viên của các cộng đồng ngôn ngữ, có hài lòng với tiến triển của chương trình không? Có thể làm gì để đảm bảo chất lượng chương trình vẫn được duy trì khi mở rộng chương trình?

Hiệu quả chi phí: Các bên tham gia có hài lòng với chi phí thực hiện chương trình là xứng đáng với những lợi ích đã thu được không? Có cách nào để chi phí ít hơn mà không làm ảnh hưởng đến chất lượng chương trình không?

Tác động lâu dài của chương trình. Kết quả của chương trình có đem lại những thay đổi như mong muốn hoặc ngoài mong muốn nào cho cộng đồng ngôn ngữ thiểu số nói riêng và đối với xã hội nói chung?

Xây dựng các công cụ đánh giá tốt, ghi chép kết quả và sau đó sử dụng thông tin để tạo ra những thay đổi cần thiết, đảm bảo rằng chương trình đáp ứng được mong đợi của những người chịu trách nhiệm và tài trợ cho chương trình đó. Quan trọng hơn cả là ghi chép và

đánh giá giúp đảm bảo cho chương trình đạt được mục tiêu và mong đợi của các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số. Thêm vào đó, ghi chép về các điểm mạnh và điểm yếu của các chương trình hiện đang triển khai là cung cấp thông tin quý báu cho những ai đang xây dựng kế hoạch cho những chương trình mới.

Ví dụ về ghi chép và đánh giá chương trình giáo dục đa ngữ Dự án Nghiên cứu quá trình phát triển

Các nghiên cứu quá trình phát triển của các chương trình Giáo dục đa ngữ ở Châu Âu và Bắc Mỹ cho thấy rằng lợi ích của giáo dục đa ngữ trở nên rõ ràng nhất sau một khoảng thời gian dài. Ví thể, những đánh giá chính xác về các chương trình giáo dục đa ngữ cần thực hiện đối với học sinh của cộng đồng ngôn ngữ thiểu số trong suốt thời gian thực hiện chương trình giáo dục đa ngữ và cả sau đó nữa, để xem xét những học sinh này học như thế nào trong hệ thống giáo dục phổ thông chính khóa so với những học sinh chưa bao giờ được học bằng tiếng mẹ đẻ ở trường.

Cho tới nay, có rất ít nghiên cứu như thế này ở Châu Á - Thái Bình Dương hoặc Châu Phi. Để cung cấp thông tin về giáo dục đa ngữ cho những nhà hoạch định chính sách và những nhà giáo dục ở những khu vực nói trên, một Dự án Nghiên cứu quá trình phát triển đã được Viện Ngôn ngữ Mùa hè Quốc tế triển khai vào năm 2003. Dự án thu thập và phân tích dữ liệu từ các chương trình giáo dục đa ngữ đã được thực hiện trong thời gian hơn 10 năm.

Dự án Nghiên cứu quá trình phát triển sẽ theo dõi học sinh của các lớp học thử nghiệm (giáo dục đa ngữ) và các lớp học "đối chứng" (không dùng ngôn ngữ nói ở nhà) từ cấp tiểu học đến cấp trung học. Dự án sẽ đặc biệt chú ý tới việc duy trì sĩ số và lưu giữ thông tin, kết quả học tập của học sinh qua các kỳ thi tại cấp địa phương, cấp huyện, cấp tỉnh và/hoặc cấp quốc gia, những đánh giá về tài liệu và phương pháp giảng dạy, thái độ giáo viên, hoạt động tập huấn và giám sát.

Sự hợp tác giữa các cơ quan hỗ trợ. Chỉ một mình Chính phủ không thể hoạch định và thực thi các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ hiệu quả và bền vững nếu không có sự tham gia của các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số. Kể cả khi có được sự giúp đỡ của các tổ chức Phi chính phủ, những cộng đồng này vẫn không thể tự mình duy trì các chương trình giáo dục nếu không có sự hỗ trợ của Nhà nước ở tất cả các cấp. Các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ có hiệu quả và bền vững đòi hỏi sự hợp tác và hỗ trợ của nhiều cơ quan: chính phủ, các trường đại học, các viện nghiên cứu, các tổ chức Phi chính phủ và các cơ quan, tổ chức khác, tất cả cùng với cộng đồng xây dựng kế hoạch, triển khai và đánh giá các chương trình của họ. Xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa các cơ quan hỗ trợ sẽ tận dụng được tối đa các nguồn lực, bao gồm cả kinh nghiệm và chuyên môn của từng đối tác.

Câu hỏi 5. Chúng ta có đủ khả năng chi trả cho việc thực hiện các chương trình giáo dục đa ngữ cho nhiều thứ tiếng không? Điều đó có xứng đáng với nỗ lực bỏ ra không?

Trả lời: Câu hỏi hợp lý hơn có thể là “Liệu chúng ta có thể không cung cấp giáo dục phù hợp cho những người nói tiếng thiểu số không?”

Chúng ta có vài trăm năm minh chứng rằng giáo dục thả nổi bằng ngôn ngữ thứ hai là “rất không hiệu quả”, nếu không muốn nói thẳng ra đó là một sự hoang phí và phân biệt đối xử, bởi vì những hệ thống trường học như vậy thường có đặc điểm là số học sinh theo học ít, tỷ lệ lưu ban và tỷ lệ bỏ học cao, và tỷ lệ hoàn thành chương trình học thấp. Cái giá phải trả đối với một người phải bỏ công việc sản xuất nông nghiệp và việc nhà để đến trường học, chỉ để trải nghiệm sự thất bại và chưa nhận được sự quan tâm đúng mức, là quá đắt. Do đó, tổng chi phí phải trả đối với xã hội rõ ràng là rất lớn, điều đó một phần là do thiếu sự quản lý toàn diện của nhiều người và các bên tham gia tại các quốc gia sau khi thoát khỏi chế độ thực dân.¹⁶

Ngoài những lợi ích giáo dục và tài chính lâu dài, các chương trình giáo dục song ngữ/ đa ngữ mang mục đích rộng lớn hơn nữa. Sự hỗ trợ của Chính phủ cho các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ chứng tỏ rằng ngôn ngữ thiểu số và những ai nói ngôn ngữ thiểu số đều đáng quý. Các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ giúp người học xây dựng được một “cầu nối” vững chắc giữa ngôn ngữ nói trong gia đình của họ và ngôn ngữ chính thức của quốc gia sẽ giúp xây dựng được sự thống nhất quốc gia mà không cần người dân phải lãng quên di sản ngôn ngữ và văn hóa độc đáo của họ. Kinh nghiệm trên thế giới cho thấy việc từ chối hay kìm hãm di sản ngôn ngữ và văn hóa của con người là một trong những nguyên nhân gây chia cắt và xung đột. Giáo dục song ngữ/đa ngữ ủng hộ, hỗ trợ sự thống nhất thông qua khẳng định tính đa dạng hơn là thay thế sự đa dạng đó.

Có lẽ những người thích hợp nhất để trả lời cho câu hỏi “Điều đó có xứng đáng không?” chính là người dân của những cộng đồng dân tộc thiểu số. Để nói lời kết cho cuốn tài liệu này với tiếng nói của cộng đồng, xin được trích dẫn quan điểm của một bậc phụ huynh Pa-pua Niu Ghi-nê:

Khi trẻ em đi học, các em đến một nơi xa lạ. Các em xa cha mẹ, xa khu vườn nhà mình, xa những gì thân thuộc trong đời sống của mình. Các em ngồi trong một lớp học và học những kiến thức không gần gũi với các em. Sau này, do các em chỉ học những kiến thức xa lạ, các em sẽ chối bỏ chính những gì vốn đã thân thuộc với mình.

Các em không muốn đào khoai lang, vì nói rằng khoai lang bẩn. Các em không muốn giúp mẹ đi lấy nước. Các em coi thường những thú và những việc như thế. Trẻ em bây giờ đã khác rất nhiều. Các em không nghe lời cha mẹ. Các em trở thành những đứa trẻ hư. Và điều này là do các em đi học và rời bỏ những gì của chúng ta.

16 Benson, C. 2001 (20/04). *Những lợi ích thực tế và tiềm năng của các chương trình giáo dục đa ngữ ở các nước đang phát triển*. Tập tiểu luận thứ ba về thực hành song ngữ. Bristol, Anh

Con tôi hiện đang học ở một trường của Tó-c-Plét. Cháu không rời xa nơi cháu đang sinh sống. Ở trường cháu được học về phong tục tập quán của dân tộc mình. Bây giờ, nó có thể viết được mọi thứ cháu muốn ở Tó-c-Plét. Không chỉ là những điều mà cháu có thể nhìn thấy mà cả những điều cháu nghĩ tới. Cháu viết về nơi đang sinh sống. Cháu viết về việc giúp mẹ gánh nước, dỡ khoai lang và làm vườn.

Khi cháu viết ra những điều này thì những việc đó trở nên vô cùng quan trọng với cháu. Cháu không chỉ đọc và viết về những điều bên ngoài, mà thông qua đọc và viết để tự hào về cách sống của dân tộc chúng tôi. Khi cháu lớn lên, cháu sẽ không chối bỏ chúng tôi. Dạy cho trẻ biết đọc và viết là rất quan trọng, nhưng dạy cho chúng biết tự hào về bản thân và tự hào dân tộc lại còn quan trọng hơn nhiều.¹⁷



© Tổ chức Trẻ em và Phát triển (E&D) / Đặng Bảo Nguyệt

17 Delpit, L.D và Kêmfield, G.1985. Đánh giá về hệ thống trường học Tó-c-Plét ở miền Bắc tỉnh Solomons. Báo cáo ERU số 51. Waigani, Pa-pua Niu Ghi-nê, Đại học Pa-pua Niu Ghi-nê. Trang 29-30

Tài liệu tham khảo

- Benson, C. 2001 (20 April). *Những lợi ích thực tế và tiềm năng của các chương trình giáo dục đa ngữ ở các nước đang phát triển*. Tập tiểu luận thứ ba về thực hành song ngữ. Bristol, Anh.
- Benson, C. 2005 *Đạy và giáo dục dựa trên tiếng mẹ đẻ cho trẻ em gái*. Băng Cốc, UNESCO. <http://unesdoc.unesco.org/images/0014/001420/142079e.pdf> (truy cập ngày 17/11/2006)
- Cummins, J. 2000 *Ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ em song ngữ: Tại sao lại quan trọng đối với giáo dục?* <http://www.iteachilearn.com/cummins/mother.htm> (truy cập 17/11/2006)
- Delpit, L.D và Kemelfield, G.1985. *Đánh giá về hệ thống trường học Tock Plét ở miền Bắc tỉnh Solomons*. Báo cáo ERU số 51. Waigani, Pa-pua Niu Ghi-nê, Đại học Pa-pua Niu Ghi-nê.
- Easton, C. 2003 (7-9/11), *Hội thảo thiết kế bảng chữ cái ở Pa-pua Niu Ghi-nê: Một phương pháp tiếp cận với phép chính tả dựa vào cộng đồng*. Hội thảo quốc tế về phát triển ngôn ngữ, tái sinh ngôn ngữ và giáo dục đa ngữ. Băng Cốc, http://www.sil.org/asia/lc/parallel_papers/catherine_easton.pdf (truy cập ngày 17/11/2006)
- Geary, N. và Pan, 2001 (19-21 tháng 9) *Tám trăm câu chuyện phát triển cho người Đông: Một Dự án thử nghiệm Giáo dục song ngữ ở tỉnh Quý Châu, Trung Quốc*. Hội thảo Quốc tế Oxford Giáo dục và Phát triển lần thứ 6. Oxford, Vương Quốc Anh.
- Malone, D. and Suwilai P. 2005. *Phát triển ngôn ngữ và tái sinh ngôn ngữ ở Châu Á*. Nghiên cứu tiếng Mon Khmer, tập 35, trang 101-120.
- Malone, S. 2005. *Hoạch định các chương trình giáo dục dựa vào cộng đồng ở các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số*. Hướng dẫn nguồn cho những người nói tiếng mẹ đẻ là các ngôn ngữ thiểu số tham gia vào hoạch định và thực hiện các chương trình giáo dục trong cộng đồng của chính mình.
- Middleborg, J. 2005. Middleborg, J. 2005. *Dự án Giáo dục cho trẻ em Vùng cao: Những bài học hay từ giáo dục cơ bản*. Băng Cốc, UNESCO.
- Valles, M. C. 2005. *Nghiên cứu hành động về sự phát triển của Chương trình Giáo dục Nhân dân bản xứ cho tộc người Mắc-bi-kin ở Mo-rong, Ba-tan, Phi-lip-pin*. UNESCO. Ngôn ngữ thứ nhất trước hết: Các chương trình xóa mù chữ dựa vào cộng đồng cho các cảnh cảnh ngôn ngữ thiểu số ở Châu Á. Băng Cốc, UNESCO, trang 181-195
- Ngân hàng thế giới. 2005. *Những lưu ý giáo dục trong ngôn ngữ dân tộc. Giáo dục cho Mọi người*. Thủ đô Washington, Ngân hàng thế giới. http://siteresources.worldbank.org/EDUCATION/Resources/Education-Notes/EdNotes_Lang_of_Instruct.pdf (truy cập ngày 17/11/2006)

Bảng chú giải thuật ngữ

Bản địa	Người hoặc nhóm người có nguồn gốc hoặc là người cư trú rất sớm ở một vùng hay một quốc gia nào đó.
Biết chữ	Khả năng biết đọc, biết viết, biết tính toán và sử dụng một ngôn ngữ để làm bất cứ việc gì cần thiết trong cuộc sống.
Bình đẳng giới	Việc phụ nữ và nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai có các điều kiện như nhau để đạt được đầy đủ nhân quyền, được đóng góp cho sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị đồng thời hưởng lợi từ sự phát triển đó.
Chính tả	Hệ thống chuẩn của một ngôn ngữ, gồm chữ viết, quy tắc đánh vần/ghép chữ và phép chấm câu (xem hệ thống chữ viết).
Chuyển di	Những gì học được trong ngôn ngữ thứ nhất góp phần cho việc học bằng ngôn ngữ khác; khi đó người học chỉ cần học đọc một lần.
Chương trình giảng dạy	Kế hoạch, nội dung và tài liệu giảng dạy của một chương trình giáo dục
Đa ngữ	<i>Cá nhân:</i> Khả năng nói/hiểu (và đôi khi cả đọc/viết) nhiều hơn hai ngôn ngữ. <i>Xã hội:</i> Sự tồn tại của nhiều hơn hai ngôn ngữ.
Đối tác	Các cá nhân, tổ chức và cơ quan hợp tác với các cộng đồng để thực hiện một chương trình mới.
Giáo dục đa ngữ (GDĐN)	Sử dụng nhiều hơn hai ngôn ngữ trong xóa mù chữ và giảng dạy.
Giáo dục song ngữ (GDSN)	Sử dụng hai ngôn ngữ trong xóa mù chữ và giảng dạy. ► <i>Tốt nhất, việc xóa mù chữ và học bắt đầu bằng ngôn ngữ thứ nhất của người học còn ngôn ngữ thứ hai được từng bước đưa vào giảng dạy.</i>
Giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ	Việc dạy học bắt đầu bằng tiếng mẹ đẻ/ngôn ngữ thứ nhất của người học rồi dần chuyển sang dạy học bằng ngôn ngữ thứ hai (xem Giáo dục đa ngữ).
Hệ thống chữ viết	Hệ thống ký tự của một ngôn ngữ (xem Chính tả).
Hướng dẫn viên	Người giúp người khác học; giáo viên.
Huy động	Quá trình vận động và tổ chức cho cộng đồng (và những người ủng hộ) cùng làm việc để lập kế hoạch và thực hiện một chương trình.
Nâng cao nhận thức	Cung cấp thông tin giúp cho mọi người nâng cao hiểu biết để đạt được mục tiêu và nhu cầu mà bản thân họ đã xác định.
Ngôn ngữ chiếm ưu thế	Ngôn ngữ được sử dụng bởi một nhóm xã hội chiếm ưu thế, hoặc ngôn ngữ được xem là ngôn ngữ chính thức của một quốc gia. ► <i>Có thể có vị trí là ngôn ngữ chính thống hoặc ngôn ngữ quốc gia kể cả khi ngôn ngữ này không được đa số dân số sử dụng.</i>

Ngôn ngữ chính thức	Ngôn ngữ được một quốc gia sử dụng trong hành chính công và trong các cơ quan, thường bao gồm cả trường học. <i>Ví dụ: Ấn Độ có tiếng Hindi và tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức.</i>
Ngôn ngữ di sản	Ngôn ngữ của tổ tiên cha ông để lại.
Ngôn ngữ đa số	Ngôn ngữ được số đông người nói ở một khu vực/ quốc gia.
Ngôn ngữ giảng dạy	Ngôn ngữ được sử dụng để dạy và học trong các chương trình giáo dục.
Ngôn ngữ mẹ đẻ/ tiếng mẹ đẻ	Ngôn ngữ được học từ những năm đầu đời, thường là ngôn ngữ của mẹ (còn gọi là ngôn ngữ thứ nhất). ▶ Là ngôn ngữ mà một người: (a) biết đầu tiên (b) được người khác xác nhận là bản ngữ. (c) sử dụng tốt nhất (d) sử dụng nhiều nhất.
Ngôn ngữ quốc gia/ quốc ngữ/tiếng phổ thông	Ngôn ngữ được coi là quan trọng và được sử dụng rộng rãi ở một quốc gia, còn gọi là ngôn ngữ chính thức. <i>Ví dụ: Ấn Độ công nhận 2 ngôn ngữ chính thức và 22 ngôn ngữ quốc gia; Tiếng Bahasa vừa là ngôn ngữ quốc gia, vừa là ngôn ngữ chính thức của In-đô-nê-si-a; Tiếng Việt là tiếng phổ thông của Việt Nam.</i>
Ngôn ngữ thiểu số	Ngôn ngữ được phần ít dân số ở một khu vực hoặc quốc gia sử dụng, sử dụng thường là của dân tộc có số dân ít. ▶ Đôi khi được dùng để chỉ ngôn ngữ của một nhóm người khá đông nhưng không phải là nhóm chiếm ưu thế.
Ngôn ngữ thứ nhất NN1	<i>Ngôn ngữ thứ nhất, ngôn ngữ được nói, học trong những năm đầu đời, ngôn ngữ bản địa (xem Tiếng mẹ đẻ, Ngôn ngữ trong gia đình/ngôn ngữ ở nhà).</i>
Ngôn ngữ thứ hai NN2	Ngôn ngữ thứ hai, không phải ngôn ngữ bản địa, ngôn ngữ được sử dụng rộng rãi hoặc tiếng nước ngoài. ▶ Thường chỉ các trường hợp khi thứ tiếng này được sử dụng ở môi trường xã hội rộng hơn bên ngoài gia đình; trong giáo dục song ngữ; chỉ ngôn ngữ thứ hai được học/dạy sau ngôn ngữ thứ nhất. ▶ Đối với các dân tộc thiểu số, ngôn ngữ thứ hai thường là ngôn ngữ chính thức hoặc ngôn ngữ quốc gia.
Ngôn ngữ trong gia đình/ ngôn ngữ ở nhà	Ngôn ngữ được sử dụng trong gia đình (xem Ngôn ngữ thứ nhất, Tiếng mẹ đẻ). ▶ Một số người có nhiều hơn một ngôn ngữ nói trong gia đình.
Ngôn ngữ truyền khẩu	Ngôn ngữ chỉ được dùng để nói, được truyền lại bằng lời từ đời này sang đời khác, từ người này sang người khác, không có văn bản viết.
Ngôn ngữ vùng/ngôn ngữ địa phương	Ngôn ngữ được sử dụng tại các cộng đồng địa phương ở một quốc gia. ▶ Có thể chỉ những thứ tiếng chưa được phát triển đầy đủ ở dạng chữ viết.

Người mù chữ	Người chưa có cơ hội học đọc và viết bằng thứ ngôn ngữ mà người đó hiểu.
Nhóm chiếm ưu thế	Nhóm xã hội có quyền lực nhất của một quốc gia nhờ yếu tố dân số (chiếm đa số), kinh tế (sự cường thịnh) và/hoặc vị thế chính trị (quyền lực).
Nhóm ngôn ngữ thiểu số	Nhóm người có chung một ngôn ngữ và thường có ít quyền lực hơn trong xã hội do các yếu tố dân số (ít hơn về số lượng), kinh tế (không thịnh vượng bằng) và/hoặc vị thế chính trị.
Song ngữ	<i>Cá nhân:</i> Khả năng nói/hiểu (đôi khi cả đọc/viết) bằng hai ngôn ngữ. <i>Xã hội:</i> Sự tồn tại của ít nhất hai ngôn ngữ.
Sự bền vững	Việc xây dựng một chương trình và sẽ tiếp tục duy trì thực hiện chương trình đó trong thời gian dài.
Tiếng nước ngoài	Ngôn ngữ từ nước ngoài mang đến, không phải của người trong nước.
Tiếng/giọng phương ngữ	Cách sử dụng của một ngôn ngữ theo vùng hoặc nhóm xã hội.
Tình trạng bị tách biệt	Bị tách biệt với ngôn ngữ và văn hóa của mình. ► <i>Những người nói tiếng thiểu số trong nền giáo dục bằng ngôn ngữ chiếm ưu thế về sau có thể chối bỏ ngôn ngữ và văn hóa của chính mình.</i>
Tổ chức phi Chính phủ (NGO)	Cơ quan, tổ chức không thuộc hệ thống Nhà nước/chính phủ của quốc gia nào, thường hoạt động vì sự phát triển cộng đồng.
Trình độ	Kiến thức, khả năng hoặc kĩ năng ngôn ngữ hoặc các môn học khác trong chương trình giảng dạy.



United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization

UNESCO Ha Noi Office
23 Cao Ba Quat, Ha Noi
Tel : 04 - 747 0275/6
Fax : 04 - 747 0274
Email : registry@unesco.org.vn
www.unesco.org/hanoi



United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization

Bộ tài liệu
Truyền thông về Giáo dục đa ngữ:
Vì lợi ích của những đối tượng thiệt thòi

Dành cho cộng đồng





United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization

Bộ tài liệu
Truyền thông về Giáo dục đa ngữ:
Vì lợi ích của những đối tượng thiệt thòi

Dành cho cộng đồng

Bộ tài liệu truyền thông về giáo dục đa ngữ: Vì lợi ích của những đối tượng thiệt thòi

Dịch và hiệu chỉnh: Văn phòng UNESCO Hà Nội, 2008

Gồm 4 quyển tài liệu

[Nội dung: Ngôn ngữ trong chính sách và thực tế giáo dục ở khu vực châu Á và Thái Bình Dương; Tài liệu dành cho những nhà hoạch định chính sách; Tài liệu dành cho những người thực hiện chương trình; Tài liệu dành cho cộng đồng]

[“ Bộ tài liệu này là bản dịch và hiệu chỉnh từ Bộ tài liệu truyền thông về giáo dục đa ngữ [ISBN 92-9223-110-3] bản quyền của UNESCO Băng Cốc ”.]

Ảnh bìa: Tổ chức Cứu trợ trẻ em Anh (SCUK) tại Việt Nam

© UNESCO 2007

Xuất bản bởi

Văn phòng Giáo dục UNESCO Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương

920 Đường Sukhumvit, Prakanong

Băng Cốc 10110. Thái Lan

Bản tiếng Anh in tại Thái Lan

- ↪ Nội dung trình bày trong tài liệu này không mang quan điểm và chính kiến của UNESCO về các vấn đề liên quan đến vị trí pháp lý của bất cứ quốc gia, vùng lãnh thổ, thành phố hoặc khu vực nào hay phạm vi quản lý hoặc biên giới hay ranh giới nào.

LỜI GIỚI THIỆU

Việt Nam là một quốc gia đa ngôn ngữ và tiếng Việt được chọn làm ngôn ngữ quốc gia, đồng thời là ngôn ngữ giảng dạy trong nhà trường.

Người dân thuộc các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số, đặc biệt là trẻ em gái và phụ nữ, gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận với các chương trình giáo dục quốc gia, bởi tiếng Việt không phải là ngôn ngữ mẹ đẻ, ngôn ngữ mà họ sử dụng không thành thạo hoặc chưa có hoàn cảnh sử dụng. Các kiến thức và kỹ năng muốn đem đến cho họ, giúp họ có thêm cơ hội và điều kiện tiếp cận với giáo dục lại gặp phải rào cản ngôn ngữ. Có thể nói, đây là đặc điểm có tính phổ biến của các quốc gia đa ngôn ngữ.

Với mục đích hỗ trợ các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương trong việc giải quyết những khó khăn nêu trên, UNESCO Băng Cốc đã xuất bản **"Bộ tài liệu truyền thông về Giáo dục đa ngữ"**. Bộ tài liệu này đã được biên soạn dựa trên những thông tin của nhiều quốc gia trong khu vực, nó tuyên truyền về cách tiếp cận và những lợi ích của việc thực hiện các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ. Nhận thấy bộ tài liệu này có ích đối với Việt Nam, Văn phòng UNESCO Hà Nội đã phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên dịch và hiệu chỉnh Bộ tài liệu theo bối cảnh Việt Nam. Các chuyên gia giáo dục dân tộc và chuyên gia ngôn ngữ đã có nhiều đóng góp để hoàn thành Bộ tài liệu truyền thông bằng tiếng Việt.

Bộ tài liệu có trên tay bạn là tập hợp những thông tin quý dành cho những ai muốn thực hiện tốt "Chương trình Giáo dục cho Mọi người" và đặc biệt có ý nghĩa đối với các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý giáo dục và những người đang tìm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng cộng đồng ngôn ngữ thiểu số. Bộ tài liệu cũng sẽ là một tài sản có giá trị với những người dân đang mong muốn cải thiện tình hình giáo dục trong cộng đồng của mình.

Văn phòng UNESCO Hà Nội cùng Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc, Bộ Giáo dục và Đào tạo xin trân trọng giới thiệu **"Bộ tài liệu truyền thông về Giáo dục đa ngữ"** bằng tiếng Việt với bạn đọc.

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2008

Trưởng đại diện

Văn phòng UNESCO Hà Nội



Vibeke Jensen

Giám đốc

Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc



TS. Bùi Thị Ngọc Diệp

Văn phòng UNESCO Hà Nội và Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc xin trân trọng cảm ơn sự tham gia của các chuyên gia và những cá nhân có tên dưới đây đã đóng góp vào quá trình biên dịch và hiệu chỉnh Bộ tài liệu. Sự đóng góp quý báu của các Quý vị đã giúp chúng tôi hoàn thành được Bộ tài liệu bằng tiếng Việt này.

1. Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc - Bộ Giáo dục và Đào tạo

- | | |
|-------------------------|---|
| - Bà Bùi Thị Ngọc Diệp | - Giám đốc |
| - Ông Vi Văn Điếu | - Phó Giám đốc |
| - Ông Đào Nam Sơn | - Trưởng phòng Nghiên cứu nội dung và phương pháp giáo dục vùng dân tộc |
| - Ông Lê Nguyên Quang | - Trưởng phòng Nghiên cứu loại hình trường lớp vùng dân tộc |
| - Bà Trần Thị Thành | - Trưởng phòng Nghiên cứu loại hình trường lớp vùng dân tộc |
| - Ông Nguyễn Như Sang | - Nghiên cứu viên |
| - Bà Ngô Thị Thanh Thủy | - Nghiên cứu viên |
| - Bà Cao Việt Hà | - Nghiên cứu viên |

2. Vụ Giáo dục thường xuyên - Bộ Giáo dục và Đào tạo

- | | |
|------------------------|---------------|
| - Ông Nguyễn Văn Nghĩa | - Chuyên viên |
|------------------------|---------------|

3. Vụ Giáo dục dân tộc - Bộ Giáo dục và Đào tạo

- | | |
|-----------------------------|---------------|
| - Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | - Chuyên viên |
| - Bà Tôn Thị Tâm | - Chuyên viên |

4. Viện Ngôn ngữ học

- | | |
|-------------------------|--|
| - Bà Vũ Thị Thanh Hương | - Trưởng phòng Ngôn ngữ ứng dụng |
| - Ông Nguyễn Hữu Hoàn | - Trưởng phòng Quản lý nghiên cứu khoa học |
| - Ông Tạ Văn Thông | - Trưởng phòng Ngôn ngữ dân tộc thiểu số |

5. Văn phòng UNESCO Hà Nội

- | | |
|------------------------|---------------------------------------|
| - Ông Nguyễn Đăng Tuấn | - Trợ lý Cán bộ Chương trình Giáo dục |
| - Bà Lê Thị Mỹ Dung | - Trợ lý Chương trình Giáo dục |

Chúng tôi cũng xin được cảm ơn Tổ chức Trẻ em và Phát triển (E&D) và Tổ chức Cứu trợ trẻ em Anh (SCUK) tại Việt Nam đã chia sẻ những bức ảnh tư liệu để làm minh họa cho Bộ tài liệu này.

MỤC LỤC

1	Lời nói đầu	6
2	Lời cảm ơn	7
3	Tổng quan về Bộ tài liệu	8
4	Mở đầu	10
5	Tình hình giáo dục đối với trẻ em trong các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số như thế nào?	11
6	Chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ có giúp trẻ em học tốt hơn không?	12
7	Phụ huynh và giáo viên nhận xét như thế nào về việc sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ là ngôn ngữ giảng dạy trong lớp học?	15
8	Chúng ta cần làm gì để có được một chương trình đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ trong cộng đồng của mình?	16
9	Chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ có thể thực hiện được hay không? Cộng đồng với sự hỗ trợ của các đối tác có thể xây dựng và duy trì chương trình của mình hay không?	23
10	Tài liệu tham khảo	25
11	Bảng chú giải thuật ngữ	26

Lời nói đầu

Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực phong phú và đa dạng về sắc tộc, văn hóa và ngôn ngữ. Tuy nhiên, chính sự đa dạng này khiến cho việc giáo dục trẻ em trở thành một thách thức lớn. Tại Diễn đàn Giáo dục Thế giới tổ chức tại Đa-Ka (Dakar) năm 2000, một trong những mục tiêu chính đã được thông qua là "đảm bảo đến năm 2015, tất cả trẻ em, đặc biệt là trẻ em gái và trẻ em các dân tộc thiểu số, đều được tiếp cận và hoàn thành giáo dục tiểu học bắt buộc, miễn phí và có chất lượng". Một mục tiêu khác nữa là "nâng cao khả năng biết đọc biết viết, đặc biệt ở phụ nữ". Để đạt được những mục tiêu này và tạo cơ hội giáo dục công bằng hơn cần thực hiện các biện pháp hỗ trợ trực tiếp cho người học thuộc các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số. Vì hiệu quả của việc dạy học phụ thuộc vào sự rõ ràng và dễ hiểu trong giao tiếp nên ngôn ngữ giảng dạy có vị trí trung tâm trong bất cứ quá trình học tập nào. Vì vậy, dạy học dựa trên tiếng mẹ đẻ đặc biệt quan trọng nhằm giúp trẻ em sớm tiếp cận với giáo dục và tham gia vào quá trình học tập theo đúng khả năng của mình.

Tuy nhiên, thực tế ở nhiều quốc gia trong khu vực cho thấy sự đa dạng, phong phú về ngôn ngữ của một nước lại ít khi được thể hiện đầy đủ trong hệ thống giáo dục của quốc gia. Nhiều người phải học bằng tiếng nước ngoài hoặc không phải tiếng mẹ đẻ. Tình hình này càng trở nên khó khăn hơn đối với một số nhóm người đang phải chịu rủi ro hoặc sức ép giáo dục, chẳng hạn những người mù chữ, người dân tộc thiểu số và người tị nạn. Một sự thật hiển nhiên nhưng chưa được nhiều người công nhận là việc học tập bằng ngôn ngữ không phải tiếng mẹ đẻ của người học sẽ khiến cho những khó khăn đối với việc học bị nhân đôi: họ không chỉ đơn thuần là học một ngôn ngữ mới, mà họ còn phải học những kiến thức mới bằng ngôn ngữ đó.

Ở một số quốc gia Châu Á, thông qua giáo dục không chính quy, các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ đang giúp người học thuộc các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số biết đọc, biết viết bằng cả tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ quốc gia. Tuy nhiên, vai trò của giáo dục song ngữ/đa ngữ trong việc làm tăng tỷ lệ nhập học, duy trì sĩ số và đạt kết quả tốt trong hệ thống giáo dục chính quy vẫn chưa có được sự công nhận và hiểu biết đầy đủ. Bộ tài liệu này tuyên truyền cho việc xây dựng các chương trình giáo dục nhằm đáp ứng tốt hơn sự đa dạng về văn hóa. Bộ tài liệu đưa ra những phân tích thấu đáo về giá trị của giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ, một hình thức giáo dục tôn trọng quyền trẻ em và quyền của người học, cũng như khuyến khích người đọc suy nghĩ về tầm quan trọng của ngôn ngữ và tìm hiểu sâu hơn về nó. Bộ tài liệu được xây dựng dựa trên những kết quả nghiên cứu và kinh nghiệm thu được qua nhiều năm của nhiều tổ chức và cá nhân làm việc trong lĩnh vực giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ.

Tôi hy vọng các bạn sẽ thấy Bộ tài liệu này hữu ích cho việc tuyên truyền và ủng hộ việc giảng dạy bằng tiếng mẹ đẻ như một phương tiện cải thiện chất lượng giáo dục và bảo tồn những ngôn ngữ có nguy cơ biến mất trên thế giới.

Sheldon Shaeffer

Giám đốc Văn phòng Giáo dục UNESCO

Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương

Lời cảm ơn

Bộ tài liệu này đã được biên soạn với sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu, nhiều chuyên gia giáo dục và các cá nhân trong và ngoài khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. UNESCO Bằng Cốc xin trân trọng được ghi nhận và cảm ơn sự đóng góp của những người đã xây dựng Bộ tài liệu này.

Chúng tôi chân thành cảm ơn các thành viên Ban cố vấn Giáo dục Đa ngữ của UNESCO Bằng Cốc vì sự hỗ trợ tích cực trong quá trình xây dựng Bộ tài liệu này.

Chúng tôi ghi nhận những nguồn tài liệu được sử dụng trong Bộ tài liệu và khuyến khích mọi người sử dụng các nguồn tài liệu đó.

Chúng tôi cũng xin được cảm ơn những đại biểu tham dự Hội thảo về Các chương trình xóa mù chữ bằng tiếng mẹ đẻ/song ngữ cho các dân tộc thiểu số được tổ chức vào tháng 12 năm 2005 tại Chiềng Mai, Thái Lan vì những đóng góp quý báu để hoàn thiện Bộ tài liệu này.

Chúng tôi bày tỏ sự cảm ơn đối với những cá nhân đã cung cấp ảnh tư liệu cũng như thành viên của các cộng đồng các dân tộc thiểu số đã đồng ý chia sẻ những bức ảnh của mình với chúng tôi.

Bên cạnh nguồn kinh phí của UNESCO, Quỹ Ủy thác Nhật Bản đã hỗ trợ quá trình biên soạn và phân phối Bộ tài liệu. Chúng tôi đánh giá cao sự hỗ trợ này cũng như những lợi ích mà Bộ tài liệu sẽ mang lại cho người học ở trong và ngoài khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Cuối cùng, chúng tôi xin ghi nhận những đóng góp to lớn của Tiến sĩ Susan Malone, Viện Ngôn ngữ Mùa hè Quốc tế - tác giả chính của Bộ tài liệu; Ông Ochirkhuyag Gankhuyag, Trợ lý chương trình của UNESCO Bằng Cốc, đã điều phối dự án và giải quyết những khó khăn để hoàn thành Bộ tài liệu.

Dưới đây là danh sách những cá nhân đã đóng góp thời gian và sự hiểu biết quý báu cho việc hoàn thành Bộ tài liệu. Nếu do sơ suất không nêu tên những người tham gia khác, chúng tôi xin được thứ lỗi và ghi nhận sự hỗ trợ quý báu của các bạn.

Donald Archibald	Maki Hayashikawa	Jan Noorlander
George Attig	Vibeke Jensen	Tariq Rahman
Joel Bacha	Komiljon Karimov	Darunee Riewpituk
Carol Benson	Linda King	Karsten van Riezen
Jean Bernad	Kimmo Kosonen	R. Sachdeva
Terry Durnian	Pamela MacKenzie	Sheldon Shaeffer
Orchirkhuyag Gankhuyag	Dennis Malone	Clive Wing
Kibria Golam	Susan Malone	Catherin Young
Abdul Hakeem	Inna Melnikova	

Tổng quan về Bộ tài liệu

Giáo dục cho Mọi người là mang lại giáo dục có chất lượng cho tất cả mọi người. Kể từ khi bắt đầu thực hiện chương trình Giáo dục cho Mọi người, nhiều quốc gia đã rất nỗ lực để đáp ứng nhu cầu giáo dục cho trẻ em và người lớn. Mặc dù đã có rất nhiều hoạt động được triển khai, nhưng một vài nhóm người vẫn chưa nhận được sự quan tâm - đó là trẻ em gái, phụ nữ, người nghèo, người khuyết tật, người bị nhiễm HIV/AIDS và những người mà ngôn ngữ mẹ đẻ không phải là ngôn ngữ quốc gia.

Chương trình Giáo dục cho Mọi người có thể đạt được chất lượng khi mà giáo dục chỉ sử dụng một ngôn ngữ mà một số người học lại không nói và cũng không hiểu ngôn ngữ đó? Đây là tình trạng mà rất nhiều trẻ em các nhóm dân tộc thiểu số phải đối mặt khi các em bước vào hệ thống trường học chính quy - ngôn ngữ chính thức của nhà trường khác với ngôn ngữ các em sử dụng trong gia đình. Việc cho trẻ em học bằng ngôn ngữ mà các em không hiểu đã tạo ra những cản trở trong giáo dục, điều mà không nên để xảy ra.

Ở một số quốc gia trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ được xây dựng trong hệ thống giáo dục không chính quy đã giúp cho người học của các nhóm dân tộc/ngôn ngữ thiểu số trở nên biết đọc, biết viết bằng chính ngôn ngữ của mình và ngôn ngữ quốc gia. Tuy nhiên, vai trò của giáo dục song ngữ/đa ngữ trong việc giúp tăng tỷ lệ nhập học, duy trì sĩ số và hoàn thành bậc học trong hệ thống trường học chính quy chưa được quan tâm đúng mức. Mặt khác, cũng phải thừa nhận rằng, các nhà hoạch định chính sách và các nhà quản lý giáo dục phải đối mặt với những quyết định khó khăn liên quan tới ngôn ngữ giảng dạy khi mà các yếu tố về chuyên môn và chính trị còn chưa có sự thống nhất. Vì vậy, việc nhìn nhận được bức tranh toàn cảnh thực tế về thực hiện giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ của người học là một trong những bước quan trọng để đạt được mục tiêu giáo dục có chất lượng cho mọi người.

Ai có thể sử dụng Bộ tài liệu này?

Bộ tài liệu này được biên soạn cho tất cả những người muốn đảm bảo cho chương trình "Giáo dục cho Mọi người" được thực hiện một cách thực sự cho tất cả mọi người, không loại trừ bất cứ ai. Bộ tài liệu sẽ có giá trị đặc biệt đối với các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý giáo dục và các chuyên gia, những người muốn cải thiện việc tiếp cận giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục cho những người bị đẩy ra ngoài trường học vì lý do ngôn ngữ. Bộ tài liệu cũng sẽ có ích với những người nói tiếng dân tộc thiểu số muốn cải thiện tình hình giáo dục trong cộng đồng của mình.

Bộ tài liệu được thiết kế nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục đa ngữ (GDĐN) dựa trên tiếng mẹ đẻ. Bộ tài liệu trình bày những quan điểm chủ đạo và thực tế về giáo dục đa ngữ, chỉ ra những hiểu biết thấu đáo về giá trị và lợi ích của giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ của người học. Bộ tài liệu còn đưa ra các ý tưởng, các kết quả nghiên cứu và các ví dụ cụ thể để người đọc có thể suy xét về các tình huống mình đang gặp phải và gợi ý các bước tiến hành nhằm đảm bảo hệ thống trường học của quốc gia mình phù hợp hơn với sự đa dạng của ngôn ngữ.

Bộ tài liệu không phải là một cuốn sách giáo khoa và sẽ không trả lời cho tất cả những vấn đề mà người đọc quan tâm. Để hỗ trợ tối đa, cuối mỗi cuốn tài liệu, chúng tôi liệt kê danh sách các tài liệu tham khảo. Thêm vào đó, mỗi cuốn tài liệu có bảng chú giải thuật ngữ và một trang tóm tắt nội dung tài liệu ở phần đầu.

Bạn có thể sử dụng Bộ tài liệu này như thế nào?

Bộ tài liệu gồm ba cuốn sách mỏng chính. Mỗi cuốn sách mỏng dành riêng cho mỗi đối tượng độc giả: 1) Các nhà hoạch định chính sách, 2) Các nhà lập kế hoạch và thực hiện chương trình giáo dục và 3) Các thành viên trong cộng đồng. Xin lưu ý rằng phát triển giáo dục song ngữ/đa ngữ cần sự đóng góp của tất cả mọi người ở tất cả các cấp. Vì lý do đó, chúng tôi khuyến khích người đọc sử dụng cả ba cuốn sách mỏng cùng các nguồn tài liệu sẵn có khác trong quá trình hợp tác để xây dựng kế hoạch, triển khai và duy trì các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ của mình.

Bộ tài liệu có thể được sử dụng theo nhiều cách khác nhau. Những người đang thực hiện các chương trình giáo dục đa ngữ có thể sử dụng những ý tưởng trong Bộ tài liệu này để thúc đẩy việc giảng dạy bằng ngôn ngữ mẹ đẻ và củng cố cho chương trình của mình. Còn với những người chưa quen thuộc với giáo dục đa ngữ nhưng muốn nâng cao cơ hội tiếp cận giáo dục cho những học sinh nói ngôn ngữ thiểu số thì có thể sử dụng tài liệu này để xác định những vấn đề cụ thể mà họ có thể nghiên cứu và thảo luận phù hợp với hoàn cảnh của mình.

Bảng chú giải thuật ngữ

Mỗi quyển tài liệu có bảng chú giải thuật ngữ dùng trong toàn bộ Bộ tài liệu. Người đọc có thể tham khảo Bảng chú giải này khi cần thiết.

Tài liệu dành cho cộng đồng

Mở đầu

Đối với nhiều trẻ em thuộc các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số, trường học là nơi không quen thuộc. Ở đó các giáo viên dạy các em các khái niệm xa lạ bằng một ngôn ngữ cũng xa lạ. Kiến thức và kinh nghiệm các em học được từ bố mẹ và những người khác trong cộng đồng không được sử dụng trong nhà trường. Nếu cha mẹ các em cũng không sử dụng ngôn ngữ giảng dạy trong trường học, thì họ sẽ không thể tham gia vào việc giáo dục con em họ. Một phụ huynh nói về việc giảng dạy bằng ngôn ngữ quốc gia trong các trường học ở Pa-pua Niu Ghi-nê:

Khi trẻ em đến trường là đến một nơi xa lạ. Chúng không được gần gũi cha mẹ, ruộng vườn, và những thứ vốn gắn bó với chúng. Chúng ngồi trong lớp học và học những điều lạ lẫm. Bởi vì chúng chỉ được học những điều xa lạ nên sau đó chúng chối bỏ những gì vốn thuộc về chúng.¹

Tài liệu này giới thiệu về những chương trình giáo dục lấy người học và cộng đồng làm trung tâm, trong đó trẻ được bắt đầu học bằng tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ chính thức được giảng dạy trong nhà trường (và các ngôn ngữ khác, theo yêu cầu). Trong các chương trình này, kiến thức và kinh nghiệm các em học được từ cha mẹ và cộng đồng được trân trọng và là nền tảng để học những kiến thức khác. Đó là các "chương trình giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ" dành cho học sinh của các cộng đồng không nói ngôn ngữ giảng dạy trong nhà trường. Mục đích của các chương trình này là giúp học sinh đạt được các mục tiêu giáo dục mà vẫn bảo tồn được ngôn ngữ và văn hóa của dân tộc mình.

Tài liệu này được biên soạn dưới dạng các câu hỏi mà cha mẹ, thầy cô giáo, các nhà quản lý và thành viên cộng đồng thường hỏi về giáo dục đa ngữ: tại sao điều này lại cần thiết? Chương trình được thực hiện như thế nào? Học sinh có những lợi ích gì? Cần làm gì cần để thực hiện chương trình?

1 Delpit, L.D. and Kemelfield, G. 1985. *Đánh giá chương trình Viles Tok Ples Skul Scheme ở phía Bắc tỉnh Solomon*. Báo cáo ERU số 51. Waigani, Pa-pua Niu Ghi-nê, Đại học Pa-pua Niu Ghi-nê, trang 29-30.

Hỏi – Đáp:**Ngôn ngữ và Giáo dục trong các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số**

Câu hỏi 1: Tình hình giáo dục của trẻ em các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số là như thế nào?

Trả lời: Khi trẻ em bắt đầu đi học, các em phải học rất nhiều điều mới.

- Học các hành vi ứng xử phù hợp trong trường học;
- Học đọc, học viết;
- Học các kiến thức mới về Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và các môn khác;
- Các em phải hiểu và có thể sử dụng được những kiến thức mới.

Nếu các em không nói ngôn ngữ đang được giảng dạy trong trường học thì khi bắt đầu đi học các em sẽ gặp phải những khó khăn đặc biệt như sau:

- Cùng một lúc, các em vừa phải học ngôn ngữ nhà trường vừa phải cố gắng hiểu những kiến thức mới bằng một ngôn ngữ mới.
- Các em phải cố gắng hiểu sách giáo khoa được viết bằng ngôn ngữ giảng dạy trong trường học. Nếu vốn ngôn ngữ chưa đủ để hiểu bài, các em buộc phải học thuộc lòng các từ, cụm từ và thậm chí cả một câu. Tuy nhiên, học thuộc lòng không phải là hiểu bài, vì vậy việc học tập của các em ngày càng kém đi.
- Các em phải viết bằng ngôn ngữ mới. Nếu như khả năng hiểu ngôn ngữ mới chưa tốt, các em buộc phải chép lại các chữ cái, từ và câu ở trên bảng hoặc trong sách và điều này không giúp các em viết ra được những suy nghĩ của mình.

Một cán bộ giáo dục ở Ấn Độ đã kể lại tình trạng trên sau khi đến thăm một lớp học:

Các em rất chán nản khi giáo viên cứ thao thao giảng bài. Các em lơ đãng nhìn thầy giáo và các dòng chữ trên bảng. Rõ ràng là các em không hiểu thầy giáo nói gì, còn thầy vẫn mãi mê giải thích với giọng ngày càng to hơn.

Khi đã mệt mỏi vì nói nhiều và nhận rằng các em không hiểu gì, thầy giáo yêu cầu các em chép lại các dòng chữ trên bảng. "Học sinh của tôi rất giỏi chép lại bài trên bảng. Đến lớp 5, các em có thể chép lại và học thuộc lòng tất cả câu trả lời. Nhưng trong số học sinh lớp 5 chỉ có 2 em là có thể thực sự nói được tiếng Hin-đi," người thầy giáo nói.²

Một giáo viên ở Pa-pua Niu Ghi-nê đã kể lại sự bối rối và thậm chí là lo sợ của học sinh, khi các em không hiểu ngôn ngữ giảng dạy trong trường học.

2 Jhingran, D. 2005, *Khó khăn ngôn ngữ. Thách thức trong việc học ở Giáo dục tiểu học*. New Delhi, Nhà xuất bản A. P. H., trang 1

Trong suốt thời gian dạy học, tôi đã chứng kiến rất nhiều trẻ em với những kiểu bối rối khác nhau. Chúng chỉ vừa mới bước ra khỏi ngôi làng, nơi mà cha mẹ chúng nói chuyện với nhau bằng ngôn ngữ ở nhà. Và rồi, tôi đến đây, đứng giống như một người khổng lồ trước những đứa trẻ bé nhỏ và nói với chúng bằng một thứ ngôn ngữ xa lạ. Tôi thấy như đang khiến bọn trẻ lo sợ, hơn là khuyến khích các em cố học tập...³

Dĩ nhiên, cuối cùng một số trẻ em của các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số vẫn có thể học tốt ngôn ngữ giảng dạy trong trường học. Một số có thể hoàn thành chương trình giáo dục và hòa nhập vào xã hội. Nhưng điều gì sẽ xảy ra đối với quan hệ của trẻ em với chính cộng đồng của mình? Một sự thật đáng buồn là khi ngôn ngữ đa số được sử dụng trong lớp học và khi các bài học chỉ tập trung vào cộng đồng đa số, trẻ em dân tộc thiểu số có thể quên ngôn ngữ mẹ đẻ và mất đi sự hiểu biết, tình yêu, sự trân trọng dành cho chính văn hóa và cộng đồng của mình.

Tóm lại, trẻ em cộng đồng ngôn ngữ thiểu số khi phải đi học ở những trường học sử dụng một ngôn ngữ mà các em không biết sẽ phải đối mặt với nhiều vấn đề như:

- Lưu ban và bỏ học;
- Mất sự tự tin vào bản thân, không đạt được kết quả như sự mong muốn của cha mẹ và giáo viên;
- Đánh mất ngôn ngữ, tình yêu với di sản văn hóa và sự trân trọng đối với cộng đồng của mình;
- Thất bại trong việc nắm bắt kiến thức và kĩ năng cần thiết để có được một công việc tốt;
- Thất bại trong việc đạt được kiến thức và sự tự tin để chủ động tham gia vào sự phát triển chính trị của cộng đồng mình và đất nước. Như Bộ Giáo dục ở Pa-pua Niu Ghi-nê đã nhận định:

Nền giáo dục trong đó phần lớn trẻ em không thể tham gia vào chương trình học chính khoá sẽ khiến cho các em bị lạc lõng với nhịp sống của dân tộc và mang lại cho các em rất ít những kiến thức, ít những kĩ năng và thái độ cần thiết để đóng góp tích cực vào sự phát triển cộng đồng và đất nước.⁴

Câu hỏi 2: Chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ có giúp trẻ em học tốt hơn không?

Trả lời: Một nền giáo dục tốt bằng bất cứ ngôn ngữ nào đều phải dựa trên hai nguyên tắc cơ bản sau:

1. Học gắn liền với hiểu: Chúng ta có thể cố nhớ nhưng không thể học được điều gì nếu điều đó không có ý nghĩa.

3 Malone, D. 2004. *Những người trung gian*. Dallas, Tex., Viện Ngôn ngữ Mùa hè Quốc tế (SIL) Trang 17

4 Phòng Giáo dục. 1991. *Tổng quan ngành Giáo dục*. Waigani, Pa-pua Niu Ghi-nê, trang 7

2. Học phải đi từ điều đã biết đến điều chưa biết: Chúng ta học tốt nhất khi sử dụng những gì đã biết để hiểu và sử dụng những kiến thức mới.

Trẻ em đã có những kinh nghiệm học gắn liền hiểu nghĩa trước khi tới trường. Các em học về các mối quan hệ khi các giao tiếp với bố mẹ và những người khác trong cộng đồng, các em học về tự nhiên và môi trường từ thế giới xung quanh. Các em chọn lọc, phân loại sự vật, so sánh trọng lượng và các khoảng cách khi các em đi chơi hàng ngày. Các em cũng đánh giá những điều mà mọi người nói và làm, những điều mà theo các em hiểu là tốt hay không tốt, có lợi hay có hại, phù hợp hay không phù hợp. Vốn kiến thức và kinh nghiệm này tạo nên nền tảng cho việc học tập trong suốt cuộc đời.



© Tổ chức Trẻ em và Phát triển (E&D) / Đặng Bào Nguyệt

Kinh nghiệm này cũng tương tự đối với hoạt động ngôn ngữ của trẻ. Trẻ em đã sử dụng ngôn ngữ ở trong gia đình như một công cụ để giao tiếp và để tìm hiểu thế giới xung quanh trước khi các em đi học:

- Nói chuyện với bố mẹ và người lớn;
- Hỏi những điều mình không hiểu và nghe câu trả lời;
- Làm theo những lời chỉ bảo;
- Nói lên ý kiến của mình;

- Miêu tả lại những gì nhìn thấy và diễn đạt những suy nghĩ của mình;
- Đếm các sự vật và làm tính đơn giản;
- Tranh luận với mọi người.

Thông qua những hoạt động này, trẻ em dần dần nói trôi chảy và tự tin khi sử dụng ngôn ngữ ở nhà một cách có ý nghĩa cho những mục đích khác nhau. Khi bắt đầu đi học, trẻ em đã có được kiến thức về ngôn ngữ của bản thân mình.

Sử dụng những gì người học đã biết ...

Khi trẻ em thành thạo ngôn ngữ mẹ đẻ trên lớp học, các em cũng bắt đầu học ngôn ngữ chính thức trong nhà trường. Đầu tiên là học nghe và nói, sau đó là học đọc và viết. Quá trình này được xây dựng dựa trên một nguyên tắc giáo dục khác, đó là: Chúng ta chỉ phải học đọc và viết một lần. Trẻ em đã học đọc và viết bằng ngôn ngữ mẹ đẻ. Các em bắt đầu bằng việc nghe và nói thành thạo ngôn ngữ trong nhà trường. Điều này giúp các em học đọc và viết ngôn ngữ chính thức dễ dàng hơn, với sự tự tin cao hơn.



© Tổ chức Trẻ em và Phát triển (E&D) / Đặng Bảo Nguyệt

Một chương trình giáo dục ngôn ngữ lí tưởng là trẻ em tiếp tục sử dụng cả hai thứ tiếng (nghe, nói, đọc, viết) trong giao tiếp và trong học tập, trong suốt thời gian học ở tiểu học.

Khi trẻ em tiếp tục phát triển khả năng của chúng với hai hoặc nhiều ngôn ngữ ở cấp tiểu học, các em hiểu sâu sắc hơn về ngôn ngữ và cách làm thế nào để sử dụng các ngôn ngữ một cách có hiệu quả. Các em có nhiều cơ hội thực hành ngôn ngữ, đặc biệt là học đọc, học viết bằng cả hai ngôn ngữ và có thể so sánh, phân biệt cách sử dụng hai ngôn ngữ này trên thực tế.⁵

Nói cách khác, bắt đầu bằng tiếng mẹ đẻ không hoàn toàn lãng phí thời gian. Điều này không làm mất đi khả năng học ngôn ngữ mới của trẻ, mà trên thực tế lại tạo ra nền tảng quan trọng nhất giúp trẻ học một ngôn ngữ mới.

... học những điều mới

Khi trẻ em thành thạo ngôn ngữ mẹ đẻ trên lớp học, các em cũng bắt đầu học ngôn ngữ chính thức trong nhà trường. Đầu tiên là học nghe và nói; sau đó là học đọc và viết. Quá trình này được xây dựng dựa trên một nguyên tắc giáo dục khác, đó là: Chúng ta chỉ phải học đọc và viết một lần. Trẻ em đã học đọc và viết bằng ngôn ngữ mẹ đẻ. Các em bắt đầu bằng việc nghe và nói thành thạo ngôn ngữ trong nhà trường. Điều này giúp các em học đọc và viết ngôn ngữ chính thức dễ dàng hơn, với sự tự tin cao hơn.

Một chương trình giáo dục ngôn ngữ lí tưởng là trẻ em tiếp tục sử dụng cả hai thứ tiếng (nghe, nói, đọc, viết) trong giao tiếp và trong học tập, trong suốt thời gian học ở tiểu học.

Khi trẻ em tiếp tục phát triển khả năng của chúng với hai hoặc nhiều ngôn ngữ ở cấp tiểu học, các em hiểu sâu sắc hơn về ngôn ngữ và cách làm thế nào để sử dụng các ngôn ngữ một cách có hiệu quả. Các em có nhiều cơ hội thực hành ngôn ngữ, đặc biệt là học đọc, học viết bằng cả hai ngôn ngữ và có thể so sánh, phân biệt cách sử dụng hai ngôn ngữ này trên thực tế.⁶

Câu hỏi 3: Phụ huynh và giáo viên nhận xét như thế nào về việc sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ là ngôn ngữ giảng dạy trong lớp học?

Trả lời: Các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ đã được thực hiện ở rất nhiều cộng đồng nói ngôn ngữ thiểu số trên toàn thế giới. Hầu hết giáo viên, hiệu trưởng và phụ huynh học sinh tham gia các chương trình này đều có nhận xét rằng khi học sinh bắt đầu việc học tập bằng tiếng mẹ đẻ thì sẽ:

- Tự tin vào bản thân;
- Tham gia tích cực hơn khi thảo luận;
- Đặt nhiều câu hỏi hơn;

5 Cummins, J. 2000. *Tiếng mẹ đẻ cho trẻ em song ngữ: Tại sao điều này lại quan trọng cho Giáo dục?* <http://www.iteachilearn.com/cummins/mother.htm> (Truy cập ngày 17 tháng 11 năm 2006)

6 Cummins, J. 2000. *Tiếng mẹ đẻ cho trẻ em song ngữ: Tại sao điều này lại quan trọng cho Giáo dục?* <http://www.iteachilearn.com/cummins/mother.htm> (Truy cập ngày 17 tháng 11 năm 2006)

- Hiểu biết sâu sắc hơn về các môn học;
- Học đọc dễ dàng hơn và hiểu những gì được đọc;
- Học viết dễ dàng hơn và diễn đạt tốt hơn được những suy nghĩ của mình;
- Học ngôn ngữ giảng dạy trong nhà trường (ở dạng nói và viết) dễ dàng hơn.

Một thanh tra giáo dục huyện đã nói về sự khác biệt quan sát được ở một lớp học như sau:

Trước đây bọn trẻ chỉ ngồi im trong giờ học, không nói điều gì cả. Các em thậm chí cũng không biết cách trả lời các câu hỏi của giáo viên. Bây giờ thì các em luôn hăng hái giơ tay phát biểu bài. Các em có rất nhiều ý kiến. Từ bây giờ đây sẽ là một nhóm trẻ em chủ động và hào hứng với việc học tập.⁷

Các phụ huynh cũng rất vui vì các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ giúp trẻ em có được tình yêu và sự tôn trọng đối với di sản văn hóa và ngôn ngữ của dân tộc mình. Một phụ huynh ở Pa-pua Niu Ghi-nê đã giải thích:

Bây giờ con tôi đang được học ở trường có dạy ngôn ngữ của địa phương. Cháu không phải xa nơi cháu đang sinh sống. Ở trường cháu được học về phong tục tập quán của dân tộc mình. Bây giờ thì cháu có thể viết được mọi thứ mà cháu muốn bằng ngôn ngữ địa phương. Không chỉ là những điều mà cháu có thể nhìn thấy mà cả những điều cháu suy nghĩ tới. Cháu viết về nơi đang sinh sống. Cháu viết về việc giúp mẹ gánh nước, dỡ khoai lang và làm vườn. Khi cháu viết ra những điều này thì những việc đó trở nên vô cùng quan trọng với cháu. Cháu không chỉ đọc và viết về những điều bên ngoài, mà thông qua đọc và viết để tự hào về cách sống của dân tộc chúng tôi. Khi lớn lên, cháu sẽ không chối bỏ chúng tôi. Dạy cho trẻ biết đọc và viết là rất quan trọng, nhưng dạy cho chúng biết tự hào về bản thân và tự hào dân tộc lại còn quan trọng hơn nhiều.⁸

Câu hỏi 4: Chúng ta cần làm gì để có được một chương trình đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ trong cộng đồng của mình?

Các chương trình giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ đòi hỏi sự hợp tác và hỗ trợ từ rất nhiều người. Quan trọng nhất là chính các thành viên trong cộng đồng muốn có chương trình và sẵn sàng làm chủ chương trình. Sự hỗ trợ từ hiệu trưởng, giáo viên và các cán bộ quản lý, giáo dục cũng rất cần thiết.

Các phần sau đây sẽ gợi ý cho cộng đồng muốn bắt đầu một chương trình giáo dục đa ngữ hiệu quả và bền vững.⁹ Một vài hoạt động dưới đây sẽ được duy trì trong suốt quá trình thực hiện chương trình; các hoạt động khác sẽ triển khai trong một khoảng thời gian ngắn hơn.

- 7 Ý kiến cá nhân của một giáo viên ở Chương trình Ngôn ngữ Franca Khu vực ở Philippines, Susan Malone, Viện Ngôn ngữ Mùa hè Quốc tế, năm 2001.
- 8 Delpit, L. D. và Kemelfield, G. 1985. *Đánh giá hệ thống trường học tiếng Tock Plét ở phía Bắc tỉnh Solomons*. Báo cáo ERU Số 51. Waigani, Pa-pua Niu Ghi-nê, Đại học Pa-pua Niu Ghi-nê.
- 9 Malone, S. 2004. Lập kế hoạch cho các chương trình giáo dục dựa vào cộng đồng và trong các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số. Tài liệu nguồn cho người nói tiếng mẹ đẻ thuộc các ngôn ngữ thiểu số. Cẩm nang chưa xuất bản.

Ở một vài địa phương, một hoạt động cụ thể có thể đã được tiến hành (ví dụ, một ngôn ngữ đã có chữ viết). Ở một số địa phương khác, nếu chưa có hoạt động nào được thực hiện thì cộng đồng bắt đầu từ đầu cùng với các đối tác của mình.



Tìm kiếm sự ủng hộ về chủ trương và chính sách. Cần vận động các nhà hoạch định chính sách và những người có trách nhiệm để có được sự hỗ trợ về chính sách và tài chính đối với các chương trình đa ngữ dựa vào tiếng mẹ đẻ. Trước khi tiến hành vận động, họ cần hiểu mục đích và ích lợi của những chương trình này. Cộng đồng ngôn ngữ và mạng lưới những đối tác hỗ trợ cần tiến hành những bước đầu tiên để có được sự ủng hộ về chủ trương và chính sách thông qua việc bắt đầu thực hiện các chương trình có quy mô nhỏ bên ngoài hệ thống giáo dục chính quy, ví dụ như các lớp xoá mù chữ, giáo dục sau khi biết chữ, dạy kỹ năng sống hoặc lớp chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em vào lớp 1. Họ có thể thực hiện các chương trình này mà không cần phải có các văn bản chính thức. Thành công của những chương trình trên sẽ là một thuyết phục về giáo dục song ngữ/đa ngữ và khuyến khích mọi người ủng hộ.

Mặc dù các thành viên của cộng đồng ngôn ngữ thiểu số có thể không trực tiếp gặp các lãnh đạo cấp cao hoặc có tiếng nói trong việc xây dựng chính sách, nhưng họ có thể thiết lập các mối quan hệ hợp tác với các cộng đồng ngôn ngữ khác, với các cơ quan chính quyền địa phương, với các tổ chức phi chính phủ và các cơ quan khác. Khi làm việc cùng nhau, họ sẽ có tiếng nói mạnh mẽ hơn và sau đó các cộng đồng ngôn ngữ sẽ có tiếng nói riêng của chính mình. Vì vậy, việc xây dựng các mối quan hệ hợp tác cần được ưu tiên và cần duy trì liên tục để tạo ra sự thay đổi "ở cấp lãnh đạo".

Thu thập thông tin cho việc lập kế hoạch chương trình. Các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ hiệu quả và bền vững đáp ứng được nhu cầu và mục tiêu đã xác định đối với cộng đồng, đặc biệt là học sinh và phụ huynh. Người lập kế hoạch cần tìm hiểu tình hình



© Tổ chức Trẻ em và Phát triển (E&D) / Đặng Bảo Nguyệt

giáo dục trong cộng đồng thông qua ý kiến của các phụ huynh và thành viên của cộng đồng về các mục tiêu giáo dục mà họ mong muốn, điểm mạnh và điểm yếu của hệ thống giáo dục hiện tại. Những người lập kế hoạch cũng cần thu thập thông tin về các nguồn lực trong cộng đồng có thể sử dụng cho chương trình giáo dục đa ngữ (ví dụ: cơ sở vật chất, nhân lực, tài liệu viết bằng ngôn ngữ địa phương v.v) cũng như các yếu tố có thể gây trở ngại cho việc thực hiện và đem lại sự bền vững cho chương trình. Quá trình thu thập thông tin tạo điều kiện cho các nhà quản lý nâng cao nhận thức về chương trình. Các hoạt động thu thập thông tin, nâng cao nhận thức và huy động nguồn lực cần được tiếp tục trong quá trình triển khai chương trình.

Nâng cao nhận thức; huy động các đối tác. Nhiều phụ huynh nghĩ rằng muốn con em mình thành thạo ngôn ngữ chính thức sử dụng trong trường học thì các em cần phải được học và sử dụng ngôn ngữ mới càng sớm càng tốt. Họ lo ngại rằng dành thời gian sử dụng tiếng mẹ đẻ trong dạy học sẽ khiến việc học ngôn ngữ chính thức của trường học ít đi, thậm chí là kém đi. Nhưng các nghiên cứu giáo dục đã chỉ ra rằng thực tế hoàn toàn ngược lại. Việc xây dựng nền tảng giáo dục vững chắc bằng tiếng mẹ đẻ sẽ giúp trẻ em học ngôn ngữ thứ hai dễ dàng hơn.

Phụ huynh cần phải hiểu rõ lợi ích của việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong nhà trường, để họ tin tưởng cho con em mình tham gia vào chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa

trên tiếng mẹ đẻ này. Các thành viên cộng đồng khác cần phải được cung cấp thông tin và khuyến khích hỗ trợ tích cực cho chương trình. Ví dụ: tu sửa lớp học, hỗ trợ việc giảng dạy, biên soạn tài liệu,... Để chương trình thành công và bền vững, rất cần sự hỗ trợ của cán bộ giáo dục các cấp. Các hoạt động nâng cao nhận thức và huy động cần mang lại cho phụ huynh và các đối tác trong và ngoài cộng đồng các thông tin về chương trình, và khuyến khích họ tham gia tích cực vào việc lập kế hoạch, thực hiện và duy trì chương trình.

Xây dựng hệ thống chữ viết cho ngôn ngữ. Nếu như ngôn ngữ ở địa phương chưa có chữ viết, cộng đồng cần phải lựa chọn các kí tự hay chữ cái cho hệ thống chữ viết này. Những nhà ngôn ngữ học có hiểu biết về ngôn ngữ của cộng đồng có thể giúp họ quyết định sử dụng kí tự hay chữ cái nào. Khi cộng đồng đã dự thảo được bộ chữ cái, họ cần tiến hành thử nghiệm và chỉnh sửa.



© Tổ chức Cứu trợ trẻ em Anh (SCUK) tại Việt Nam

Việc xây dựng một hệ thống chữ viết cho một ngôn ngữ chưa có chữ viết có thể là một công việc khó khăn, tuy nhiên, trong những thập kỷ vừa qua, nhiều cộng đồng ngôn ngữ đã thực hiện thành công. Khi hệ thống chữ viết đã được xây dựng thì cộng đồng có thể bắt đầu biên soạn các tài liệu cho chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ.

Biên soạn tài liệu giảng dạy và học tập. Các tài liệu dạy và học của chương trình giáo dục đa ngữ cần: 1) trang bị cho người học những kiến thức, kĩ năng và sự tự tin để đạt được mục tiêu giáo dục, và 2) củng cố tình yêu và sự tôn trọng đối với văn hoá và ngôn ngữ của người học.

Trong các chương trình giáo dục ngôn ngữ hiệu quả và bền vững, các cán bộ giáo dục các cấp, và giáo viên cùng nhau hợp tác để biên soạn tài liệu giảng dạy và học tập. Họ biết được khả năng của học sinh ở từng lớp của cấp tiểu học và có thể xác định chuẩn cơ bản học sinh cần đạt được khi tham gia vào hệ thống học chính khóa. Cộng đồng có vai trò đảm bảo cho những tài liệu giảng dạy và học tập được biên soạn dựa trên ngôn ngữ, kiến thức và kinh nghiệm mà trẻ em có sẵn trước khi bắt đầu đi học. Các thành viên trong cộng đồng cũng đảm bảo rằng chương trình bảo tồn được di sản ngôn ngữ và văn hoá.

Biên soạn tài liệu đọc bằng ngôn ngữ địa phương. Trẻ em trong chương trình giáo dục đa ngữ sẽ cần phải có nhiều tài liệu đọc bằng tiếng mẹ đẻ và sau đó là tiếng Việt. Các tài liệu đọc đầu tiên nên viết bằng tiếng mẹ đẻ của các em, có nội dung quen thuộc và do người trong cộng đồng biên soạn. Khi trẻ em bắt đầu đọc bằng tiếng Việt, các tài liệu đọc này cũng sẽ được biên soạn theo trình tự từ ngắn đến dài, từ đơn giản đến phức tạp.

Kinh nghiệm của các cộng đồng ngôn ngữ ở Châu Á và Thái Bình Dương cho thấy những người dân thành thạo tiếng mẹ đẻ có thể sáng tác rất nhiều tài liệu đọc phong phú bằng ngôn ngữ của mình. Dưới đây là một số ví dụ về tài liệu được biên soạn:

Truyện sáng tác	Hướng dẫn, chỉ dẫn	Thông báo
Bài hát, thơ	Giáo lí, đạo đức	Lịch
Truyện lịch sử	Chính kịch, hài kịch	Sổ kế hoạch
Cổ tích, truyền thuyết	Sách học văn	Thư từ
Tiểu lâm, câu đố, ngụ ngôn	Từ điển đơn giản	Biển hiệu
Du lịch, địa lí	Hướng dẫn kĩ năng sống	Báo, bản tin
Thông tin	Trò chơi	Sức khoẻ và các thông tin khác



© Tổ chức Trẻ em và Phát triển (E&D) / Đặng Bảo Nguyệt

Kinh nghiệm của nhiều cộng đồng ngôn ngữ cho thấy không cần phải có những tài liệu đọc in màu và đắt tiền, nhất là đối với người mới bắt đầu học đọc. Khi kinh phí có hạn, các tài liệu trình bày rõ ràng với hình minh hoạ đen trắng đều được chấp nhận, đặc biệt khi tài liệu có những câu truyện hấp dẫn người đọc và phù hợp với khả năng của người đọc. Một số lưu ý quan trọng khi xuất bản tài liệu cho người bắt đầu biết đọc: 1) Nội dung hấp dẫn, 2) Ngôn ngữ rõ ràng, dễ hiểu, và 3) Có hình minh hoạ giúp hiểu nội dung.

Tuyển dụng và đào tạo nhân lực làm việc cho chương trình. Bảng dưới đây cho biết danh sách nhân sự cần thiết cho một chương trình giáo dục đa ngữ, kèm theo đó là gợi ý về trách nhiệm và yêu cầu về trình độ.

Dù giáo viên và những người làm việc cho chương trình là tình nguyện hay được trả lương, thì họ vẫn cần sự động viên và hỗ trợ của toàn thể cộng đồng, bao gồm cả phụ huynh học sinh. Một hoạt động quan trọng cần tiến hành sớm là thành lập một ban gồm lãnh đạo địa phương để lựa chọn người làm việc cho chương trình và để đảm bảo họ có nhận được sự ủng hộ cần thiết.

Vị trí	Trách nhiệm chính	Trình độ
Giáo viên (có thể cần hai người, một giáo viên dạy tiếng mẹ đẻ, một giáo viên dạy tiếng Việt).	<p>Giảng dạy tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt.</p> <p>Đánh giá sự tiến bộ của học sinh.</p> <p>Theo dõi học sinh đi học.</p> <p>Liên lạc với phụ huynh và cộng đồng.</p>	<p>Nói, đọc và viết thành thạo cả hai ngôn ngữ.</p> <p>Hiểu biết và tôn trọng văn hoá địa phương.</p> <p>Chữ viết rõ ràng và dễ đọc.</p> <p>Được cộng đồng lựa chọn và chấp thuận.</p>
Tác giả biên soạn, hoạ sĩ, người biên tập và thẩm định.	<p>Tác giả biên soạn tài liệu: viết, hiệu chỉnh và dịch các tài liệu đọc bằng tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt.</p> <p>Hoạ sĩ: Vẽ tranh minh hoạ tài liệu.</p> <p>Người biên tập và tác giả: kiểm tra nội dung và ngôn ngữ của tài liệu.</p> <p>Người thẩm định: kiểm tra tài liệu và chỉnh sửa nếu cần thiết</p>	<p>Nói, đọc và viết thành thạo ngôn ngữ của cộng đồng.</p> <p>Hiểu biết và tôn trọng văn hoá địa phương.</p> <p>Được cộng đồng công nhận là người kể chuyện và/hoặc người vẽ tranh giỏi.</p> <p>Biết đọc, biết viết tiếng Việt, có thể biên dịch và hiệu chỉnh tài liệu từ ngôn ngữ của cộng đồng sang tiếng Việt và ngược lại.</p> <p>Vẽ tranh phản ánh được nét văn hoá và xã hội địa phương (hoạ sĩ).</p> <p>Hiểu biết về ngữ pháp và quy tắc chính tả (người biên tập).</p> <p>Được cộng đồng lựa chọn và chấp thuận.</p>

<p>Người giám sát /tập huấn .</p>	<p>Dự giờ lớp học thường xuyên; nắm rõ điểm mạnh và hạn chế của các giáo viên; hỗ trợ giáo viên khi họ gặp khó khăn.</p> <p>Đánh giá sự tiến bộ của học sinh.</p> <p>Đảm bảo lưu trữ thông tin chính xác.</p> <p>Vận động sự tham gia của cộng đồng trong việc quản lí và đánh giá tiến độ chương trình.</p> <p>Đào tạo và tập huấn giáo viên.</p> <p>Đảm bảo đầy đủ thiết bị dạy học.</p>	<p>Nói, đọc và viết thành thạo ngôn ngữ của cộng đồng và tiếng Việt.</p> <p>Hiểu biết về lịch sử và văn hoá của cộng đồng.</p> <p>Quan hệ tốt với cán bộ chính quyền các cấp, nhà trường và các tổ chức phi chính phủ.</p> <p>Có khả năng truyền đạt và có kĩ năng dạy học tốt (tập huấn viên).</p> <p>Có kinh nghiệm dạy ngôn ngữ của cộng đồng (tập huấn viên, giám sát viên).</p> <p>Được cộng đồng lựa chọn và chấp thuận.</p>
<p>Ban cố vấn.</p>	<p>Chịu trách nhiệm làm cố vấn cho chương trình.</p> <p>Hỗ trợ công việc tuyển dụng.</p> <p>Là đầu mối giữa cán bộ thực hiện chương trình và cộng đồng; tuyên truyền về mục đích, mục tiêu và hoạt động của chương trình.</p> <p>Khuyến khích cộng đồng hỗ trợ kiến thiết trường học và thiết bị dạy học.</p> <p>Vận động gây quỹ cho chương trình.</p> <p>Tư vấn, giám sát việc sử dụng nguồn tài trợ và các nguồn lực khác.</p>	<p>Hiểu rõ mục tiêu và mục đích của chương trình.</p> <p>Cam kết với chương trình và hợp tác đảm bảo chương trình thực hiện thành công.</p> <p>Được cộng đồng lựa chọn và chấp thuận.</p>

Đánh giá và lập hồ sơ về tiến độ thực hiện chương trình. Nếu chương trình giáo dục đa ngữ được thực hiện trong hệ thống giáo dục chính qui, thì cán bộ giáo dục chịu trách nhiệm đánh giá kết quả học tập của học sinh. Tuy nhiên, việc đánh giá chương trình giáo dục đa ngữ cũng cần chú ý đánh giá mức độ thoả mãn của cộng đồng về các mục tiêu giáo dục và văn hoá. Khi cộng đồng tham gia vào lập hồ sơ tiến độ và đánh giá chương trình, thì các kết quả đánh giá sẽ phản ánh rõ hơn lợi ích của chương trình đối với cộng đồng.

Sự hỗ trợ của các cơ quan và tổ chức bên ngoài. Các chương trình giáo dục đa ngữ thành công đòi hỏi phải có sự hợp tác và hỗ trợ trong đó có tài chính, từ trong và ngoài cộng đồng. Thành viên cộng đồng có vai trò quan trọng trong việc biên soạn tài liệu đọc, dạy học và đánh giá thành công của chương trình. Những người bên ngoài cộng đồng có thể hỗ trợ các hoạt động cụ thể như phát triển hệ thống chữ viết, xây dựng chương trình, đào tạo giáo viên, đánh giá chương trình và tìm kiếm các nguồn tài trợ. Trách nhiệm quan trọng của người quản lí chương trình là tạo lập quan hệ với càng nhiều cơ quan bên ngoài càng tốt.



© Tổ chức Cứu trợ trẻ em Anh (SCUK) tại Việt Nam

Câu hỏi 5: Chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ có thể thực hiện được hay không? Cộng đồng với sự hỗ trợ của các đối tác có thể xây dựng và duy trì chương trình của mình hay không?

Kinh nghiệm của một nhóm ngôn ngữ ở Pa-pua Niu Ghi-nê có thể trả lời cho câu hỏi này:

Vào giữa những năm 1980, cộng đồng ba mươi nghìn người Kau-gen rất lo lắng bởi vì con em họ (phần lớn chỉ nói ngôn ngữ Kau-ge) có kết quả học tập rất kém trong hệ thống giáo dục chỉ sử dụng tiếng Anh của Chính phủ.

Để giúp các em học tốt chương trình giáo dục của Chính phủ, với sự hỗ trợ ban đầu của một tổ chức phi chính phủ đang hoạt động ở địa phương, các nhà lãnh đạo đã quyết định tiến hành một chương trình giáo dục dựa trên tiếng mẹ đẻ, trong đó trẻ em được học đọc và viết bằng tiếng mẹ đẻ trước khi bắt đầu học tiểu học. Họ đã thành lập Hiệp hội Giáo dục không chính quy Kau-gen (viết tắt là KNFEA), bao gồm các thành viên là cộng đồng, cán bộ chính phủ và các nhà lãnh đạo tôn giáo, để hướng dẫn và hỗ trợ chương trình.

Các cán bộ điều hành chương trình đã tuyển dụng người bản ngữ làm tác giả biên soạn tài liệu, họa sĩ vẽ tranh minh họa và người biên tập. Trong vòng hai năm, họ đã viết, minh họa, biên tập và xuất bản được hơn một trăm tài liệu đọc (theo phương pháp thủ công) theo từng trình độ cho các lớp mầm non. Sau khi các tài liệu này được thử nghiệm và chỉnh sửa, các cán bộ điều hành chương trình đã xin được tài trợ để xuất bản tài liệu đọc với số lượng lớn.

Những người dân địa phương đã học ít nhất sáu năm tiểu học được tuyển làm giáo viên dạy các lớp mầm non. Điều phối viên của chương trình là giáo viên có kinh nghiệm đã đào tạo được một số tập huấn viên cho các khoá tập huấn giáo viên và biên soạn tài liệu. Với sự hỗ trợ từ tổ chức phi chính phủ đó, các cán bộ điều hành chương trình đã khởi xướng một dự án tạo thu nhập, để tạo nguồn kinh phí trả tiền thù lao cho giáo viên. Chương trình mở rộng mối quan hệ với các cơ quan chính phủ, các tổ chức phi chính phủ khác, các doanh nghiệp và Phòng Giáo dục không chính quy của tỉnh. Các đối tác này đã hỗ trợ chương trình bằng việc cung cấp tài chính và các nguồn lực khác (như đất để mở lớp học và trang thiết bị cho nhà trường).

Hơn hai mươi năm kể từ khi khởi xướng, chương trình giáo dục này vẫn được duy trì dưới sự tài trợ của KNFEA. Cuối những năm 1990, chương trình được đưa vào hệ thống giáo dục của Chính phủ, trẻ em đã học xong chương trình giáo dục tiếng Kau-gen tiếp tục học tập trong hệ thống các trường dạy bằng tiếng Anh của Chính phủ.¹⁰

Phần lớn cha mẹ muốn con em mình được giáo dục tốt. Đồng thời họ cũng hi vọng rằng con em mình vẫn duy trì tình yêu, sự kính trọng đối với ngôn ngữ, văn hoá truyền thống của cộng đồng mình. Cha mẹ muốn con em mình trở thành những học sinh tự tin, năng động và là thành viên hữu ích của cộng đồng. Bằng cách hợp tác và được sự hỗ trợ của các bậc cha mẹ khác ngoài cộng đồng, họ tạo ra được bước khởi đầu thuận lợi để đạt được những mục đích trên.



© Tổ chức Cứu trợ trẻ em Anh (SCUK) tại Việt Nam

10 Chương trình giáo dục dựa trên tiếng mẹ đẻ của cộng đồng người Kau-gen được thực hiện ở tỉnh cao nguyên miền Tây của Pa-pua Niu Ghi-nê.

Tài liệu tham khảo

Cummins, J.2000. *Tiếng mẹ đẻ của trẻ nói hai thứ tiếng: Tại sao nó lại quan trọng trong giáo dục?* www.iteachlearn.com/cummins/mother.htm (truy cập vào ngày 17/11/2006)

Delpit, L.D và Kemelfield, G.1985. *Đánh giá về Chương trình dạy tiếng Tok - ngôn ngữ vùng ở tỉnh Nam Solomon*. Báo cáo ERU số 51. Waigani Pa-pua Niu Ghi-nê, Đại học Papua Niu Ginê.

Bộ Giáo dục. 1991. *Tổng kết ngành Giáo dục*. Waigani, Papua Niu Ginê, Bộ Giáo dục.

Jhingran, D.2005. *Thiệt thòi về ngôn ngữ. Thách thức trong học tập ở giáo dục tiểu học*. Niu Đêli: Nhà xuất bản A.P.H.

Malone, D. 2004. *Những người ở giữa*. Dallas, Hoa Kỳ, Viện Ngôn ngữ Mùa hè Quốc tế.

Malone, S. 2004. *Tài liệu hướng dẫn phát triển các chương trình xoá mù chữ và giáo dục người lớn cho các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số*. Băng Cốc, UNESCO.

Malone, S. 2005. *Lập kế hoạch các chương trình giáo dục dựa vào cộng đồng đối với cộng đồng ngôn ngữ thiểu số. Tài liệu nguồn dành cho những người nói ngôn ngữ thiểu số tham gia vào việc lập kế hoạch và thực hiện các chương trình giáo dục đối với chính cộng đồng mình*.

Bảng chú giải thuật ngữ

Bản địa	Người hoặc nhóm người có nguồn gốc hoặc là người cư trú rất sớm ở một vùng hay một quốc gia nào đó.
Biết chữ	Khả năng biết đọc, biết viết, biết tính toán và sử dụng một ngôn ngữ để làm bất cứ việc gì cần thiết trong cuộc sống.
Bình đẳng giới	Việc phụ nữ và nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai có các điều kiện như nhau để đạt được đầy đủ nhân quyền, được đóng góp cho sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị đồng thời hưởng lợi từ sự phát triển đó.
Chính tả	Hệ thống chuẩn của một ngôn ngữ, gồm chữ viết, quy tắc đánh vần/ghép chữ và phép chấm câu (xem hệ thống chữ viết).
Chuyển di	Những gì học được trong ngôn ngữ thứ nhất góp phần cho việc học bằng ngôn ngữ khác; khi đó người học chỉ cần học đọc một lần.
Chương trình giảng dạy	Kế hoạch, nội dung và tài liệu giảng dạy của một chương trình giáo dục.
Đa ngữ	<i>Cá nhân:</i> Khả năng nói/hiểu (và đôi khi cả đọc/viết) nhiều hơn hai ngôn ngữ. <i>Xã hội:</i> Sự tồn tại của nhiều hơn hai ngôn ngữ.
Đối tác	Các cá nhân, tổ chức và cơ quan hợp tác với các cộng đồng để thực hiện một chương trình mới.
Giáo dục đa ngữ (GDĐN)	Sử dụng nhiều hơn hai ngôn ngữ trong xóa mù chữ và giảng dạy.
Giáo dục song ngữ (GDSN)	Sử dụng hai ngôn ngữ trong xóa mù chữ và giảng dạy. ► <i>Tốt nhất, việc xóa mù chữ và học bắt đầu bằng ngôn ngữ thứ nhất của người học còn ngôn ngữ thứ hai được từng bước đưa vào giảng dạy.</i>
Giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ	Việc dạy học bắt đầu bằng tiếng mẹ đẻ/ngôn ngữ thứ nhất của người học rồi dần chuyển sang dạy học bằng ngôn ngữ thứ hai (xem Giáo dục đa ngữ).
Hệ thống chữ viết	Hệ thống ký tự của một ngôn ngữ (xem Chính tả).
Hướng dẫn viên	Người giúp người khác học; giáo viên.
Huy động	Quá trình vận động và tổ chức cho cộng đồng (và những người ủng hộ) cùng làm việc để lập kế hoạch và thực hiện một chương trình.
Nâng cao nhận thức	Cung cấp thông tin giúp cho mọi người nâng cao hiểu biết để đạt được mục tiêu và nhu cầu mà bản thân họ đã xác định.
Ngôn ngữ chiếm ưu thế	Ngôn ngữ được sử dụng bởi một nhóm xã hội chiếm ưu thế, hoặc ngôn ngữ được xem là ngôn ngữ chính thức của một quốc gia. ► <i>Có thể có vị trí là ngôn ngữ chính thống hoặc ngôn ngữ quốc gia kể cả khi ngôn ngữ này không được đa số dân số sử dụng.</i>

Ngôn ngữ chính thức	Ngôn ngữ được một quốc gia sử dụng trong hành chính công và trong các cơ quan, thường bao gồm cả trường học. <i>Ví dụ: Ấn Độ có tiếng Hindi và tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức.</i>
Ngôn ngữ di sản	Ngôn ngữ của tổ tiên cha ông để lại.
Ngôn ngữ đa số	Ngôn ngữ được số đông người nói ở một khu vực/quốc gia.
Ngôn ngữ giảng dạy	Ngôn ngữ được sử dụng để dạy và học trong các chương trình giáo dục.
Ngôn ngữ mẹ đẻ/ tiếng mẹ đẻ	Ngôn ngữ được học từ những năm đầu đời, thường là ngôn ngữ của mẹ (còn gọi là ngôn ngữ thứ nhất). ▶ Là ngôn ngữ mà một người: (a) biết đầu tiên (b) được người khác xác nhận là bản ngữ. (c) sử dụng tốt nhất (d) sử dụng nhiều nhất.
Ngôn ngữ quốc gia/ quốc ngữ/tiếng phổ thông	Ngôn ngữ được coi là quan trọng và được sử dụng rộng rãi ở một quốc gia, còn gọi là ngôn ngữ chính thức. <i>Ví dụ: Ấn Độ công nhận 2 ngôn ngữ chính thức và 22 ngôn ngữ quốc gia; Tiếng Bahasa vừa là ngôn ngữ quốc gia, vừa là ngôn ngữ chính thức của In-đô-nê-si-a; Tiếng Việt là tiếng phổ thông của Việt Nam.</i>
Ngôn ngữ thiểu số	Ngôn ngữ được phần ít dân số ở một khu vực hoặc quốc gia sử dụng, sử dụng thường là của dân tộc có số dân ít. ▶ Đôi khi được dùng để chỉ ngôn ngữ của một nhóm người khá đông nhưng không phải là nhóm chiếm ưu thế.
Ngôn ngữ thứ nhất NN1	<i>Ngôn ngữ thứ nhất, ngôn ngữ được nói, học trong những năm đầu đời, ngôn ngữ bản địa (xem Tiếng mẹ đẻ, Ngôn ngữ trong gia đình/ngôn ngữ ở nhà).</i>
Ngôn ngữ thứ hai NN2	Ngôn ngữ thứ hai, không phải ngôn ngữ bản địa, ngôn ngữ được sử dụng rộng rãi hoặc tiếng nước ngoài. ▶ Thường chỉ các trường hợp khi thứ tiếng này được sử dụng ở môi trường xã hội rộng hơn bên ngoài gia đình; trong giáo dục song ngữ; chỉ ngôn ngữ thứ hai được học/dạy sau ngôn ngữ thứ nhất. ▶ Đối với các dân tộc thiểu số, ngôn ngữ thứ hai thường là ngôn ngữ chính thức hoặc ngôn ngữ quốc gia.
Ngôn ngữ trong gia đình/ ngôn ngữ ở nhà	Ngôn ngữ được sử dụng trong gia đình (xem Ngôn ngữ thứ nhất, Tiếng mẹ đẻ). ▶ Một số người có nhiều hơn một ngôn ngữ nói trong gia đình.
Ngôn ngữ truyền khẩu	Ngôn ngữ chỉ được dùng để nói, được truyền lại bằng lời từ đời này sang đời khác, từ người này sang người khác, không có văn bản viết.
Ngôn ngữ vùng/ ngôn ngữ địa phương	Ngôn ngữ được sử dụng tại các cộng đồng địa phương ở một quốc gia. ▶ Có thể chỉ những thứ tiếng chưa được phát triển đầy đủ ở dạng chữ viết.

Người mù chữ	Người chưa có cơ hội học đọc và viết bằng thứ ngôn ngữ mà người đó hiểu.
Nhóm chiếm ưu thế	Nhóm xã hội có quyền lực nhất của một quốc gia nhờ yếu tố dân số (chiếm đa số), kinh tế (sự cường thịnh) và/hoặc vị thế chính trị (quyền lực).
Nhóm ngôn ngữ thiểu số	Nhóm người có chung một ngôn ngữ và thường có ít quyền lực hơn trong xã hội do các yếu tố dân số (ít hơn về số lượng), kinh tế (không thịnh vượng bằng) và/hoặc vị thế chính trị.
Song ngữ	<i>Cá nhân:</i> Khả năng nói/hiểu (đôi khi cả đọc/viết) bằng hai ngôn ngữ. <i>Xã hội:</i> Sự tồn tại của ít nhất hai ngôn ngữ.
Sự bền vững	Việc xây dựng một chương trình và sẽ tiếp tục duy trì thực hiện chương trình đó trong thời gian dài.
Tiếng nước ngoài	Ngôn ngữ từ nước ngoài mang đến, không phải của người trong nước.
Tiếng/giọng phương ngữ	Cách sử dụng của một ngôn ngữ theo vùng hoặc nhóm xã hội.
Tình trạng bị tách biệt	Bị tách biệt với ngôn ngữ và văn hóa của mình. ► <i>Những người nói tiếng thiểu số trong nền giáo dục bằng ngôn ngữ chiếm ưu thế về sau có thể chối bỏ ngôn ngữ và văn hóa của chính mình.</i>
Tổ chức phi Chính phủ (NGO)	Cơ quan, tổ chức không thuộc hệ thống Nhà nước/chính phủ của quốc gia nào, thường hoạt động vì sự phát triển cộng đồng.
Trình độ	Kiến thức, khả năng hoặc kĩ năng ngôn ngữ hoặc các môn học khác trong chương trình giảng dạy.



United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization

Bộ tài liệu

Truyền thông về Giáo dục đa ngữ:

Vì lợi ích của những đối tượng thiệt thòi

**Dành cho những nhà hoạch
định chính sách**





United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization

Bộ tài liệu

Truyền thông về Giáo dục đa ngữ:

Vì lợi ích của những đối tượng thiệt thòi

**Dành cho những nhà hoạch
định chính sách**

Bộ tài liệu truyền thông về giáo dục đa ngữ: Vì lợi ích của những đối tượng thiệt thòi

Dịch và hiệu chỉnh: Văn phòng UNESCO Hà Nội, 2008

Gồm 4 quyển tài liệu

[Nội dung: Ngôn ngữ trong chính sách và thực tế giáo dục ở khu vực châu Á và Thái Bình Dương; Tài liệu dành cho những nhà hoạch định chính sách; Tài liệu dành cho những người thực hiện chương trình; Tài liệu dành cho cộng đồng]

[“ Bộ tài liệu này là bản dịch và hiệu chỉnh từ Bộ tài liệu truyền thông về giáo dục đa ngữ [ISBN 92-9223-110-3] bản quyền của UNESCO Băng Cốc ”.]

Ảnh bìa: Tổ chức Trẻ em và Phát triển (E&D) / Đặng Bảo Nguyệt

© UNESCO 2007

Xuất bản bởi

Văn phòng Giáo dục UNESCO Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương

920 Đường Sukhumvit, Prakanong

Băng Cốc 10110. Thái Lan

Bản tiếng Anh in tại Thái Lan

* Nội dung trình bày trong tài liệu này không mang quan điểm và chính kiến của UNESCO về các vấn đề liên quan đến vị trí pháp lý của bất cứ quốc gia, vùng lãnh thổ, thành phố hoặc khu vực nào hay phạm vi quản lý hoặc biên giới hay ranh giới nào.

LỜI GIỚI THIỆU

Việt Nam là một quốc gia đa ngôn ngữ và tiếng Việt được chọn làm ngôn ngữ quốc gia, đồng thời là ngôn ngữ giảng dạy trong nhà trường.

Người dân thuộc các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số, đặc biệt là trẻ em gái và phụ nữ, gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận với các chương trình giáo dục quốc gia, bởi tiếng Việt không phải là ngôn ngữ mẹ đẻ, ngôn ngữ mà họ sử dụng không thành thạo hoặc chưa có hoàn cảnh sử dụng. Các kiến thức và kỹ năng muốn đem đến cho họ, giúp họ có thêm cơ hội và điều kiện tiếp cận với giáo dục lại gặp phải rào cản ngôn ngữ. Có thể nói, đây là đặc điểm có tính phổ biến của các quốc gia đa ngôn ngữ.

Với mục đích hỗ trợ các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương trong việc giải quyết những khó khăn nêu trên, UNESCO Băng Cốc đã xuất bản **“Bộ tài liệu truyền thông về Giáo dục đa ngữ”**. Bộ tài liệu này đã được biên soạn dựa trên những thông tin của nhiều quốc gia trong khu vực, nó tuyên truyền về cách tiếp cận và những lợi ích của việc thực hiện các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ. Nhận thấy bộ tài liệu này có ích đối với Việt Nam, Văn phòng UNESCO Hà Nội đã phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên dịch và hiệu chỉnh Bộ tài liệu theo bối cảnh Việt Nam. Các chuyên gia giáo dục dân tộc và chuyên gia ngôn ngữ đã có nhiều đóng góp để hoàn thành Bộ tài liệu truyền thông bằng tiếng Việt.

Bộ tài liệu có trên tay bạn là tập hợp những thông tin quý dành cho những ai muốn thực hiện tốt “Chương trình Giáo dục cho Mọi người” và đặc biệt có ý nghĩa đối với các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý giáo dục và những người đang tìm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng cộng đồng ngôn ngữ thiểu số. Bộ tài liệu cũng sẽ là một tài sản có giá trị với những người dân đang mong muốn cải thiện tình hình giáo dục trong cộng đồng của mình.

Văn phòng UNESCO Hà Nội cùng Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc, Bộ Giáo dục và Đào tạo xin trân trọng giới thiệu **“Bộ tài liệu truyền thông về Giáo dục đa ngữ”** bằng tiếng Việt với bạn đọc.

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2008

Trưởng đại diện

Văn phòng UNESCO Hà Nội



Vibeke Jensen

Giám đốc

Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc



TS. Bùi Thị Ngọc Diệp

Văn phòng UNESCO Hà Nội và Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc xin trân trọng cảm ơn sự tham gia của các chuyên gia và những cá nhân có tên dưới đây đã đóng góp vào quá trình biên dịch và hiệu chỉnh Bộ tài liệu. Sự đóng góp quý báu của các Quý vị đã giúp chúng tôi hoàn thành được Bộ tài liệu bằng tiếng Việt này.

1. Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc - Bộ Giáo dục và Đào tạo

- | | |
|-------------------------|---|
| - Bà Bùi Thị Ngọc Diệp | - Giám đốc |
| - Ông Vi Văn Điểu | - Phó Giám đốc |
| - Ông Đào Nam Sơn | - Trưởng phòng Nghiên cứu nội dung và phương pháp giáo dục vùng dân tộc |
| - Ông Lê Nguyên Quang | - Trưởng phòng Nghiên cứu loại hình trường lớp vùng dân tộc |
| - Bà Trần Thị Thành | - Trưởng phòng Nghiên cứu loại hình trường lớp vùng dân tộc |
| - Ông Nguyễn Như Sang | - Nghiên cứu viên |
| - Bà Ngô Thị Thanh Thuỷ | - Nghiên cứu viên |
| - Bà Cao Việt Hà | - Nghiên cứu viên |

2. Vụ Giáo dục thường xuyên - Bộ Giáo dục và Đào tạo

- | | |
|------------------------|---------------|
| - Ông Nguyễn Văn Nghĩa | - Chuyên viên |
|------------------------|---------------|

3. Vụ Giáo dục dân tộc - Bộ Giáo dục và Đào tạo

- | | |
|-----------------------------|---------------|
| - Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | - Chuyên viên |
| - Bà Tôn Thị Tâm | - Chuyên viên |

4. Viện Ngôn ngữ học

- | | |
|-------------------------|--|
| - Bà Vũ Thị Thanh Hương | - Trưởng phòng Ngôn ngữ ứng dụng |
| - Ông Nguyễn Hữu Hoàn | - Trưởng phòng Quản lý nghiên cứu khoa học |
| - Ông Tạ Văn Thông | - Trưởng phòng Ngôn ngữ dân tộc thiểu số |

5. Văn phòng UNESCO Hà Nội

- | | |
|------------------------|---------------------------------------|
| - Ông Nguyễn Đăng Tuấn | - Trợ lý Cán bộ Chương trình Giáo dục |
| - Bà Lê Thị Mỹ Dung | - Trợ lý Chương trình Giáo dục |

Chúng tôi cũng xin được cảm ơn Tổ chức Trẻ em và Phát triển (E&D) và Tổ chức Cứu trợ trẻ em Anh (SCUK) tại Việt Nam đã chia sẻ những bức ảnh tư liệu để làm minh họa cho Bộ tài liệu này.

MỤC LỤC

1	Lời nói đầu	6
2	Lời cảm ơn	7
3	Tổng quan về Bộ tài liệu	8
4	Mở đầu	10
5	Thực trạng giáo dục cho người dân thuộc các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số như thế nào?	11
6	Làm thế nào để giáo dục đa ngữ dựa vào tiếng mẹ đẻ cải thiện tình hình giáo dục cho những người không hiểu được hoặc không nói được ngôn ngữ quốc gia khi họ bắt đầu đi học?	13
7	Mối quan hệ giữa giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ và sự phát triển nói chung là gì?	15
8	Mối quan hệ giữa giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ và bình đẳng giới như thế nào?	17
9	Chi phí thì như thế nào? Để thực hiện và duy trì các chương trình giáo dục đa ngữ có tốn kém không?	19
10	Các đặc điểm của một chương trình giáo dục đa ngữ hiệu quả và bền vững là gì?	20
11	Có thể thiết lập và duy trì được một chương trình giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ?	22
12	Các nguyên tắc về Ngôn ngữ và Giáo dục của UNESCO	23
13	Tài liệu tham khảo	25
14	Bảng chú giải thuật ngữ	27

Lời nói đầu

Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực phong phú và đa dạng về sắc tộc, văn hóa và ngôn ngữ. Tuy nhiên, chính sự đa dạng này khiến cho việc giáo dục trẻ em trở thành một thách thức lớn. Tại Diễn đàn Giáo dục Thế giới tổ chức tại Đa-Ka (Dakar) năm 2000, một trong những mục tiêu chính đã được thông qua là "đảm bảo đến năm 2015, tất cả trẻ em, đặc biệt là trẻ em gái và trẻ em các dân tộc thiểu số, đều được tiếp cận và hoàn thành giáo dục tiểu học bắt buộc, miễn phí và có chất lượng". Một mục tiêu khác nữa là "nâng cao khả năng biết đọc biết viết, đặc biệt ở phụ nữ". Để đạt được những mục tiêu này và tạo cơ hội giáo dục công bằng hơn cần thực hiện các biện pháp hỗ trợ trực tiếp cho người học thuộc các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số. Vi hiệu quả của việc dạy học phụ thuộc vào sự rõ ràng và dễ hiểu trong giao tiếp nên ngôn ngữ giảng dạy có vị trí trung tâm trong bất cứ quá trình học tập nào. Vì vậy, dạy học dựa trên tiếng mẹ đẻ đặc biệt quan trọng nhằm giúp trẻ em sớm tiếp cận với giáo dục và tham gia vào quá trình học tập theo đúng khả năng của mình.

Tuy nhiên, thực tế ở nhiều quốc gia trong khu vực cho thấy sự đa dạng, phong phú về ngôn ngữ của một nước lại ít khi được thể hiện đầy đủ trong hệ thống giáo dục của quốc gia. Nhiều người phải học bằng tiếng nước ngoài hoặc không phải tiếng mẹ đẻ. Tình hình này càng trở nên khó khăn hơn đối với một số nhóm người đang phải chịu rủi ro hoặc sức ép giáo dục, chẳng hạn những người mù chữ, người dân tộc thiểu số và người tị nạn. Một sự thật hiển nhiên nhưng chưa được nhiều người công nhận là việc học tập bằng ngôn ngữ không phải tiếng mẹ đẻ của người học sẽ khiến cho những khó khăn đối với việc học bị nhân đôi: họ không chỉ đơn thuần là học một ngôn ngữ mới, mà họ còn phải học những kiến thức mới bằng ngôn ngữ đó.

Ở một số quốc gia Châu Á, thông qua giáo dục không chính quy, các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ đang giúp người học thuộc các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số biết đọc, biết viết bằng cả tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ quốc gia. Tuy nhiên, vai trò của giáo dục song ngữ/đa ngữ trong việc làm tăng tỷ lệ nhập học, duy trì sĩ số và đạt kết quả tốt trong hệ thống giáo dục chính quy vẫn chưa có được sự công nhận và hiểu biết đầy đủ. Bộ tài liệu này tuyên truyền cho việc xây dựng các chương trình giáo dục nhằm đáp ứng tốt hơn sự đa dạng về văn hóa. Bộ tài liệu đưa ra những phân tích thấu đáo về giá trị của giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ, một hình thức giáo dục tôn trọng quyền trẻ em và quyền của người học, cũng như khuyến khích người đọc suy nghĩ về tầm quan trọng của ngôn ngữ và tìm hiểu sâu hơn về nó. Bộ tài liệu được xây dựng dựa trên những kết quả nghiên cứu và kinh nghiệm thu được qua nhiều năm của nhiều tổ chức và cá nhân làm việc trong lĩnh vực giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ.

Tôi hy vọng các bạn sẽ thấy Bộ tài liệu này hữu ích cho việc tuyên truyền và ủng hộ việc giảng dạy bằng tiếng mẹ đẻ như một phương tiện cải thiện chất lượng giáo dục và bảo tồn những ngôn ngữ có nguy cơ biến mất trên thế giới.

Sheldon Shaeffer

Giám đốc Văn phòng Giáo dục UNESCO

Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương

Lời cảm ơn

Bộ tài liệu này đã được biên soạn với sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu, nhiều chuyên gia giáo dục và các cá nhân trong và ngoài khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. UNESCO Băng Cốc xin trân trọng được ghi nhận và cảm ơn sự đóng góp của những người đã xây dựng Bộ tài liệu này.

Chúng tôi chân thành cảm ơn các thành viên Ban cố vấn Giáo dục Đa ngữ của UNESCO Băng Cốc vì sự hỗ trợ tích cực trong quá trình xây dựng Bộ tài liệu này.

Chúng tôi ghi nhận những nguồn tài liệu được sử dụng trong Bộ tài liệu và khuyến khích mọi người sử dụng các nguồn tài liệu đó.

Chúng tôi cũng xin được cảm ơn những đại biểu tham dự Hội thảo về Các chương trình xóa mù chữ bằng tiếng mẹ đẻ/song ngữ cho các dân tộc thiểu số được tổ chức vào tháng 12 năm 2005 tại Chiềng Mai, Thái Lan vì những đóng góp quý báu để hoàn thiện Bộ tài liệu này.

Chúng tôi bày tỏ sự cảm ơn đối với những cá nhân đã cung cấp ảnh tự liệu cũng như thành viên của các cộng đồng các dân tộc thiểu số đã đồng ý chia sẻ những bức ảnh của mình với chúng tôi.

Bên cạnh nguồn kinh phí của UNESCO, Quỹ Ủy thác Nhật Bản đã hỗ trợ quá trình biên soạn và phân phối Bộ tài liệu. Chúng tôi đánh giá cao sự hỗ trợ này cũng như những lợi ích mà Bộ tài liệu sẽ mang lại cho người học ở trong và ngoài khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Cuối cùng, chúng tôi xin ghi nhận những đóng góp to lớn của Tiến sĩ Susan Malone, Viện Ngôn ngữ Mùa hè Quốc tế - tác giả chính của Bộ tài liệu; Ông Ochirkhuyag Gankhuyag, Trợ lý chương trình của UNESCO Băng Cốc, đã điều phối dự án và giải quyết những khó khăn để hoàn thành Bộ tài liệu.

Dưới đây là danh sách những cá nhân đã đóng góp thời gian và sự hiểu biết quý báu cho việc hoàn thành Bộ tài liệu. Nếu do sơ suất không nêu tên những người tham gia khác, chúng tôi xin được thứ lỗi và ghi nhận sự hỗ trợ quý báu của các bạn.

Donald Archibald	Maki Hayashikawa	Jan Noorlander
George Attig	Vibeke Jensen	Tariq Rahman
Joel Bacha	Komiljon Karimov	Darunee Riewpituk
Carol Benson	Linda King	Karsten van Riezen
Jean Bernad	Kimmo Kosonen	R. Sachdeva
Terry Durnian	Pamela MacKenzie	Sheldon Shaeffer
Orchirkhuyag Gankhuyag	Dennis Malone	Clive Wing
Kibria Golam	Susan Malone	Catherin Young
Abdul Hakeem	Inna Melnikova	

Tổng quan về Bộ tài liệu

Giáo dục cho Mọi người là mang lại giáo dục có chất lượng cho tất cả mọi người. Kể từ khi bắt đầu thực hiện chương trình Giáo dục cho Mọi người, nhiều quốc gia đã rất nỗ lực để đáp ứng nhu cầu giáo dục cho trẻ em và người lớn. Mặc dù đã có rất nhiều hoạt động được triển khai, nhưng một vài nhóm người vẫn chưa nhận được sự quan tâm - đó là trẻ em gái, phụ nữ, người nghèo, người khuyết tật, người bị nhiễm HIV/AIDS và những người mà ngôn ngữ mẹ đẻ không phải là ngôn ngữ quốc gia.

Chương trình Giáo dục cho Mọi người có thể đạt được chất lượng khi mà giáo dục chỉ sử dụng một ngôn ngữ mà một số người học lại không nói và cũng không hiểu ngôn ngữ đó? Đây là tình trạng mà rất nhiều trẻ em các nhóm dân tộc thiểu số phải đối mặt khi các em bước vào hệ thống trường học chính quy - ngôn ngữ chính thức của nhà trường khác với ngôn ngữ các em sử dụng trong gia đình. Việc cho trẻ em học bằng ngôn ngữ mà các em không hiểu đã tạo ra những cản trở trong giáo dục, điều mà không nên để xảy ra.

Ở một số quốc gia trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ được xây dựng trong hệ thống giáo dục không chính quy đã giúp cho người học của các nhóm dân tộc/ngôn ngữ thiểu số trở nên biết đọc, biết viết bằng chính ngôn ngữ của mình và ngôn ngữ quốc gia. Tuy nhiên, vai trò của giáo dục song ngữ/đa ngữ trong việc giúp tăng tỷ lệ nhập học, duy trì sĩ số và hoàn thành bậc học trong hệ thống trường học chính quy chưa được quan tâm đúng mức. Mặt khác, cũng phải thừa nhận rằng, các nhà hoạch định chính sách và các nhà quản lý giáo dục phải đối mặt với những quyết định khó khăn liên quan tới ngôn ngữ giảng dạy khi mà các yếu tố về chuyên môn và chính trị còn chưa có sự thống nhất. Vì vậy, việc nhìn nhận được bức tranh toàn cảnh thực tế về thực hiện giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ của người học là một trong những bước quan trọng để đạt được mục tiêu giáo dục có chất lượng cho mọi người.

Ai có thể sử dụng Bộ tài liệu này?

Bộ tài liệu này được biên soạn cho tất cả những người muốn đảm bảo cho chương trình "Giáo dục cho Mọi người" được thực hiện một cách thực sự cho tất cả mọi người, không loại trừ bất cứ ai. Bộ tài liệu sẽ có giá trị đặc biệt đối với các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý giáo dục và các chuyên gia, những người muốn cải thiện việc tiếp cận giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục cho những người bị đẩy ra ngoài trường học vì lý do ngôn ngữ. Bộ tài liệu cũng sẽ có ích với những người nói tiếng dân tộc thiểu số muốn cải thiện tình hình giáo dục trong cộng đồng của mình.

Bộ tài liệu được thiết kế nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục đa ngữ (GDĐN) dựa trên tiếng mẹ đẻ. Bộ tài liệu trình bày những quan điểm chủ đạo và thực tế về giáo dục đa ngữ, chỉ ra những hiểu biết thiếu sót về giá trị và lợi ích của giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ của người học. Bộ tài liệu còn đưa ra các ý tưởng, các kết quả nghiên cứu và các ví dụ cụ thể để người đọc có thể suy xét về các tình huống mình đang gặp phải và gợi ý các bước tiến hành nhằm đảm bảo hệ thống trường học của quốc gia mình phù hợp hơn với sự đa dạng của ngôn ngữ.

Bộ tài liệu không phải là một cuốn sách giáo khoa và sẽ không trả lời cho tất cả những vấn đề mà người đọc quan tâm. Để hỗ trợ tối đa, cuối mỗi cuốn tài liệu, chúng tôi liệt kê danh sách các tài liệu tham khảo. Thêm vào đó, mỗi cuốn tài liệu có bảng chú giải thuật ngữ và một trang tóm tắt nội dung tài liệu ở phần đầu.

Bạn có thể sử dụng Bộ tài liệu này như thế nào?

Bộ tài liệu gồm ba cuốn sách mỏng chính. Mỗi cuốn sách mỏng dành riêng cho mỗi đối tượng độc giả: 1) Các nhà hoạch định chính sách, 2) Các nhà lập kế hoạch và thực hiện chương trình giáo dục và 3) Các thành viên trong cộng đồng. Xin lưu ý rằng phát triển giáo dục song ngữ/đa ngữ cần sự đóng góp của tất cả mọi người ở tất cả các cấp. Vì lý do đó, chúng tôi khuyến khích người đọc sử dụng cả ba cuốn sách mỏng cùng các nguồn tài liệu sẵn có khác trong quá trình hợp tác để xây dựng kế hoạch, triển khai và duy trì các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ của mình.

Bộ tài liệu có thể được sử dụng theo nhiều cách khác nhau. Những người đang thực hiện các chương trình giáo dục đa ngữ có thể sử dụng những ý tưởng trong Bộ tài liệu này để thúc đẩy việc giảng dạy bằng ngôn ngữ mẹ đẻ và củng cố cho chương trình của mình. Còn với những người chưa quen thuộc với giáo dục đa ngữ nhưng muốn nâng cao cơ hội tiếp cận giáo dục cho những học sinh nói ngôn ngữ thiểu số thì có thể sử dụng tài liệu này để xác định những vấn đề cụ thể mà họ có thể nghiên cứu và thảo luận phù hợp với hoàn cảnh của mình.

Bảng chú giải thuật ngữ

Mỗi quyển tài liệu có bảng chú giải thuật ngữ dùng trong toàn bộ Bộ tài liệu. Người đọc có thể tham khảo Bảng chú giải này khi cần thiết.

Tài liệu dành cho những nhà hoạch định chính sách

Mở đầu

Kể từ khi UNESCO lần đầu tiên khởi xướng Chương trình Giáo dục cho Mọi người (năm 1990), Chính phủ của nhiều quốc gia đã tăng cường nỗ lực nhằm đáp ứng nhu cầu về giáo dục của trẻ em và người lớn trong quốc gia của mình. Mặc dù đã có rất nhiều hoạt động được triển khai, tuy nhiên vẫn còn một số nhóm người chưa nhận được sự quan tâm thoả đáng. Đó là trẻ em gái và phụ nữ nói chung, là những người nghèo, là những người cần sự hỗ trợ đặc biệt, những người nhiễm HIV/AIDS và những người nói ngôn ngữ thiểu số.

Dù cho người học là người bản địa hay người nhập cư, nhưng nếu không hiểu được ngôn ngữ quốc gia thì sẽ gặp bất lợi lớn khi bắt đầu đi học:

Một sự thật hiển nhiên nhưng thường chưa được công nhận là nếu người học phải học bằng một ngôn ngữ không phải tiếng mẹ đẻ thì những khó khăn đối với họ sẽ nhân lên gấp đôi: không những phải học một ngôn ngữ mới mà còn phải học kiến thức mới có trong ngôn ngữ ấy. Những thách thức này càng tăng bội phần nếu như người học thuộc nhóm cộng đồng đang chịu nguy cơ hay sức ép về giáo dục, chẳng hạn: các dân tộc bị thất học, nhóm dân tộc thiểu số, nhóm người tị nạn.¹

Cách tốt nhất để vượt qua những thử thách trên là "Giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ". Trong các chương trình giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ, người học của các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số được học bằng ngôn ngữ của dân tộc mình ở các trình độ ban đầu và học ngôn ngữ quốc gia như một môn học. Giáo viên chỉ sử dụng ngôn ngữ quốc gia trong giảng dạy khi người học đã nói, đọc và viết thành thạo ngôn ngữ đó. Một chương trình giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ có hiệu quả nhất, là phải khuyến khích người học sử dụng cả hai ngôn ngữ trong giao tiếp và trong học tập trong suốt bậc tiểu học.

Sự công nhận của UNESCO về mối liên hệ mật thiết giữa ngôn ngữ và giáo dục được thể hiện rõ trong ba nguyên tắc cơ bản về ủng hộ giáo dục đa ngữ:

1. UNESCO ủng hộ việc dạy học bằng tiếng mẹ đẻ và coi đó như một phương tiện nâng cao chất lượng giáo dục, vì nó được xây dựng dựa trên kiến thức và kinh nghiệm của người học và giáo viên.
2. UNESCO ủng hộ giáo dục song ngữ và/hoặc giáo dục đa ngữ ở tất cả cấp học và coi đó như một phương tiện nhằm thúc đẩy công bằng xã hội và bình đẳng giới và là yếu tố quan trọng trong xã hội đa dạng về ngôn ngữ.

1 UNESCO. 2003. Giáo dục trong một thế giới đa ngôn ngữ. Paris, UNESCO.

3. UNESCO ủng hộ quan điểm coi ngôn ngữ là bộ phận thiết yếu của giáo dục liên văn hoá, nhằm thúc đẩy sự hiểu biết giữa các cộng đồng ngôn ngữ khác nhau và đảm bảo tôn trọng các quyền cơ bản.²

Toàn bộ tài liệu này sẽ trình bày các thông tin chi tiết về các chương trình giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ. Tiêu đề của từng phần là các câu hỏi thường gặp về giáo dục đa ngữ. Trong những câu trả lời có trích dẫn ý kiến của các nhà giáo dục, các quan chức Chính phủ, các nhà nghiên cứu và người dân của các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số trên thế giới.

Hỏi - Đáp:

Ngôn ngữ và giáo dục trong các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số

Câu hỏi 1: Thực trạng giáo dục cho người dân thuộc các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số như thế nào?

Trả lời: Rất nhiều người dân thuộc cộng đồng ngôn ngữ thiểu số, đặc biệt là các cộng đồng ở các vùng xa xôi hẻo lánh gặp rất nhiều khó khăn khi cố gắng đạt tới chất lượng trong nền giáo dục cơ bản:

- Một số không có cơ hội được đi học; một số có cơ hội được đi học thì lại không được học những giáo viên được đào tạo bài bản - hoặc thiếu giáo viên.
- Thậm chí nếu có đủ giáo viên, thì đa số giáo viên giảng bài bằng ngôn ngữ mà người học không hiểu.
- Sách giáo khoa và bài học sử dụng ngôn ngữ và văn hoá của dân tộc đa số. Nếu như người học không hiểu biết về nền văn hoá đó, như thực tế ở nhiều người, thì họ sẽ gặp nhiều khó khăn để hiểu các khái niệm đang được dạy.
- Giáo viên là người dân tộc đa số có thể cho rằng người học là "chậm". Họ có thể không quan tâm đến - thậm chí coi thường - ngôn ngữ và văn hoá của người học.

Đối với những người học này, trường học thường là *nơi xa lạ* dạy những *khái niệm mới* bằng một *ngôn ngữ xa lạ*. Dưới đây là một ví dụ được một nhà giáo dục mô tả khi đến thăm một lớp học ở vùng dân tộc thiểu số của Ấn Độ, ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy ở lớp học này là tiếng Hin-đi:

Trẻ em dường như hoàn toàn chán nản với bài đọc thoại của giáo viên. Các em lơ đãng nhìn thầy giáo và các chữ được viết lên bảng. Rõ ràng các em không thể hiểu những gì thầy giáo nói, còn thầy giáo vẫn tiếp tục giải thích chi tiết hơn với giọng nói mỗi lúc một to hơn.

1 UNESCO. 2003. Giáo dục trong một thế giới đa ngôn ngữ. Paris, UNESCO.



© Tổ chức Trẻ em và Phát triển (E&D) / Đặng Bảo Nguyệt

Sau đó, khi đã mệt mỏi vì nói nhiều và nhận thấy rằng học sinh hoàn toàn không nắm được gì, thầy giáo yêu cầu các em chép lại các từ ở trên bảng. "Học sinh của tôi rất giỏi chép lại bài trên bảng. Đến lớp 5, các em có thể chép lại và học thuộc tất cả câu trả lời. Nhưng trong số học sinh lớp 5 chỉ có 2 em thực sự nói được tiếng Hin-đi" - thầy giáo nói.³

Việc trẻ em, hoặc người lớn phải học bằng ngôn ngữ họ không thể nói và hiểu, điều này sẽ cản trở họ chứ không giúp họ phát triển khả năng để trở thành người hữu ích cho xã hội. Một khi bài học chỉ luôn chú trọng đến thế giới bên ngoài cộng đồng của người học và bỏ qua những gì họ đã biết và trải nghiệm thì đó chính là thông điệp: ngôn ngữ, văn hoá và kinh nghiệm của họ không có giá trị gì. Đây là cách giáo dục khiến cho trẻ em không còn tôn trọng cộng đồng, cha mẹ và bản thân các em. Một phụ huynh ở Pa-pua Niu Ghi-nê cũng đã nói về thực trạng này như sau:

3 Jhingran, D. 2005, *Khó khăn ngôn ngữ. Thách thức trong học tập ở Giáo dục tiểu học*. New Delhi, Nhà xuất bản A. P. H.

Khi trẻ em đến trường là đến một nơi hoàn toàn mới lạ. Các em rời xa cha mẹ, ruộng vườn và mọi thứ thuộc về cuộc sống của các em. Các em ngồi trong lớp học và học những điều không liên quan gì đến mình. Bởi vì phải học những điều không quen thuộc, nên sau đó các em chối bỏ những gì vốn thuộc về mình.⁴

Trong nhiều trường hợp, cái giá mà người học muốn thành công trong hệ thống giáo dục chính quy phải trả là rất lớn: Họ phải từ bỏ di sản ngôn ngữ và văn hoá của họ:

Họ (các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số) chỉ có thể hoà nhập vào cuộc sống hiện đại nếu như họ để lại đằng sau bản sắc dân tộc, ngôn ngữ của họ và chấp nhận ngôn ngữ và văn hoá của dân tộc đa số. Đây không phải là điều mới lạ. Nó đã xảy ra từ lâu, được nhiều người biết đến, được ghi chép đầy đủ, nhưng cũng là lịch sử rất đáng buồn của các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số trên thế giới.⁵

Câu hỏi 2: Làm thế nào để giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ cải thiện tình hình giáo dục cho những người không hiểu được hoặc không nói được ngôn ngữ quốc gia khi họ bắt đầu đi học?

Trả lời: Các chương trình giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ tạo điều kiện cho người học bắt đầu học tập bằng ngôn ngữ mình thành thạo nhất. Khi người học sử dụng tiếng mẹ đẻ trong học tập, họ được giới thiệu về ngôn ngữ mới (ngôn ngữ quốc gia hoặc ngôn ngữ chính thức) và bắt đầu học giao tiếp bằng ngôn ngữ đó. Đồng thời, giáo viên giúp người học làm giàu vốn từ chuyên môn của ngôn ngữ mới để họ có thể hiểu và nói được những khái niệm trừu tượng hơn.⁶ Trong các chương trình hiệu quả nhất, người học được tiếp tục phát triển khả năng giao tiếp và học tập bằng cả hai thứ tiếng trong suốt bậc tiểu học.

Biểu đồ "các bước" dưới đây sẽ minh hoạ tiến trình học ngôn ngữ trong các chương trình giáo dục đa ngữ hiệu quả:

-
- 4 Delpit, L. D. và Kemelfield, G. 1985. *Đánh giá Chương trình học tiếng Tok Ples ở phía Bắc tỉnh Solomons*. Báo cáo ERU Số 51. Waigani, Pa-pua Niu Ghi-nê, Đại học Pa-pua Niu Ghi-nê.
 - 5 Shaeffer, S. 2003. (7 - 9 Tháng 11) *Phát triển ngôn ngữ và tái sinh ngôn ngữ: Tình cấp bách về ngôn ngữ ở Châu Á*. Hội thảo quốc tế về phát triển ngôn ngữ, tái sinh ngôn ngữ và giáo dục đa ngữ. Băng Cốc, Thái Lan.
 - 6 Quá trình này dựa trên nguyên tắc giáo dục: mà các khái niệm đã được học bằng một ngôn ngữ thì dễ dàng chuyển sang ngôn ngữ khác một khi người học đã được xây dựng vốn từ vựng cần thiết bằng ngôn ngữ mới. (Xem Cummins, J.2000. *Tiếng mẹ đẻ của trẻ em đa ngữ: Tại sao điều này lại quan trọng cho Giáo dục?*)

Tiếp tục củng cố khả năng nói và viết thành thạo bằng cả hai ngôn ngữ
Sử dụng NN2 với NN1 trong dạy và học

Dạy đọc và viết bằng NN2

Tiếp tục củng cố khả năng nói và viết NN1 và nói NN2
Bắt đầu sử dụng NN2 trong dạy và học với sự trợ giúp của NN1

Dạy nói ngôn ngữ quốc gia (Ngôn ngữ thứ hai - NN2)⁷

Tiếp tục củng cố khả năng nói và viết NN1
Sử dụng NN1 trong dạy và học

Dạy đọc và viết bằng NN1

Tiếp tục củng cố khả năng nói NN1
Sử dụng NN1 trong dạy và học

Củng cố sự tự tin và khả năng nói thành thạo bằng ngôn ngữ ở nhà (NN1)

(cho trẻ em vừa mới bắt đầu đi học)

Sử dụng ngôn ngữ ở nhà (ngôn ngữ thứ nhất - NN1) trong dạy và học

Sau khi đã tạo dựng được nền tảng giáo dục bằng ngôn ngữ ở nhà, học sinh bắt đầu học ngôn ngữ mới, đầu tiên học nói sau đó học đọc và học viết. Các em tiếp tục sử dụng ngôn ngữ thứ nhất cho đến khi đạt được trình độ thành thạo cơ bản ngôn ngữ mới. Tốt nhất là các em nên sử dụng cả hai ngôn ngữ trong học tập ít nhất là trong suốt bậc tiểu học.

Khi trẻ em được tiếp tục phát triển năng lực qua việc được học bằng hai hay nhiều hơn hai ngôn ngữ trong suốt những năm học của bậc tiểu học, các em sẽ có hiểu biết sâu hơn về ngôn ngữ và cách sử dụng ngôn ngữ có hiệu quả. Các em được thực hành ngôn ngữ nhiều hơn, đặc biệt khi các em phát triển kĩ năng đọc, viết bằng cả hai ngôn ngữ và các em có khả năng so sánh, phân biệt các cách mà hai ngôn ngữ biểu đạt trên thực tế.⁸

Các điểm quan trọng nhất của quá trình này là:

- Giáo dục bắt đầu bằng những gì người học đã biết, bằng ngôn ngữ và văn hoá, tri thức và trải nghiệm mà họ đã có;
- Người học dần dần tự tin sử dụng ngôn ngữ mới (ngôn ngữ quốc gia hoặc ngôn ngữ chính thức), trước khi ngôn ngữ đó được dùng làm ngôn ngữ giảng dạy duy nhất cho các môn học;
- Người học đạt được chuẩn theo yêu cầu của mỗi môn học, bởi vì giáo viên sử dụng ngôn ngữ ở nhà của người học cùng với ngôn ngữ quốc gia, để giúp người học hiểu được các khái niệm của bài học.

7 Một vài nghiên cứu viên đã phát hiện ra rằng NN2 có thể được giới thiệu sớm hơn, miễn là người giáo viên tiếp tục sử dụng ngôn ngữ trong gia đình của trẻ em như một ngôn ngữ giảng dạy trong suốt bậc tiểu học.

8 Cummins, J. 2000. *Tiếng mẹ đẻ cho trẻ em song ngữ: Tại sao điều này lại quan trọng cho Giáo dục?* <http://www.iteachilearn.com/cummins/mother.htm> (Truy cập ngày 17 tháng 11 năm 2006)



© Viện Ngôn ngữ Mùa hè Quốc tế (SIL)

Câu hỏi 3: Mối quan hệ giữa giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ và sự phát triển nói chung là gì?

Trả lời: Những chương trình giáo dục mà không quan tâm đến quyền lợi của một số nhóm dân tộc, thì khiến các nhóm này không thể tham gia tích cực vào sự phát triển của địa phương cũng như quốc gia, bởi vì những chương trình này

... cung cấp cho người học rất ít kiến thức, kĩ năng và thái độ cần thiết để đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của cộng đồng hay của quốc gia.⁹

Giáo dục vì sự phát triển cần phải đảm bảo cho tất cả người học - dù họ nói ngôn ngữ gì - được phát huy hết khả năng, góp phần vào sự thịnh vượng của bản thân, của cộng đồng và của quốc gia:

⁹ Phòng Giáo dục. 1991. *Tổng quan ngành Giáo dục*. Waigani, Pa-pua Niu Ghi-nê, Phòng Giáo dục.

5 triệu người dân Pa-pua Niu Ghi-nê nói 800 ngôn ngữ riêng biệt. Cho đến năm 1993, Tiếng Anh là ngôn ngữ của hệ thống giáo dục chính quy. Nhận ra mặt trái của giáo dục chỉ dựa trên tiếng Anh, chính phủ Pa-pua Niu Ghi-nê đã sửa đổi toàn bộ hệ thống giáo dục tiểu học vào năm 1995. Đến trước năm 2005, các chương trình giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ đã được thiết lập trên 400 ngôn ngữ của hơn 800 ngôn ngữ địa phương của Pa-pua Niu Ghi-nê.

Chúng tôi tin tưởng rằng mục tiêu cơ bản của một quốc gia là phải khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của tất cả người dân trong quốc gia đó cũng như của những cộng đồng lớn hơn bao gồm quốc gia đó ... Sự phát triển của một quốc gia không phải là những việc Chính phủ làm, mà là những gì Chính phủ tạo điều kiện cho người dân làm được.¹⁰



© Tổ chức Trẻ em và Phát triển (E&D) / Đặng Bảo Nguyệt

Tất cả các cộng đồng văn hoá, dù lớn hay nhỏ, đều đã có những chiến lược phát triển tốt nhất cho nơi họ đang sinh sống. Mỗi một ngôn ngữ đều có khả năng truyền tải tri thức và hiểu biết của người dân bản ngữ đã có qua nhiều thế hệ. Một quốc gia sẽ đạt được lợi ích tổng thể khi những người dân ở các nền văn hoá khác nhau, sử dụng những ngôn ngữ khác nhau và có những cách nhìn nhận khác nhau, cùng nhau chia sẻ ý tưởng và cùng nhau lập kế hoạch cho một tương lai chung. Một trong những mục đích dài hạn của chương trình giáo dục đa ngữ cho các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số là phải đảm bảo cho người dân có được kiến thức, kĩ năng và sự tự tin để tham gia, góp phần vào sự phát triển chung của quốc gia:

Nguồn tài nguyên quốc gia quý giá nhất của chúng ta là sự đa dạng về văn hoá. Sự đa dạng này đồng nghĩa với việc có nhiều quan điểm nhìn nhận hơn, nhiều cách giải quyết vấn đề hơn, nhiều ý tưởng sáng tạo hơn, và khả năng ứng phó tốt hơn trước sự thay đổi... Khi sự đa dạng bị hạn chế... quốc gia đó sẽ suy yếu và bị chia cắt.¹¹

10 Gharagedaghi, J. 1986. *Giai đoạn mở đầu cho Kế hoạch Phát triển Quốc gia*. New York, Thời báo Greenwood.

11 Dr. John Waiko, Bộ trưởng Bộ Giáo dục Pa-pua Niu Ghi-nê, 2001.

Việc Chính phủ hỗ trợ cho các chương trình giáo dục đa ngữ, đã chứng tỏ cho mọi người dân thấy rằng ngôn ngữ thiểu số và những người nói các ngôn ngữ đó được coi trọng. Chương trình giáo dục đa ngữ bằng việc xây một "cầu nối" giữa tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ chính thức cho người học, sẽ góp phần xây dựng được khối đoàn kết dân tộc, bởi người dân không buộc phải từ bỏ di sản văn hoá và ngôn ngữ độc đáo của dân tộc mình. Những kinh nghiệm trên thế giới đã cho thấy rằng phủ nhận hay hạn chế di sản văn hoá và ngôn ngữ của người dân, sẽ dẫn đến chia rẽ và xung đột. Giáo dục đa ngữ củng cố khối đoàn kết bằng việc đảm bảo chứ không phải là từ bỏ sự đa dạng. Giáo dục đa ngữ góp phần bảo tồn và phát triển ngôn ngữ cùng với những nét bản sắc văn hóa của các dân tộc trong một quốc gia.

Câu hỏi 4. Mối quan hệ giữa giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ và bình đẳng giới như thế nào?

Trả lời: Năm 1993, nhà ngôn ngữ học Corson đã nhận ra rằng có ba nhóm chịu ảnh hưởng nhiều nhất của các chính sách ngôn ngữ và kế hoạch giáo dục không công bằng là: phụ nữ và trẻ em gái, người nghèo và nhóm dân tộc mà ngôn ngữ của họ không phải là ngôn ngữ chính thức. Sự không công bằng là rõ ràng nhất đối với những người thuộc cả ba nhóm trên. Nghiên cứu về giới đã chứng minh rằng ngoài trẻ em gái và phụ nữ làm việc tại các chợ hoặc nhà máy, số còn lại là các trẻ em gái và phụ nữ ít được tiếp cận với ngôn ngữ chính thức hơn là các trẻ em trai và nam giới, cuộc sống của họ bị hạn chế trong phạm vi gia đình, nơi chỉ có ngôn ngữ địa phương được sử dụng. Điều này có nghĩa rằng trẻ em gái sẽ hiểu bài kém hơn trẻ em trai. Đáng tiếc rằng, sự khác biệt này không được chú ý tới; vì các trẻ em gái có ít cơ hội được nói và bị cho là học kém hơn trẻ em trai. Mặc dù đã có sự nâng cao nhận thức về yêu cầu đạt được bình đẳng giới trong giáo dục, nhưng trẻ em gái vẫn thường có ít cơ hội đi học hơn trẻ em trai và trẻ em gái của các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số thường chịu nhiều thiệt thòi hơn tất cả.

Giáo dục đa ngữ mang đến nhiều cơ hội tiếp cận với nền giáo dục có chất lượng hơn cho trẻ em gái.

Những quan tâm về giới sẽ xóa bỏ ... những bất lợi trong giáo dục đối với trẻ em gái và phụ nữ, đặc biệt những người có hoàn cảnh thiệt thòi. Trong hầu hết các xã hội truyền thống, trẻ em gái và phụ nữ thường là những người có xu hướng chỉ nói một ngôn ngữ, ít được tiếp cận với ngôn ngữ quốc gia thông qua trường học, thông qua lao động có thu nhập, hoặc thông qua việc di cư tới những vùng có sử dụng ngôn ngữ quốc gia, so với con trai, anh trai hay chồng của họ.¹²

Giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ mang đến những lợi ích đặc biệt cho trẻ em gái của các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số.

- Các bậc phụ huynh có thể yên tâm hơn khi đưa con gái của mình đến những trường nơi có giảng dạy ngôn ngữ của cộng đồng và lồng ghép nội dung văn hóa cùng các giá trị quen thuộc. Ngoài ra, các bậc phụ huynh có thể tiếp cận được với thông tin về việc nhập học và quá trình học tập bằng ngôn ngữ của mình. Các trẻ em gái sẽ

12 UNESCO. 23. Giáo dục trong một thế giới đa ngôn ngữ. Paris, UNESCO



© Tổ chức Trẻ em và Phát triển (E&D) / Đặng Bảo Nguyệt

được khuyến khích học tập lên các lớp cao hơn nếu ngôn ngữ của các em vẫn tiếp tục được sử dụng cùng với ngôn ngữ chính thức.

- Các chương trình giáo dục đa ngữ khuyến khích sự trao đổi giữa các bậc phụ huynh và các giáo viên, giúp cho việc huy động sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động của nhà trường. Điều này giúp đảm bảo rằng trường học đáp ứng được các nhu cầu và giá trị của cộng đồng.
- Khi các em gái có thể giao tiếp thoải mái như các em trai bằng ngôn ngữ ở nhà, các em có thể tự tin trong lớp học như các em trai. Giáo viên cũng thấy rằng họ cần tạo cơ hội học tập cho các em gái như cho các em trai.
- Các cơ hội được dạy tại cộng đồng cùng với việc tập huấn, giáo viên sẽ khuyến khích nhiều phụ nữ trở thành giáo viên hơn. Điều này mang đến cho học sinh nữ nhiều vai trò hơn và cũng giúp cho phụ nữ có nhiều cơ hội tăng thêm thu nhập.¹³

¹³ Benson, C. 2005. *Giảng dạy và giáo dục dựa trên tiếng mẹ đẻ cho trẻ em gái*. Băng Cốc, UNESCO. <http://unesdoc.unesco.org/images/0014/001420/142079e.pdf> (Truy cập vào ngày 17 tháng 11 năm 2006)

Câu hỏi 5: Chi phí thì như thế nào? Để thực hiện và duy trì các chương trình giáo dục đa ngữ có tốn kém không?

Trả lời: Một vài người phản đối giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ, vì họ nghĩ rằng để tiến hành và duy trì chương trình này sẽ rất tốn kém. Tuy nhiên, các nghiên cứu về lĩnh vực kinh tế ngôn ngữ học khi phân tích chi phí của các chính sách xã hội liên quan đến ngôn ngữ đã chỉ ra rằng, các chương trình giáo dục đa ngữ đều có chi phí hợp lí, đặc biệt là tạo ra những lợi ích lâu dài:

Chi phí gia tăng khi chuyển từ giáo dục đơn ngữ sang giáo dục đa ngữ là ít hơn nhiều so với mọi người thường nghĩ. Ở những nơi được đánh giá, người ta thấy rằng chi tăng khoảng 3% - 4%, bởi vì, nếu là giáo dục đơn ngữ thì vẫn phải chi phí cho giáo dục. Do vậy các chi phí bổ sung cho giáo dục đa ngữ chỉ là một phần nhỏ.¹⁴

Phải chăng chúng ta nên đặt vấn đề này theo hướng tích cực hơn: thay bằng việc hỏi giáo dục đa ngữ sẽ chi phí hết bao nhiêu thì chúng ta nên đặt câu hỏi: Hệ thống giáo dục cho những người không nói ngôn ngữ quốc gia đã chi phí hết bao nhiêu mà vẫn không thành công?

Nếu so sánh chi phí của một chương trình giáo dục đa ngữ với chi phí kinh tế xã hội của một nền giáo dục không phù hợp, hoặc không thành công cho người học nói ngôn ngữ thiểu số, thì thấy rõ ràng rằng giáo dục đa ngữ là một việc đầu tư lâu dài và khôn ngoan, như một số nghiên cứu về hiệu quả chi phí của Ngân hàng Thế giới đã chỉ ra. Ví dụ, một nghiên cứu với số liệu của Bộ Giáo dục Gua-tê-ma-la đã so sánh tỉ lệ lưu ban và bỏ học của hai nhóm học sinh người Mayan - một nhóm theo chương trình giáo dục song ngữ và nhóm khác trong một chương trình đơn ngữ (chỉ có tiếng Tây Ban Nha) đã chỉ ra:

Việc chuyển đổi sang giáo dục song ngữ sẽ tiết kiệm chi phí đáng kể do giảm tỉ lệ lưu ban, tiết kiệm cho Chính phủ hơn 31.000 quetzals (tương đương với 5 triệu đôla Mỹ). Điều này tương đương với chi phí giáo dục tiểu học cho khoảng 100.000 học sinh một năm.¹⁵

Một nghiên cứu khác sử dụng số liệu của Gua-tê-ma-la và Sê-nê-gan đã chỉ ra rằng chi phí xuất bản bằng ngôn ngữ địa phương chỉ chiếm một phần nhỏ trong số ngân sách dành cho giáo dục định kỳ (0,13% trong trường hợp của Gua-tê-ma-la) và chi phí khởi đầu có thể hoàn lại sau 2 đến 3 năm.¹⁶

14 Grin, F. Các cân nhắc về kinh tế trong Chính sách Ngôn ngữ. 2005. Ricento, T. (ed). 2005. *Giới thiệu về Chính sách Ngôn ngữ: Lý thuyết và Phương pháp*. Oxford, Basil Blackwell.

15 Dutcher, N. 2004. *Mở rộng các cơ hội giáo dục ở trong các quốc gia đa dạng về ngôn ngữ*. Washington D.C., Trung tâm Ngôn ngữ Ứng dụng. http://www.cal.org/resources/pubs/fordreport_040501.pdf (Truy cập vào ngày 17 tháng 11 năm 2006).

16 Vawda, A.Y. và Patrinos, H.A. 1998. *Chi phí Biên soạn tài liệu giáo dục bằng ngôn ngữ địa phương*. Washington D.C.: Ngân hàng Thế giới.



© Tổ chức Trẻ em và Phát triển (E&D) / Đặng Bảo Nguyệt

Câu hỏi 6: Các đặc điểm của một chương trình giáo dục đa ngữ hiệu quả và bền vững là gì?

Trả lời: Các chương trình giáo dục đa ngữ đòi hỏi có cách suy nghĩ cấp tiến, có sự hợp tác giữa các cá nhân, tổ chức, các cơ quan - "các bên liên quan" trong chương trình. Bảng dưới đây thể hiện "các nhân tố cần thiết" của các chương trình hiệu quả nhất.¹⁷

Mặc dù các nhà hoạch định chính sách không thường xuyên tham gia vào việc thực hiện các chương trình giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ, nhưng sự hỗ trợ tích cực của họ là thiết yếu cho sự thành công lâu dài của các chương trình. Một trong những đóng góp quan trọng nhất là việc thiết lập một môi trường chính trị ủng hộ mạnh mẽ cho giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ. Ngày càng có nhiều công nhận quốc tế hơn trước đây về sự cần thiết của các chính sách ngôn ngữ và giáo dục trong việc mang lại cơ hội được tiếp cận với một nền giáo dục có chất lượng cho tất cả mọi người, bao gồm những người nói ngôn ngữ không chính thức.¹⁸

17 Hiệu chỉnh từ cuốn Lập kế hoạch cho các chương trình giáo dục dựa vào cộng đồng trong các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số của Malone, S.2005. Cẩm nang nguồn cho những người nói tiếng mẹ đẻ của các ngôn ngữ thiểu số đã tham gia vào việc lập kế hoạch và thực hiện các chương trình giáo dục tại chính cộng đồng của họ.

18 Alidou, H., Boly, A., Brock-Utne, B., Diallo, Y.S., Heugh, K. và Wolff, H.E. 2006. Đánh giá lạc quan công tác giảng dạy và giáo dục ở Châu Phi: Nhân tố ngôn ngữ. Một nghiên cứu kiểm nghiệm về Giáo dục song ngữ và Giáo dục dựa trên tiếng mẹ đẻ ở Tiểu vùng Saharan, Châu Phi. Hiệp hội Phát triển Giáo dục Châu Phi (ADEA). www.adeanet.org/biennial-2006/doc/document/B3_1_MTBLE_en.pdf (Truy cập ngày 17 tháng 11 năm 2006)



Trong môi trường chính trị thuận lợi, các chính sách tốt nhất là những chính sách coi giáo dục đa ngữ như một phần không thể thiếu của cả hệ thống giáo dục chính quy và giáo dục không chính quy đồng thời có những hướng dẫn rõ ràng cho việc thực hiện và ủng hộ. Những quyết sách quan trọng bao gồm:

- Chỉ ra rõ ràng trình độ lớp nào trong trường tiểu học (một cách lí tưởng là ở cả trường trung học cơ sở) sẽ được nằm trong trong chương trình giáo dục đa ngữ.
- Thể chế hóa chương trình thông qua việc thiết lập cơ cấu trong cơ quan Chính phủ phù hợp để đảm trách điều phối việc thực hiện và hỗ trợ.
- Thiết lập các nguồn tài trợ thường xuyên, được chỉ định dành riêng cho chương trình giáo dục đa ngữ.

Các nhà hoạch định chính sách cũng đóng góp vào sự thành công của giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ, thông qua việc thúc đẩy tạo dựng một môi trường hợp tác giữa các cơ quan hữu quan - bao gồm chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, các trường đại học và các cơ quan khác - phối hợp với các cộng đồng địa phương để phát triển và duy trì các chương trình hiệu quả. Hoạt động thứ ba và rất cần thiết là đảm bảo cung cấp ngân sách thoả đáng cho việc lập kế hoạch, thực hiện và duy trì chương trình giáo dục đa ngữ ở cấp quốc gia, cấp địa phương và ở cộng đồng.



© Tổ chức Trẻ em và Phát triển (E&D) / Đặng Bào Nguyệt

Câu hỏi 7: Có thể thiết lập và duy trì được một chương trình giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ ?

Trả lời: Với sự ủng hộ, khuyến khích của các tổ chức như UNESCO, UNICEF cùng các tổ chức song phương và đa phương khác, các chương trình giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ đã và đang được thiết lập trên khắp thế giới. Trong khu vực Châu Á và Thái Bình Dương, các chương trình này đã được thực hiện hoặc đang được lập kế hoạch, chẳng hạn như ở Pa-pua Niu Ghi-nê, Trung Quốc, Thái Lan, Cam-pu-chia, Băng-la-đet, Ấn Độ và quốc đảo Sô-lô-môn. Hy vọng rằng các chương trình này sẽ "mở một con đường" cho những người đã nhận ra được vấn đề, nhưng chưa tiến hành các bước để đảm bảo "Giáo dục cho Mọi người", sẽ thực sự dành cho tất cả mọi người.



© Arief Arianto (In-đô-nê-xi-a), được cung cấp bởi Trung tâm văn hóa UNESCO khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (ACCU), Tokyo

Các nguyên tắc về Ngôn ngữ và Giáo dục của UNESCO¹⁹

Nguyên tắc I:

UNESCO ủng hộ việc dạy học bằng tiếng mẹ đẻ và coi đó như một phương tiện nâng cao chất lượng giáo dục, vì nó được xây dựng dựa trên kiến thức và kinh nghiệm của người học và giáo viên.

- 1) Dạy bằng tiếng mẹ đẻ là quan trọng đối với giai đoạn đầu của việc dạy học, xoá mù chữ và càng nên được kéo dài đến giai đoạn sau.
- 2) Chỉ có thể duy trì được xoá mù chữ, nếu như cung cấp đầy đủ các tài liệu đọc cho thanh, thiếu niên và người lớn cũng như cho trẻ em đang đi học.
- 3) Ở mỗi giai đoạn của kế hoạch giáo dục cần sớm có các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng cho giáo viên, cung cấp đủ số lượng giáo viên có năng lực và trình độ, có hiểu biết về cuộc sống của người dân địa phương và có thể dạy học bằng tiếng mẹ đẻ.

¹⁹ UNESCO.2003. Giáo dục trong một thế giới đa ngôn ngữ. Paris, UNESCO

Nguyên tắc II:

UNESCO ủng hộ giáo dục song ngữ và/hoặc giáo dục đa ngữ ở tất cả cấp học và coi đó như một phương tiện nhằm thúc đẩy công bằng xã hội và bình đẳng giới và là yếu tố quan trọng trong xã hội đa dạng về ngôn ngữ.

- 1) Cần khuyến khích giao tiếp, biểu đạt khả năng nghe và đàm thoại, trước hết bằng tiếng mẹ đẻ, sau đó là ngôn ngữ chính thức (hoặc ngôn ngữ quốc gia), nếu tiếng mẹ đẻ khác với ngôn ngữ chính thức hoặc ngôn ngữ quốc gia, cũng như bằng một hoặc nhiều tiếng nước ngoài.
- 2) Cần nhấn mạnh việc xây dựng những chính sách quốc gia nhằm thúc đẩy dạy ngôn ngữ thông qua không gian ảo, (tăng cường và mở rộng sự hỗ trợ quốc tế cho các nước đang phát triển), tạo thuận lợi cho việc phát triển các tài liệu điện tử về giáo dục ngôn ngữ miễn phí và tăng cường kĩ năng cho mọi người trong lĩnh vực này.

Nguyên tắc III:

UNESCO ủng hộ quan điểm coi ngôn ngữ là bộ phận thiết yếu của giáo dục liên văn hoá, nhằm thúc đẩy sự hiểu biết giữa các cộng đồng ngôn ngữ khác nhau và đảm bảo tôn trọng các quyền cơ bản.

- 1) Cần có các biện pháp xoá bỏ sự phân biệt đối xử trong giáo dục ở tất cả các bậc học vì lí do giới, chủng tộc, ngôn ngữ, tôn giáo, dân tộc gốc, dòng dõi hoặc tàn tật, hay bất kì hình thức phân biệt đối xử nào.
- 2) Cần tôn trọng đầy đủ quyền thụ hưởng giáo dục của người thiểu số cũng như người bản địa thông qua các việc dưới đây:
 - Thực hiện quyền được học bằng tiếng mẹ đẻ và áp dụng tất cả các phương pháp giảng dạy phù hợp về văn hoá trong giao tiếp và truyền đạt kiến thức.
 - Không chỉ học bằng tiếng mẹ đẻ hoặc dạy bằng tiếng mẹ đẻ, mà còn dạy bằng các ngôn ngữ quốc gia hoặc ngôn ngữ chính thức, hoặc cũng như các ngôn ngữ giao tiếp quốc tế, để người thiểu số và người bản địa có cơ hội tham gia và đóng góp cho cộng đồng.
- 3) Cần góp phần nâng cao nhận thức về giá trị tích cực của sự đa dạng văn hoá (và ngôn ngữ) và để đạt được mục đích đó, cần:
 - Có sự kết hợp thực tế và tích cực về các kiến thức lịch sử, văn hoá, ngôn ngữ và bản sắc của người thiểu số (hoặc người bản địa) vào trong chương trình dạy học.
 - Tăng cường thành tố văn hoá của việc dạy và học ngôn ngữ để có được sự hiểu biết sâu sắc hơn về các nền văn hoá khác; ngôn ngữ không phải là những bài tập về ngôn ngữ đơn thuần, mà là những cơ hội để phản ánh các khía cạnh khác của lối sống, nghệ thuật và tập tục.

Tài liệu tham khảo

Alidou, H., Boly, A., Brock-Utne, B., Diallo, Y.S., Heugh, K. and Wolff, H.E. 2006. *Đánh giá lạc quan công tác giảng dạy và giáo dục ở Châu Phi: Nhân tố ngôn ngữ. Một nghiên cứu kiểm nghiệm về Giáo dục song ngữ và Giáo dục dựa trên tiếng mẹ đẻ ở tiểu Saharan Châu Phi*. Paris, Hiệp hội Phát triển Giáo dục Châu Phi (ADEA). www.adeanet.org/biennial-2006/doc/document/B3_1_MTBLE_en.pdf (Truy cập ngày 17 tháng 11 năm 2006)

Benson, C. 2005. *Giảng dạy và giáo dục dựa trên tiếng mẹ đẻ cho trẻ em gái*. Băng Cốc, UNESCO. <http://unesdoc.unesco.org/images/0014/001420/142079e.pdf> (Truy cập vào ngày 17 tháng 11 năm 2006)

Cummins, J. 2000. *Tiếng mẹ đẻ của trẻ em song ngữ: Tại sao điều đó lại quan trọng cho giáo dục?* <http://www.iteachlearn.com/cummins/mother.htm> (Truy cập vào ngày 17 tháng 11 năm 2007)

Delpit, L.D. và Kemelfield, G. 1985. *Đánh giá của Viles tiếng Tok Ples Skul kế hoạch ở phía Bắc tỉnh Solomons*. Báo cáo ERU số 51. Waigani, Pa-pua Niu Ghi-nê, Đại học Pa-pua Niu Ghi-nê

Vụ Giáo dục. 1991. *Rà soát ngành giáo dục*. Wigani, Pa-pua Niu Ghi-nê, Vụ Giáo dục

Dutcher, N. 2004. *Mở rộng các cơ hội giáo dục ở trong các quốc gia đa dạng về ngôn ngữ*. Washington D.C., Trung tâm Ngôn ngữ Ứng dụng. http://www.cal.org/resources/pubs/fordreport_040501.pdf (Truy cập vào ngày 17 tháng 11 năm 2006).

Gharagedaghi, J. 1986. *Giai đoạn mở đầu cho Kế hoạch Phát triển Quốc gia*. New York, Thời báo Greenwood.

Grin, F. *Cần nhắc về kinh tế trong Chính sách ngôn ngữ*. 2005. Ricento, T. (ed). 2005. *Giới thiệu Chính sách ngôn ngữ: Lí thuyết và phương pháp*. Oxford, Basil Blackwell.

Jhingran, D. 2005. *Khó khăn về Ngôn ngữ. Khó khăn trong giảng dạy ở Giáo dục tiểu học*. New Delhi: Nhà xuất bản A. P. H.

Lập kế hoạch cho các chương trình giáo dục dựa vào cộng đồng trong các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số của Malone, S.2005. Cẩm nang nguồn cho những người nói tiếng mẹ đẻ của các ngôn ngữ thiểu số khi tham gia vào việc lập kế hoạch và thực hiện các chương trình giáo dục tại chính cộng đồng của họ.

Shaeffer, S. 2003. (7-9 Tháng 11) *Phát triển ngôn ngữ và tái sinh ngôn ngữ: Tính cấp bách về ngôn ngữ ở châu Á*. Hội thảo quốc tế về phát triển ngôn ngữ, tái sinh ngôn ngữ và giáo dục đa ngữ. Băng Cốc, Thái Lan. http://www.sil.org/asia/lhc/plenary_papers/sheldon_shaeffer.pdf (Truy cập ngày 17 tháng 11 năm 2006)

UNESCO. 2000. *Đánh giá Giáo dục cho Mọi người 2000: Báo cáo Quốc gia của Pa-pua Niu Ghi-nê*. http://www2.unesco.org/wef/countryreports/papua_new_guinea/contents.html (Truy cập ngày 17 tháng 11 năm 2006)

UNESCO. 2003. *Giáo dục trong một thế giới đa ngôn ngữ*. Paris, UNESCO. <http://unesdoc.unesco.org/images/0012/001297/129728e.pdf> (Truy cập ngày 17 tháng 11 năm 2006)

Vawda, A.Y. và Patrinos, H.A. 1998. *Chi phí Biên soạn tài liệu giáo dục bằng ngôn ngữ địa phương*. Washington D.C.: Ngân hàng Thế giới.

Waiko, J. 1997. *Giá trị của các kiến thức truyền thống trong thế kỷ 21*. Hội thảo Waigani, Waigani, Pa-pua Niu Ghi-nê, Đại học Pa-pua Niu Ghi-nê. <http://www.pngburai.com/600technology/information/waigani/w97-keynote.html> (Truy cập ngày 17 tháng 11 năm 2006)

Waters, G., Dondorp, A., Stillings, I., vWemin, J., Keruwa, R., Stefaniw, R. và Thomas, S. 1995. *Khảo sát Chương trình giáo dục bằng tiếng bản địa tại cấp tỉnh của Pa-pua Niu Ghi-nê*. Ukarumpa, Pa-pua Niu Ghi-nê, Viện Ngôn ngữ Mùa hè Quốc tế (SIL).

Bảng chú giải thuật ngữ

Bản địa	Người hoặc nhóm người có nguồn gốc hoặc là người cư trú rất sớm ở một vùng hay một quốc gia nào đó.
Biết chữ	Khả năng biết đọc, biết viết, biết tính toán và sử dụng một ngôn ngữ để làm bất cứ việc gì cần thiết trong cuộc sống.
Bình đẳng giới	Việc phụ nữ và nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai có các điều kiện như nhau để đạt được đầy đủ nhân quyền, được đóng góp cho sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị đồng thời hưởng lợi từ sự phát triển đó.
Chính tả	Hệ thống chuẩn của một ngôn ngữ, gồm chữ viết, quy tắc đánh vần/ghép chữ và phép chấm câu (xem hệ thống chữ viết).
Chuyển di	Những gì học được trong ngôn ngữ thứ nhất góp phần cho việc học bằng ngôn ngữ khác; khi đó người học chỉ cần học đọc một lần.
Chương trình giảng dạy	Kế hoạch, nội dung và tài liệu giảng dạy của một chương trình giáo dục.
Đa ngữ	<i>Cá nhân:</i> Khả năng nói/hiểu (và đôi khi cả đọc/viết) nhiều hơn hai ngôn ngữ. <i>Xã hội:</i> Sự tồn tại của nhiều hơn hai ngôn ngữ.
Đối tác	Các cá nhân, tổ chức và cơ quan hợp tác với các cộng đồng để thực hiện một chương trình mới.
Giáo dục đa ngữ (GDĐN)	Sử dụng nhiều hơn hai ngôn ngữ trong xóa mù chữ và giảng dạy.
Giáo dục song ngữ (GDSN)	Sử dụng hai ngôn ngữ trong xóa mù chữ và giảng dạy. ► <i>Tốt nhất, việc xóa mù chữ và học bắt đầu bằng ngôn ngữ thứ nhất của người học còn ngôn ngữ thứ hai được từng bước đưa vào giảng dạy.</i>
Giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ	Việc dạy học bắt đầu bằng tiếng mẹ đẻ/ngôn ngữ thứ nhất của người học rồi dần chuyển sang dạy học bằng ngôn ngữ thứ hai (xem Giáo dục đa ngữ).
Hệ thống chữ viết	Hệ thống ký tự của một ngôn ngữ (xem Chính tả).
Hướng dẫn viên	Người giúp người khác học; giáo viên.
Huy động	Quá trình vận động và tổ chức cho cộng đồng (và những người ủng hộ) cùng làm việc để lập kế hoạch và thực hiện một chương trình.
Nâng cao nhận thức	Cung cấp thông tin giúp cho mọi người nâng cao hiểu biết để đạt được mục tiêu và nhu cầu mà bản thân họ đã xác định.
Ngôn ngữ chiếm ưu thế	Ngôn ngữ được sử dụng bởi một nhóm xã hội chiếm ưu thế, hoặc ngôn ngữ được xem là ngôn ngữ chính thức của một quốc gia. ► <i>Có thể có vị trí là ngôn ngữ chính thống hoặc ngôn ngữ quốc gia kể cả khi ngôn ngữ này không được đa số dân số sử dụng.</i>

Ngôn ngữ chính thức	Ngôn ngữ được một quốc gia sử dụng trong hành chính công và trong các cơ quan, thường bao gồm cả trường học. <i>Ví dụ: Ấn Độ có tiếng Hindi và tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức.</i>
Ngôn ngữ di sản	Ngôn ngữ của tổ tiên cha ông để lại.
Ngôn ngữ đa số	Ngôn ngữ được số đông người nói ở một khu vực/ quốc gia.
Ngôn ngữ giảng dạy	Ngôn ngữ được sử dụng để dạy và học trong các chương trình giáo dục.
Ngôn ngữ mẹ đẻ/ tiếng mẹ đẻ	Ngôn ngữ được học từ những năm đầu đời, thường là ngôn ngữ của mẹ (còn gọi là ngôn ngữ thứ nhất). ▶ Là ngôn ngữ mà một người: (a) biết đầu tiên (b) được người khác xác nhận là bản ngữ. (c) sử dụng tốt nhất (d) sử dụng nhiều nhất.
Ngôn ngữ quốc gia/ quốc ngữ/tiếng phổ thông	Ngôn ngữ được coi là quan trọng và được sử dụng rộng rãi ở một quốc gia, còn gọi là ngôn ngữ chính thức. <i>Ví dụ: Ấn Độ công nhận 2 ngôn ngữ chính thức và 22 ngôn ngữ quốc gia; Tiếng Bahasa vừa là ngôn ngữ quốc gia, vừa là ngôn ngữ chính thức của In-đô-nê-si-a; Tiếng Việt là tiếng phổ thông của Việt Nam.</i>
Ngôn ngữ thiểu số	Ngôn ngữ được phần ít dân số ở một khu vực hoặc quốc gia sử dụng, sử dụng thường là của dân tộc có số dân ít. ▶ Đôi khi được dùng để chỉ ngôn ngữ của một nhóm người khá đông nhưng không phải là nhóm chiếm ưu thế.
Ngôn ngữ thứ nhất NN1	<i>Ngôn ngữ thứ nhất, ngôn ngữ được nói, học trong những năm đầu đời, ngôn ngữ bản địa (xem Tiếng mẹ đẻ, Ngôn ngữ trong gia đình/ngôn ngữ ở nhà).</i>
Ngôn ngữ thứ hai NN2	Ngôn ngữ thứ hai, không phải ngôn ngữ bản địa, ngôn ngữ được sử dụng rộng rãi hoặc tiếng nước ngoài. ▶ Thường chỉ các trường hợp khi thứ tiếng này được sử dụng ở môi trường xã hội rộng hơn bên ngoài gia đình; trong giáo dục song ngữ; chỉ ngôn ngữ thứ hai được học/dạy sau ngôn ngữ thứ nhất. ▶ Đối với các dân tộc thiểu số, ngôn ngữ thứ hai thường là ngôn ngữ chính thức hoặc ngôn ngữ quốc gia.
Ngôn ngữ trong gia đình/ ngôn ngữ ở nhà	Ngôn ngữ được sử dụng trong gia đình (xem Ngôn ngữ thứ nhất, Tiếng mẹ đẻ). ▶ Một số người có nhiều hơn một ngôn ngữ nói trong gia đình.
Ngôn ngữ truyền khẩu	Ngôn ngữ chỉ được dùng để nói, được truyền lại bằng lời từ đời này sang đời khác, từ người này sang người khác, không có văn bản viết.
Ngôn ngữ vùng/ ngôn ngữ địa phương	Ngôn ngữ được sử dụng tại các cộng đồng địa phương ở một quốc gia. ▶ Có thể chỉ những thứ tiếng chưa được phát triển đầy đủ ở dạng chữ viết.

Người mù chữ	Người chưa có cơ hội học đọc và viết bằng thứ ngôn ngữ mà người đó hiểu.
Nhóm chiếm ưu thế	Nhóm xã hội có quyền lực nhất của một quốc gia nhờ yếu tố dân số (chiếm đa số), kinh tế (sự cường thịnh) và/hoặc vị thế chính trị (quyền lực).
Nhóm ngôn ngữ thiểu số	Nhóm người có chung một ngôn ngữ và thường có ít quyền lực hơn trong xã hội do các yếu tố dân số (ít hơn về số lượng), kinh tế (không thịnh vượng bằng) và/hoặc vị thế chính trị.
Song ngữ	<i>Cá nhân:</i> Khả năng nói/hiểu (đôi khi cả đọc/viết) bằng hai ngôn ngữ. <i>Xã hội:</i> Sự tồn tại của ít nhất hai ngôn ngữ.
Sự bền vững	Việc xây dựng một chương trình và sẽ tiếp tục duy trì thực hiện chương trình đó trong thời gian dài.
Tiếng nước ngoài	Ngôn ngữ từ nước ngoài mang đến, không phải của người trong nước.
Tiếng/giọng phương ngữ	Cách sử dụng của một ngôn ngữ theo vùng hoặc nhóm xã hội.
Tình trạng bị tách biệt	Bị tách biệt với ngôn ngữ và văn hóa của mình. ► <i>Những người nói tiếng thiểu số trong nền giáo dục bằng ngôn ngữ chiếm ưu thế về sau có thể chối bỏ ngôn ngữ và văn hóa của chính mình.</i>
Tổ chức phi Chính phủ (NGO)	Cơ quan, tổ chức không thuộc hệ thống Nhà nước/chính phủ của quốc gia nào, thường hoạt động vì sự phát triển cộng đồng.
Trình độ	Kiến thức, khả năng hoặc kĩ năng ngôn ngữ hoặc các môn học khác trong chương trình giảng dạy.



United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization

UNESCO Ha Noi Office
23 Cao Ba Quat, Ha Noi
Tel : 04 - 747 0275/6
Fax : 04 - 747 0274
Email : registry@unesco.org.vn
www.unesco.org/hanoi



United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization

Bộ tài liệu

Truyền thông về Giáo dục đa ngữ:

Vì lợi ích của những đối tượng thiệt thòi

Ngôn ngữ trong chính sách và thực tế giáo dục ở Châu Á và Thái Bình Dương





United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization

Bộ tài liệu
Truyền thông về Giáo dục đa ngữ:
Vì lợi ích của những đối tượng thiệt thòi

Ngôn ngữ trong chính sách
và thực tế giáo dục ở
Châu Á và Thái Bình Dương

Bộ tài liệu truyền thông về giáo dục đa ngữ: Vi lợi ích của những đối tượng thiệt thòi

Dịch và hiệu chỉnh: Văn phòng UNESCO Hà Nội, 2008

Gồm 4 quyển tài liệu

[Nội dung: Ngôn ngữ trong chính sách và thực tế giáo dục ở khu vực châu Á và Thái Bình Dương; Tài liệu dành cho những nhà hoạch định chính sách; Tài liệu dành cho những người thực hiện chương trình; Tài liệu dành cho cộng đồng]

[“ Bộ tài liệu này là bản dịch và hiệu chỉnh từ Bộ tài liệu truyền thông về giáo dục đa ngữ [ISBN 92-9223-110-3] bản quyền của UNESCO Băng Cốc “.]

Ảnh bìa: CARE Cam-pu chia

© UNESCO 2007

Xuất bản bởi

Văn phòng Giáo dục UNESCO Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương

920 Đường Sukhumvit, Prakanong

Băng Cốc 10110. Thái Lan

Bản tiếng Anh in tại Thái Lan

„Nội dung trình bày trong tài liệu này không mang quan điểm và chính kiến của UNESCO về các vấn đề liên quan đến vị trí pháp lý của bất cứ quốc gia, vùng lãnh thổ, thành phố hoặc khu vực nào hay phạm vi quản lý hoặc biên giới hay ranh giới nào.

LỜI GIỚI THIỆU

Việt Nam là một quốc gia đa ngôn ngữ và tiếng Việt được chọn làm ngôn ngữ quốc gia, đồng thời là ngôn ngữ giảng dạy trong nhà trường.

Người dân thuộc các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số, đặc biệt là trẻ em gái và phụ nữ, gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận với các chương trình giáo dục quốc gia, bởi tiếng Việt không phải là ngôn ngữ mẹ đẻ, ngôn ngữ mà họ sử dụng không thành thạo hoặc chưa có hoàn cảnh sử dụng. Các kiến thức và kỹ năng muốn đem đến cho họ, giúp họ có thêm cơ hội và điều kiện tiếp cận với giáo dục lại gặp phải rào cản ngôn ngữ. Có thể nói, đây là đặc điểm có tính phổ biến của các quốc gia đa ngôn ngữ.

Với mục đích hỗ trợ các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương trong việc giải quyết những khó khăn nêu trên, UNESCO Băng Cốc đã xuất bản **"Bộ tài liệu truyền thông về Giáo dục đa ngữ"**. Bộ tài liệu này đã được biên soạn dựa trên những thông tin của nhiều quốc gia trong khu vực, nó tuyên truyền về cách tiếp cận và những lợi ích của việc thực hiện các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ. Nhận thấy bộ tài liệu này có ích đối với Việt Nam, Văn phòng UNESCO Hà Nội đã phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên dịch và hiệu chỉnh Bộ tài liệu theo bối cảnh Việt Nam. Các chuyên gia giáo dục dân tộc và chuyên gia ngôn ngữ đã có nhiều đóng góp để hoàn thành Bộ tài liệu truyền thông bằng tiếng Việt.

Bộ tài liệu có trên tay bạn là tập hợp những thông tin quý dành cho những ai muốn thực hiện tốt "Chương trình Giáo dục cho Mọi người" và đặc biệt có ý nghĩa đối với các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý giáo dục và những người đang tìm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng cộng đồng ngôn ngữ thiểu số. Bộ tài liệu cũng sẽ là một tài sản có giá trị với những người dân đang mong muốn cải thiện tình hình giáo dục trong cộng đồng của mình.

Văn phòng UNESCO Hà Nội cùng Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc, Bộ Giáo dục và Đào tạo xin trân trọng giới thiệu **"Bộ tài liệu truyền thông về Giáo dục đa ngữ"** bằng tiếng Việt với bạn đọc.

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2008

Trưởng đại diện

Văn phòng UNESCO Hà Nội



Vibeke Jensen

Giám đốc

Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc



TS. Bùi Thị Ngọc Diệp

Văn phòng UNESCO Hà Nội và Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc xin trân trọng cảm ơn sự tham gia của các chuyên gia và những cá nhân có tên dưới đây đã đóng góp vào quá trình biên dịch và hiệu chỉnh Bộ tài liệu. Sự đóng góp quý báu của các Quý vị đã giúp chúng tôi hoàn thành được Bộ tài liệu bằng tiếng Việt này.

1. Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc - Bộ Giáo dục và Đào tạo

- | | |
|-------------------------|---|
| - Bà Bùi Thị Ngọc Diệp | - Giám đốc |
| - Ông Vi Văn Điểu | - Phó Giám đốc |
| - Ông Đào Nam Sơn | - Trưởng phòng Nghiên cứu nội dung và phương pháp giáo dục vùng dân tộc |
| - Ông Lê Nguyên Quang | - Trưởng phòng Nghiên cứu loại hình trường lớp vùng dân tộc |
| - Bà Trần Thị Thành | - Trưởng phòng Nghiên cứu loại hình trường lớp vùng dân tộc |
| - Ông Nguyễn Như Sang | - Nghiên cứu viên |
| - Bà Ngô Thị Thanh Thuý | - Nghiên cứu viên |
| - Bà Cao Việt Hà | - Nghiên cứu viên |

2. Vụ Giáo dục thường xuyên - Bộ Giáo dục và Đào tạo

- | | |
|------------------------|---------------|
| - Ông Nguyễn Văn Nghĩa | - Chuyên viên |
|------------------------|---------------|

3. Vụ Giáo dục dân tộc - Bộ Giáo dục và Đào tạo

- | | |
|-----------------------------|---------------|
| - Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | - Chuyên viên |
| - Bà Tôn Thị Tâm | - Chuyên viên |

4. Viện Ngôn ngữ học

- | | |
|-------------------------|--|
| - Bà Vũ Thị Thanh Hương | - Trưởng phòng Ngôn ngữ ứng dụng |
| - Ông Nguyễn Hữu Hoàn | - Trưởng phòng Quản lý nghiên cứu khoa học |
| - Ông Tạ Văn Thông | - Trưởng phòng Ngôn ngữ dân tộc thiểu số |

5. Văn phòng UNESCO Hà Nội

- | | |
|------------------------|---------------------------------------|
| - Ông Nguyễn Đăng Tuấn | - Trợ lý Cán bộ Chương trình Giáo dục |
| - Bà Lê Thị Mỹ Dung | - Trợ lý Chương trình Giáo dục |

Chúng tôi cũng xin được cảm ơn Tổ chức Trẻ em và Phát triển (E&D) và Tổ chức Cứu trợ trẻ em Anh (SCUK) tại Việt Nam đã chia sẻ những bức ảnh tư liệu để làm minh họa cho Bộ tài liệu này.

MỤC LỤC

1	Lời nói đầu	6
2	Lời cảm ơn	7
3	Tổng quan về Bộ tài liệu	8
4	Ngôn ngữ trong chính sách và thực tế giáo dục ở Đông Nam Á	10
5	Ngôn ngữ trong chính sách và thực tế giáo dục ở Đông Á	12
6	Ngôn ngữ trong chính sách và thực tế giáo dục ở Nam Á và Tây Á	13
7	Ngôn ngữ trong chính sách và thực tế giáo dục ở Trung Á	15
8	Ngôn ngữ trong chính sách và thực tế giáo dục ở Thái Bình Dương	16
9	Bảng chú giải thuật ngữ	17

Lời nói đầu

Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực phong phú và đa dạng về sắc tộc, văn hóa và ngôn ngữ. Tuy nhiên, chính sự đa dạng này khiến cho việc giáo dục trẻ em trở thành một thách thức lớn. Tại Diễn đàn Giáo dục Thế giới tổ chức tại Đa-Ka (Dakar) năm 2000, một trong những mục tiêu chính đã được thông qua là "đảm bảo đến năm 2015, tất cả trẻ em, đặc biệt là trẻ em gái và trẻ em các dân tộc thiểu số, đều được tiếp cận và hoàn thành giáo dục tiểu học bắt buộc, miễn phí và có chất lượng". Một mục tiêu khác nữa là "nâng cao khả năng biết đọc biết viết, đặc biệt ở phụ nữ". Để đạt được những mục tiêu này và tạo cơ hội giáo dục công bằng hơn cần thực hiện các biện pháp hỗ trợ trực tiếp cho người học thuộc các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số. Vì hiệu quả của việc dạy học phụ thuộc vào sự rõ ràng và dễ hiểu trong giao tiếp nên ngôn ngữ giảng dạy có vị trí trung tâm trong bất cứ quá trình học tập nào. Vì vậy, dạy học dựa trên tiếng mẹ đẻ đặc biệt quan trọng nhằm giúp trẻ em sớm tiếp cận với giáo dục và tham gia vào quá trình học tập theo đúng khả năng của mình.

Tuy nhiên, thực tế ở nhiều quốc gia trong khu vực cho thấy sự đa dạng, phong phú về ngôn ngữ của một nước lại ít khi được thể hiện đầy đủ trong hệ thống giáo dục của quốc gia. Nhiều người phải học bằng tiếng nước ngoài hoặc không phải tiếng mẹ đẻ. Tình hình này càng trở nên khó khăn hơn đối với một số nhóm người đang phải chịu rủi ro hoặc sức ép giáo dục, chẳng hạn những người mù chữ, người dân tộc thiểu số và người tị nạn. Một sự thật hiển nhiên nhưng chưa được nhiều người công nhận là việc học tập bằng ngôn ngữ không phải tiếng mẹ đẻ của người học sẽ khiến cho những khó khăn đối với việc học bị nhân đôi: họ không chỉ đơn thuần là học một ngôn ngữ mới, mà họ còn phải học những kiến thức mới bằng ngôn ngữ đó.

Ở một số quốc gia Châu Á, thông qua giáo dục không chính quy, các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ đang giúp người học thuộc các cộng đồng ngôn ngữ thiểu số biết đọc, biết viết bằng cả tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ quốc gia. Tuy nhiên, vai trò của giáo dục song ngữ/đa ngữ trong việc làm tăng tỷ lệ nhập học, duy trì sĩ số và đạt kết quả tốt trong hệ thống giáo dục chính quy vẫn chưa có được sự công nhận và hiểu biết đầy đủ. Bộ tài liệu này tuyên truyền cho việc xây dựng các chương trình giáo dục nhằm đáp ứng tốt hơn sự đa dạng về văn hóa. Bộ tài liệu đưa ra những phân tích thấu đáo về giá trị của giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ, một hình thức giáo dục tôn trọng quyền trẻ em và quyền của người học, cũng như khuyến khích người đọc suy nghĩ về tầm quan trọng của ngôn ngữ và tìm hiểu sâu hơn về nó. Bộ tài liệu được xây dựng dựa trên những kết quả nghiên cứu và kinh nghiệm thu được qua nhiều năm của nhiều tổ chức và cá nhân làm việc trong lĩnh vực giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ.

Tôi hy vọng các bạn sẽ thấy Bộ tài liệu này hữu ích cho việc tuyên truyền và ủng hộ việc giảng dạy bằng tiếng mẹ đẻ như một phương tiện cải thiện chất lượng giáo dục và bảo tồn những ngôn ngữ có nguy cơ biến mất trên thế giới.

Sheldon Shaeffer

Giám đốc Văn phòng Giáo dục UNESCO
Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương

Lời cảm ơn

Bộ tài liệu này đã được biên soạn với sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu, nhiều chuyên gia giáo dục và các cá nhân trong và ngoài khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. UNESCO Băng Cốc xin trân trọng được ghi nhận và cảm ơn sự đóng góp của những người đã xây dựng Bộ tài liệu này.

Chúng tôi chân thành cảm ơn các thành viên Ban cố vấn Giáo dục Đa ngữ của UNESCO Băng Cốc vì sự hỗ trợ tích cực trong quá trình xây dựng Bộ tài liệu này.

Chúng tôi ghi nhận những nguồn tài liệu được sử dụng trong Bộ tài liệu và khuyến khích mọi người sử dụng các nguồn tài liệu đó.

Chúng tôi cũng xin được cảm ơn những đại biểu tham dự Hội thảo về Các chương trình xóa mù chữ bằng tiếng mẹ đẻ/song ngữ cho các dân tộc thiểu số được tổ chức vào tháng 12 năm 2005 tại Chiềng Mai, Thái Lan vì những đóng góp quý báu để hoàn thiện Bộ tài liệu này.

Chúng tôi bày tỏ sự cảm ơn đối với những cá nhân đã cung cấp ảnh tư liệu cũng như thành viên của các cộng đồng các dân tộc thiểu số đã đồng ý chia sẻ những bức ảnh của mình với chúng tôi.

Bên cạnh nguồn kinh phí của UNESCO, Quỹ Ủy thác Nhật Bản đã hỗ trợ quá trình biên soạn và phân phối Bộ tài liệu. Chúng tôi đánh giá cao sự hỗ trợ này cũng như những lợi ích mà Bộ tài liệu sẽ mang lại cho người học ở trong và ngoài khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Cuối cùng, chúng tôi xin ghi nhận những đóng góp to lớn của Tiến sĩ Susan Malone, Viện Ngôn ngữ Mùa hè Quốc tế - tác giả chính của Bộ tài liệu; Ông Ochirkhuyag Gankhuyag, Trợ lý chương trình của UNESCO Băng Cốc, đã điều phối dự án và giải quyết những khó khăn để hoàn thành Bộ tài liệu.

Dưới đây là danh sách những cá nhân đã đóng góp thời gian và sự hiểu biết quý báu cho việc hoàn thành Bộ tài liệu. Nếu do sơ suất không nêu tên những người tham gia khác, chúng tôi xin được thứ lỗi và ghi nhận sự hỗ trợ quý báu của các bạn.

Donald Archibald	Maki Hayashikawa	Jan Noorlander
George Attig	Vibeke Jensen	Tariq Rahman
Joel Bacha	Komiljon Karimov	Darunee Riewpituk
Carol Benson	Linda King	Karsten van Riezen
Jean Bernad	Kimmo Kosonen	R. Sachdeva
Terry Durnian	Pamela MacKenzie	Sheldon Shaeffer
Orchirkhuyag Gankhuyag	Dennis Malone	Clive Wing
Kibria Golam	Susan Malone	Catherin Young
Abdul Hakeem	Inna Melnikova	

Tổng quan về Bộ tài liệu

Giáo dục cho Mọi người là mang lại giáo dục có chất lượng cho tất cả mọi người. Kể từ khi bắt đầu thực hiện chương trình Giáo dục cho Mọi người, nhiều quốc gia đã rất nỗ lực để đáp ứng nhu cầu giáo dục cho trẻ em và người lớn. Mặc dù đã có rất nhiều hoạt động được triển khai, nhưng một vài nhóm người vẫn chưa nhận được sự quan tâm - đó là trẻ em gái, phụ nữ, người nghèo, người khuyết tật, người bị nhiễm HIV/AIDS và những người mà ngôn ngữ mẹ đẻ không phải là ngôn ngữ quốc gia.

Chương trình Giáo dục cho Mọi người có thể đạt được chất lượng khi mà giáo dục chỉ sử dụng một ngôn ngữ mà một số người học lại không nói và cũng không hiểu ngôn ngữ đó? Đây là tình trạng mà rất nhiều trẻ em các nhóm dân tộc thiểu số phải đối mặt khi các em bước vào hệ thống trường học chính quy - ngôn ngữ chính thức của nhà trường khác với ngôn ngữ các em sử dụng trong gia đình. Việc cho trẻ em học bằng ngôn ngữ mà các em không hiểu đã tạo ra những cản trở trong giáo dục, điều mà không nên để xảy ra.

Ở một số quốc gia trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ được xây dựng trong hệ thống giáo dục không chính quy đã giúp cho người học của các nhóm dân tộc/ngôn ngữ thiểu số trở nên biết đọc, biết viết bằng chính ngôn ngữ của mình và ngôn ngữ quốc gia. Tuy nhiên, vai trò của giáo dục song ngữ/đa ngữ trong việc giúp tăng tỷ lệ nhập học, duy trì sĩ số và hoàn thành bậc học trong hệ thống trường học chính quy chưa được quan tâm đúng mức. Mặt khác, cũng phải thừa nhận rằng, các nhà hoạch định chính sách và các nhà quản lý giáo dục phải đối mặt với những quyết định khó khăn liên quan tới ngôn ngữ giảng dạy khi mà các yếu tố về chuyên môn và chính trị còn chưa có sự thống nhất. Vì vậy, việc nhìn nhận được bức tranh toàn cảnh thực tế về thực hiện giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ của người học là một trong những bước quan trọng để đạt được mục tiêu giáo dục có chất lượng cho mọi người.

Ai có thể sử dụng Bộ tài liệu này?

Bộ tài liệu này được biên soạn cho tất cả những người muốn đảm bảo cho chương trình "Giáo dục cho Mọi người" được thực hiện một cách thực sự cho tất cả mọi người, không loại trừ bất cứ ai. Bộ tài liệu sẽ có giá trị đặc biệt đối với các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý giáo dục và các chuyên gia, những người muốn cải thiện việc tiếp cận giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục cho những người bị đẩy ra ngoài trường học vì lý do ngôn ngữ. Bộ tài liệu cũng sẽ có ích với những người nói tiếng dân tộc thiểu số muốn cải thiện tình hình giáo dục trong cộng đồng của mình.

Bộ tài liệu được thiết kế nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục đa ngữ (GĐN) dựa trên tiếng mẹ đẻ. Bộ tài liệu trình bày những quan điểm chủ đạo và thực tế về giáo dục đa ngữ, chỉ ra những hiểu biết thiếu sót về giá trị và lợi ích của giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ của người học. Bộ tài liệu còn đưa ra các ý tưởng, các kết quả nghiên cứu và các ví dụ cụ thể để người đọc có thể suy xét về các tình huống mình đang gặp phải và gợi ý các bước tiến hành nhằm đảm bảo hệ thống trường học của quốc gia mình phù hợp hơn với sự đa dạng của ngôn ngữ.

Bộ tài liệu không phải là một cuốn sách giáo khoa và sẽ không trả lời cho tất cả những vấn đề mà người đọc quan tâm. Để hỗ trợ tối đa, cuối mỗi cuốn tài liệu, chúng tôi liệt kê danh sách các tài liệu tham khảo. Thêm vào đó, mỗi cuốn tài liệu có bảng chú giải thuật ngữ và một trang tóm tắt nội dung tài liệu ở phần đầu.

Bạn có thể sử dụng Bộ tài liệu này như thế nào?

Bộ tài liệu gồm ba cuốn sách mỏng chính. Mỗi cuốn sách mỏng dành riêng cho mỗi đối tượng đọc giả: 1) Các nhà hoạch định chính sách, 2) Các nhà lập kế hoạch và thực hiện chương trình giáo dục và 3) Các thành viên trong cộng đồng. Xin lưu ý rằng phát triển giáo dục song ngữ/đa ngữ cần sự đóng góp của tất cả mọi người ở tất cả các cấp. Vì lý do đó, chúng tôi khuyến khích người đọc sử dụng cả ba cuốn sách mỏng cùng các nguồn tài liệu sẵn có khác trong quá trình hợp tác để xây dựng kế hoạch, triển khai và duy trì các chương trình giáo dục song ngữ/đa ngữ của mình.

Bộ tài liệu có thể được sử dụng theo nhiều cách khác nhau. Những người đang thực hiện các chương trình giáo dục đa ngữ có thể sử dụng những ý tưởng trong Bộ tài liệu này để thúc đẩy việc giảng dạy bằng ngôn ngữ mẹ đẻ và củng cố cho chương trình của mình. Còn với những người chưa quen thuộc với giáo dục đa ngữ nhưng muốn nâng cao cơ hội tiếp cận giáo dục cho những học sinh nói ngôn ngữ thiểu số thì có thể sử dụng tài liệu này để xác định những vấn đề cụ thể mà họ có thể nghiên cứu và thảo luận phù hợp với hoàn cảnh của mình.

Bảng chú giải thuật ngữ

Mỗi quyển tài liệu có bảng chú giải thuật ngữ dùng trong toàn bộ Bộ tài liệu. Người đọc có thể tham khảo Bảng chú giải này khi cần thiết.

Ngôn ngữ trong Chính sách và Thực tế Giáo dục ở Châu Á và Thái Bình Dương

1. Ngôn ngữ trong chính sách và thực tế giáo dục ở Đông Nam Á

Vương quốc Bru-nây

Ước tính có khoảng 17 ngôn ngữ được sử dụng ở Bru-nây. Tiếng Mã Lai chuẩn là ngôn ngữ chính thức, nhưng ngôn ngữ thông dụng nhất ở quốc gia này là tiếng Mã Lai Bru-nây. Ngôn ngữ giảng dạy là tiếng Mã Lai chuẩn và tiếng Anh. Các ngôn ngữ địa phương khác không được sử dụng.

Cam-pu-chia

Có khoảng 20 ngôn ngữ được sử dụng ở Cam-pu-chia. Nhóm dân tộc đông nhất là người Khơ-me, chiếm khoảng 90% dân số Cam-pu-chia. Ở đây, ngôn ngữ giảng dạy ở tất cả các cấp học là ngôn ngữ quốc gia - tiếng Khmer. Gần đây, một số ngôn ngữ dân tộc thiểu số đã được đưa vào làm ngôn ngữ giảng dạy trong các dự án thử nghiệm ở các vùng cao nguyên miền Đông. Các dự án này lồng ghép giáo dục song ngữ vào trong cả hai hệ thống giáo dục chính quy và giáo dục không chính quy, cho cả người lớn và trẻ em. Dự thảo Luật Giáo dục 2003 đã cho phép các dân tộc thiểu số được sử dụng tiếng mẹ đẻ trong dạy học. Tuy nhiên, Luật này vẫn chưa được thông qua.

In-đô-nê-xi-a

Với hơn 700 ngôn ngữ, In-đô-nê-xi-a là quốc gia phong phú nhất về ngôn ngữ ở Châu Á. Ngôn ngữ chính thức, tiếng In-đô-nê-xi-a, là ngôn ngữ giảng dạy tại tất cả các cấp học. Tuy nhiên, chỉ có khoảng 10% dân số nước này có tiếng mẹ đẻ là tiếng In-đô-nê-xi-a. Hiến pháp và Luật Giáo dục ủng hộ việc sử dụng tiếng mẹ đẻ của học sinh làm ngôn ngữ giảng dạy ở các lớp đầu cấp. Tuy nhiên, trong thực tế, tiếng địa phương hiếm khi được dùng trong các trường học chính quy của chính phủ, trừ việc dạy các thứ tiếng này như một môn học ở một số vùng. Tiếng địa phương được sử dụng rộng rãi hơn trong giáo dục không chính quy, đặc biệt trong hoạt động xóa mù chữ đối với người lớn.

Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

Ước tính có khoảng 82 ngôn ngữ được sử dụng ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Ngôn ngữ giảng dạy ở các cấp học là tiếng Lào, đồng thời cũng là ngôn ngữ chính thức và được một nửa dân số đất nước sử dụng như tiếng mẹ đẻ. Hiện nay, các ngôn ngữ địa phương không được sử dụng trong giáo dục, tuy vậy vẫn được sử dụng rộng rãi ở dạng khẩu ngữ tại các trường học ở các vùng dân tộc thiểu số.

Ma-lay-xi-a

Có khoảng 140 ngôn ngữ được sử dụng ở Ma-lay-xi-a. Tiếng Mã Lai là ngôn ngữ chính thức của Ma-lay-xi-a. Hầu hết các trường học của nước này sử dụng tiếng Mã Lai làm ngôn ngữ giảng dạy. Tại các trường tiểu học "kiểu quốc gia", ngôn ngữ giảng dạy là tiếng Hán Quan thoại, tiếng Tamin hoặc các ngôn ngữ Ấn khác. Tại các trường học có sử dụng tiếng Mã Lai làm ngôn ngữ giảng dạy, thì tiếng Tamin, tiếng Hán Quan thoại và một số ngôn ngữ bản địa khác có thể được học như một môn học. Từ cuối những năm 1990, một vài nhóm dân tộc của miền Đông Ma-lay-xi-a đã bắt đầu triển khai các chương trình giáo dục với ngôn ngữ địa phương, chủ yếu dạy các ngôn ngữ này như một môn học. Tuy nhiên, những nỗ lực này vẫn chưa được coi là giáo dục song ngữ do những ngôn ngữ này không được chính thức sử dụng làm ngôn ngữ giảng dạy.

Mi-an-ma

Ở Liên bang Mi-an-ma có hơn 100 ngôn ngữ được sử dụng. Ngôn ngữ giảng dạy trong hệ thống giáo dục của chính phủ là tiếng Bama, đồng thời cũng là ngôn ngữ chính thức, còn ngôn ngữ địa phương không được sử dụng trong hệ thống giáo dục của chính phủ. Tuy nhiên, ngôn ngữ địa phương được các tổ chức xã hội dân sự và các cộng đồng ngôn ngữ sử dụng rộng rãi trong giáo dục không chính quy và trong xóa mù chữ cho người lớn, đặc biệt ở các bang phía Bắc, nơi có dân cư chủ yếu là các dân tộc thiểu số.

Phi-lip-pin

Có khoảng 170 ngôn ngữ được sử dụng ở Phi-lip-pin. Hầu hết các ngôn ngữ này đều có hệ thống chữ viết và có một số tác phẩm văn học được sáng tác bằng hơn 100 thứ tiếng. Tiếng Anh và tiếng Phi-lip-pin là hai ngôn ngữ chính thống trong giáo dục và xóa mù chữ quốc gia. Ngôn ngữ địa phương đã và đang được sử dụng trong một số trường học của Chính phủ, dưới hình thức "ngôn ngữ chuyển tiếp" hoặc "ngôn ngữ hỗ trợ" cho việc giảng dạy ban đầu ở các lớp đầu của cấp tiểu học. Tuy vậy, ngôn ngữ địa phương chủ yếu được sử dụng dưới dạng khẩu ngữ để giải thích trong chương trình học. Ngôn ngữ địa phương được sử dụng rộng rãi hơn trong giáo dục không chính quy, với trọng tâm là xóa mù chữ cho người lớn. Các dự án giáo dục này thường do các tổ chức phi Chính phủ và các tổ chức cộng đồng thực hiện.

Sing-ga-po

Sin-ga-po, quốc gia hướng tới đa ngữ và song ngữ cho người dân, có hơn 20 ngôn ngữ được sử dụng. Ba phần tư dân số quốc đảo này là người gốc Trung Quốc, nói nhiều phương ngữ Trung Quốc khác nhau. Tiếng Anh là ngôn ngữ giảng dạy duy nhất trong giáo dục các cấp. Ngoài ra, ba ngôn ngữ chính thức khác là tiếng Mã Lai, tiếng Hán Quan thoại và tiếng Tamin được dạy trong nhà trường như ngôn ngữ thứ hai và được gọi là tiếng mẹ đẻ. Những người nói ngôn ngữ khác có thể tự do lựa chọn các thứ tiếng này trong chương trình học tập. Nhưng khác với hầu hết các quốc gia Đông Nam Á, Sing-ga-po không có các chương trình giáo dục bằng tiếng địa phương.

Thái Lan

Có hơn 70 ngôn ngữ được sử dụng ở Thái Lan. Trên thực tế, tiếng Thái chuẩn là ngôn ngữ chính thức và ngôn ngữ quốc gia của Thái Lan, cũng là ngôn ngữ giảng dạy tại tất cả các cấp giáo dục. Ở một số vùng, các lớp học tiếng địa phương được dạy theo thời khóa biểu của "chương trình giảng dạy địa phương". Một số ngôn ngữ địa phương được sử dụng trong giáo dục không chính quy, chủ yếu trong hoạt động xóa mù chữ cho người lớn, đa số do các tổ chức phi chính phủ địa phương tổ chức. Các cơ quan chính phủ cũng hỗ trợ một số dự án thử nghiệm sử dụng tiếng địa phương trong giáo dục. Tuy vậy, không dự án nào trong số này được xem là giáo dục song ngữ thực sự. Từ năm 2004, tranh luận về việc sử dụng tiếng địa phương trong giáo dục đã diễn ra nhiều hơn trong Bộ Giáo dục cũng như trên các phương tiện truyền thông.

Việt Nam

Có khoảng 100 ngôn ngữ được sử dụng ở Việt Nam. Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức của Việt Nam và cũng là ngôn ngữ mẹ đẻ (hoặc là một trong số những ngôn ngữ mẹ đẻ của những người sử dụng được hai ngôn ngữ) của khoảng 90% dân số. Việt Nam có rất nhiều chính sách ủng hộ giáo dục song ngữ và sử dụng ngôn ngữ địa phương trong giáo dục. Tuy nhiên, tiếng Việt vẫn là ngôn ngữ giảng dạy của tất cả các cấp học, thậm chí ở những vùng mà phần lớn người dân không nói tiếng Việt. Ở một số vùng, ngôn ngữ địa phương cũng được sử dụng trong giáo dục, chủ yếu được dạy như một môn học với thời lượng chiếm khoảng 20% chương trình giáo dục tiểu học. Từ năm 2006, một số chương trình thử nghiệm đối với một số ngôn ngữ dân tộc thiểu số đã được bắt đầu.

2. Ngôn ngữ trong chính sách và thực tế giáo dục ở Đông Á

Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa

Có hơn 200 ngôn ngữ được sử dụng ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc). Tiếng Hán Quan thoại là ngôn ngữ chính thống. Trung Quốc có một số luật và chính sách ủng hộ việc sử dụng ngôn ngữ dân tộc thiểu số làm ngôn ngữ giảng dạy ở các vùng dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, những chính sách này không được thực hiện ở mọi nơi, mà chỉ được áp dụng ở 55 dân tộc thiểu số quốc gia được chỉ định. Việc sử dụng ngôn ngữ địa phương trong giáo dục rất khác nhau, tùy thuộc vào khu vực địa lý và nhóm dân tộc. Khoảng một nửa ngôn ngữ địa phương được sử dụng làm ngôn ngữ giảng dạy từ cấp tiểu học lên cấp phổ thông trung học. Trong những trường hợp này, tiếng Hán Quan thoại được dạy như ngôn ngữ thứ hai. Tuy vậy, các chương trình song ngữ phổ biến nhất sử dụng tiếng địa phương ở Trung Quốc là những chương trình bắt đầu với tiếng mẹ đẻ của học sinh nhưng nhanh chóng chuyển sang tiếng Hán Quan thoại. Tại nhiều vùng dân tộc thiểu số, tiếng địa phương được dạy như một môn học ở các cấp học.

Mông Cổ

Ước tính có khoảng 12 ngôn ngữ được sử dụng ở Mông Cổ. Khoảng 90 dân số nước này là người Mông Cổ nói nhiều các phương ngữ khác nhau của ngôn ngữ chính thức, hoặc tiếng Hãn Mông Cổ hoặc tiếng Mông Cổ Khalka. Tiếng Mông Cổ được sử dụng làm ngôn ngữ

giảng dạy tại tất cả các cấp giáo dục, mặc dù tiếng Anh đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong giáo dục đại học. Trên thực tế, tiếng Hãn Mông Cổ được sử dụng như ngôn ngữ thứ hai của tất cả các dân tộc thiểu số. Hiến pháp năm 1992 cho phép sử dụng ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số làm ngôn ngữ giảng dạy. Tuy nhiên, chỉ có tiếng Kazakh đang được sử dụng trong giáo dục song ngữ.

Nhật Bản

Có hai ngôn ngữ bản địa được sử dụng ở Nhật Bản là tiếng Nhật và tiếng Ainu, cùng với 11 phương ngữ khác của tiếng Nhật (Ryukyuan), các phương ngữ đã được coi là những ngôn ngữ gần gũi với nhau về họ hàng. Tiếng Nhật là ngôn ngữ quốc gia chính thức của Nhật Bản, được khoảng 99% dân số sử dụng. Trong các thập kỉ gần đây, xu hướng nhập cư đã dẫn đến sự gia tăng số lượng ngôn ngữ của những người nước ngoài định cư chính thức tại Nhật, (chiếm 1,4% dân số Nhật Bản). Ngôn ngữ giảng dạy chính thức ở quốc gia này là tiếng Nhật. Tuy vậy, mới đây, Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Kỹ thuật Nhật Bản đã ban hành những chính sách hướng tới trẻ em nhập cư vào Nhật Bản và những người không mang quốc tịch Nhật Bản nhằm: cải thiện việc dạy học bằng tiếng Nhật với tư cách là ngôn ngữ thứ hai ở các trường học. Ở những địa bàn có điều kiện, dạy học bằng tiếng mẹ đẻ của học sinh thông qua phương pháp dạy nhóm và các phương pháp khác; và sử dụng kinh nghiệm của những trẻ em không mang quốc tịch Nhật Bản hoặc những trẻ em Nhật Bản từ nước ngoài trở về để tăng cường sự hiểu biết quốc tế và giao lưu văn hoá giữa học sinh Nhật Bản và học sinh không mang quốc tịch Nhật Bản.

3. Ngôn ngữ trong chính sách và thực tế giáo dục ở Nam Á và Tây Á

Ap-ga-nis-tan

Có khoảng 30 ngôn ngữ được sử dụng ở Ap-ga-nis-tan và 8 ngôn ngữ trong số đó được sử dụng rộng rãi, bao gồm: tiếng Pashto, tiếng Dari, tiếng Uzbek, tiếng Tuốc-men, tiếng Pashae, tiếng Nooristani, tiếng Balochi, và tiếng Shighnani. Tiếng Pashto và tiếng Dari là ngôn ngữ quốc gia và chính thức của Ap-ga-nis-tan, và là ngôn ngữ giảng dạy trong ở tất cả các cấp học. Do Hiến pháp ủng hộ việc sử dụng tiếng mẹ đẻ làm ngôn ngữ giảng dạy trong giáo dục cơ sở, Bộ Giáo dục có kế hoạch sử dụng ngôn ngữ các dân tộc thiểu số trong giáo dục chính quy và không chính quy, cũng như dạy một số ngôn ngữ dân tộc thiểu số như môn học.

Băng-la-đét

Băng-la-đét là quê hương của khoảng 40 ngôn ngữ. Tiếng Bangla là ngôn ngữ chính thức và ngôn ngữ quốc gia của Băng-la-đét, và cũng là ngôn ngữ giảng dạy ở tất cả các cấp học. 98% trong tổng số 140 triệu dân số Băng-la-đét nói tiếng Bangla. Tiếng Anh cũng được sử dụng làm ngôn ngữ giảng dạy ở bậc đại học. Tiếng Bangla là ngôn ngữ giảng dạy ở các trường học công lập, dân lập cũng như ở các lớp xóa mù chữ. Không có điều khoản nào cho phép sử dụng ngôn ngữ bộ lạc trong các trường học này. Ngôn ngữ của một số nhóm dân tộc thiểu số được dùng ở hình thức nói với tư cách là "ngôn ngữ chuyển tiếp" hay "ngôn ngữ hỗ trợ" để giải thích trong chương trình. Vì thế, nhiều nhóm dân tộc thiểu số đang đối mặt với nguy cơ mất đi di sản ngôn ngữ và văn hóa của mình, đồng thời không được tiếp cận với nền giáo dục phù hợp bằng ngôn ngữ mình nói và hiểu.

Bu-tan

Có 18 ngôn ngữ được sử dụng ở Bu-tan. Tiếng Dzongkha là ngôn ngữ quốc gia của Bu-tan và được coi là một trong những biểu tượng bản sắc độc đáo của vương quốc này. Ngôn ngữ giảng dạy trong hệ thống giáo dục của chính phủ chủ yếu là tiếng Anh, nhưng tiếng Dzongkha vẫn được sử dụng trong một số giờ học. Giáo dục không chính quy được triển khai trên toàn quốc bằng tiếng Dzongkha. Chính phủ Bu-tan đã phiên âm một số ngôn ngữ dân tộc thiểu số, nhưng phần lớn các nỗ lực đều hướng về tiếng Dzongkha.

Ấn Độ

Ở Ấn Độ luôn có sự tranh cãi về số lượng ngôn ngữ và phương ngữ. Điều tra dân số năm 1961 liệt kê được 1.652 ngôn ngữ, trong khi điều tra dân số năm 1991 chỉ liệt kê được 114 ngôn ngữ. Các nhà dân tộc học liệt kê được khoảng 430 ngôn ngữ. Hiện tại, 22 ngôn ngữ được liệt kê trong Mục lục thứ 8 của Hiến pháp, trong đó tiếng Hindi được coi là ngôn ngữ chính thức, còn tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức thứ hai.

Một số điều khoản trong Hiến pháp Ấn Độ đề cập tới vấn đề ngôn ngữ. Đặc biệt là Điều 350-A ghi: "Mỗi bang, mỗi chính quyền địa phương trong bang phải nỗ lực trang bị đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ việc giảng dạy bằng tiếng mẹ đẻ ở cấp tiểu học cho trẻ em thuộc các nhóm ngôn ngữ thiểu số".

Năm 1957, Ban Cố vấn Giáo dục Trung ương đã đề xuất một "phương án ba ngôn ngữ" phức tạp và đã được Hội đồng Bộ trưởng ủng hộ nhiệt liệt vào năm 1961. Phương án này bao gồm việc dạy ba thứ tiếng quốc gia ở các cấp học khác nhau. Ngoại trừ ở một số ít bang như Orissa và Ma-ha-ras-tra, phương án nói trên thường bị vi phạm hơn là được tuân thủ.

Trong *Chương trình khung giáo dục quốc gia* được Hội đồng Nghiên cứu và Giáo dục, Đào tạo Quốc gia ban hành 5 năm một lần có nêu rõ rằng tiếng mẹ đẻ cần được dùng làm ngôn ngữ giảng dạy "ở mọi cấp học" (trích NCRET năm 2000, trang 76). Chương trình khung này chỉ có tính chất tư vấn, tham khảo, không phải là văn bản pháp luật.

Thông thường, giáo dục được thực hiện bằng ngôn ngữ địa phương, ngôn ngữ vùng (Mục lục 8) hoặc ngôn ngữ chính thức. Người ta cho rằng dùng tiếng Anh làm ngôn ngữ giảng dạy là có uy tín. Do đó, các cuộc thảo luận chính trị đều được chú trọng vào sự lựa chọn giữa các ngôn ngữ Ấn phổ thông và tiếng Anh hơn là việc sử dụng tiếng mẹ đẻ. Một số bang có dân số bộ lạc chiếm tỷ lệ cao đã nỗ lực sử dụng ngôn ngữ bộ lạc trong giáo dục. Hoạt động này đã khá thành công tại các bang As-sam và Na-ga-len. Các bang Ra-ja-s-than, Or-ris-sa và An-dra Pra-desh đã gặp khó khăn trong giai đoạn thực thi, nhưng gần đây những nỗ lực mới đã được thực hiện.

Nê-pan

Có khoảng 90 ngôn ngữ được sử dụng ở Nê-pan. Tiếng Nê-pan là ngôn ngữ giảng dạy trong hệ thống giáo dục của chính phủ và cũng là ngôn ngữ chính thức. Nhiều trường học tư thục giảng dạy bằng tiếng Anh. Hiến pháp Nê-pan khuyến khích việc sử dụng tiếng mẹ đẻ ở giai đoạn đầu thời kỳ giáo dục, nhưng trong thực tế khuyến nghị này ít được thực hiện ở cấp cơ sở. Nhờ nguồn tài trợ nước ngoài, trung tâm biên soạn sách giáo khoa đã phát triển được các bộ sách học văn trình độ sơ cấp bằng 9 thứ tiếng dân tộc khác nhau, nhưng rất khó xác

định được những sách học văn này được sử dụng như thế nào. Một số tổ chức phi chính phủ đã bắt đầu các lớp thử nghiệm sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giáo dục không chính quy. Ý thức về tầm quan trọng của giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ ngày càng tăng, nhưng bất ổn định chính trị hiện nay khiến cho việc thay đổi tình hình giáo dục tại đây rất khó khăn.

Pa-kit-stan

Pa-kit-stan là quốc gia đa ngữ với 6 ngôn ngữ chính và hơn 57 thứ tiếng dân tộc thiểu số. Những tiếng mẹ đẻ chính là: tiếng Punjabi (44%), tiếng Pashto (15%), tiếng Sindhi (14%), tiếng Siraiki (11%), tiếng Urdu (8%), tiếng Balochi (4%) và các tiếng dân tộc thiểu số khác (5%). Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Urdu, còn ngôn ngữ chính thức là tiếng Anh. Tiếng Urdu được sử dụng rộng rãi như ngôn ngữ thứ hai ở các vùng đô thị Pakistan bởi nó là ngôn ngữ giảng dạy tại hầu hết các trường học của chính phủ và tại các trường dòng tôn giáo. Tiếng Urdu cũng được sử dụng làm ngôn ngữ giảng dạy, trừ các môn khoa học và kỹ thuật trong các trường cao đẳng và đại học. Tiếng Urdu là ngôn ngữ giao tiếp trong các lĩnh vực thương mại và giải trí vì ngôn ngữ này hữu dụng cho tìm kiếm việc làm hơn bất cứ thứ tiếng nào khác của Pa-kit-stan. Ngôn ngữ khác duy nhất có ích cho tìm kiếm việc làm là tiếng Sindhi, mặc dù chỉ phổ biến trong tầng lớp hạ lưu và chỉ ở các vùng Sindh. Tiếng Sindhi cũng được sử dụng trong giáo dục, trong tầng lớp trung lưu và một số lĩnh vực chính thức khác. Tiếng Pashto được dùng làm ngôn ngữ giảng dạy ở một số trường học cho tới lớp 5, nhưng không được sử dụng trong hầu hết các lĩnh vực khác. Chỉ có khoảng 2% người Pa-kit-stan nói tiếng Anh thành thạo. Mặc dù có thêm khoảng 15% - 18% khác có thể có chút kiến thức tiếng Anh, nhưng tiếng Anh vẫn là ngôn ngữ của giới quyền lực, như: chính phủ, các cơ quan cấp cao, quân đội, giáo dục đại học và cao đẳng, nghiên cứu, thương mại v.v... Tiếng Anh cũng là ngôn ngữ hữu ích nhất cho người sắp di cư và những người có triển vọng vươn lên đẳng cấp khác. Theo đó, nhu cầu theo học các khóa học tiếng Anh rất lớn và những khóa học này luôn sẵn có cho tầng lớp thượng lưu ở các trường học tư thục dạy bằng tiếng Anh, hoặc các trường học của các lực lượng vũ trang (ví dụ các trường sỹ quan quân đội). Các chính sách của Nhà nước Pa-kit-stan lựa chọn tiếng Anh và tiếng Urdu làm ngôn ngữ chính thức đã gây ra áp lực to lớn đối với những ngôn ngữ khác của quốc gia này tới mức những ngôn ngữ thiểu số hơn đang ngày càng bị pha trộn với những ngôn ngữ có thể mạnh khác hoặc đang dần tuyệt chủng.

4. Ngôn ngữ trong chính sách và thực tế giáo dục ở Trung Á

Ka-dắc-xtan

Ở Ka-dắc-xtan, 48% dân số là người Ka-dắc-xtan, 34% là người Nga, nhưng thêm vào đó có hơn 120 quốc tịch khác. Trong số đó, có hơn 800.000 người U-krai-na, 500.000 người Đức, 400.000 người U-bê-kis-xtan, và hơn 300.000 người Tatars. Tiếng Kazakh là ngôn ngữ quốc gia, còn tiếng Nga là ngôn ngữ chính thức (được dùng song song với ngôn ngữ quốc gia). Có 3.647 trường trung học cơ sở (chiếm 45%) sử dụng tiếng Kazakh làm ngôn ngữ giảng dạy, 2.122 trường (26%) sử dụng tiếng Nga làm ngôn ngữ giảng dạy và 2.069 trường (25%) sử dụng cả tiếng Kazakh và tiếng Nga. 4% còn lại là các trường "kiểu quốc gia" sử dụng các thứ tiếng U-krai-na, Uighur, Tajik và Uzbek làm ngôn ngữ giảng dạy.

Kia-ghi-xtan

Tiếng Kyrgyz và tiếng Nga là ngôn ngữ chính thức của Kia-ghi-xtan. Năm 2001, cơ quan Lập pháp Kia-ghi-xtan tuyên bố tiếng Nga là ngôn ngữ chính thống và có vị trí ngang tầm với tiếng Kyrgyz. Dân số quốc gia này bao gồm người Kyrgyz (52%), người Nga (18%), người U-bê-kis-tan (13%), người U-krai-na (3%), người Đức (2%) và các quốc tịch khác (12%). Ở đây có các trường học sử dụng ngôn ngữ giảng dạy là tiếng Kyrgyz (66%), tiếng Nga (7%), tiếng Uzbek (7%), và pha trộn cả hai thứ tiếng Nga và Kyrgyz (20%).

Ta-gi-kis-xtan

Ở Ta-gi-kis-xtan, tiếng Tajik là ngôn ngữ quốc gia trong khi tiếng Nga được dùng trong giao tiếp trong nội bộ cộng đồng dân tộc. Tất cả các nhóm dân tộc đều có quyền sử dụng tiếng mẹ đẻ của mình. Tiếng Tajik và tiếng Nga được sử dụng trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Phần lớn các trường học sử dụng tiếng Tajik và tiếng Nga làm ngôn ngữ giảng dạy. Tuy nhiên, vẫn có một số trường học dành cho các dân tộc thiểu số sử dụng tiếng Uzbek, tiếng Kazakh, tiếng Tuốc-men và các thứ tiếng khác. 73% học sinh trung học cơ sở học bằng tiếng Tajik, ngoại trừ 24% học sinh trung học cơ sở học bằng tiếng Uzbek, 2% học bằng tiếng Nga, còn những học sinh khác học ở các trường học Kyrgyz, Kazakh và Tuốc-men.

U-bê-kis-xtan

U-bê-kis-xtan là quốc gia đa dân tộc và đa ngôn ngữ với hơn 100 thứ tiếng. Dựa trên các điều khoản của Hiến pháp U-bê-kis-xtan, mọi công dân đều có tư cách pháp nhân, quyền lợi, tự do và cơ hội như nhau, không phân biệt giới tính, chủng tộc, nguồn gốc dân tộc, ngôn ngữ, tôn giáo, tín ngưỡng, nền tảng xã hội, địa vị cá nhân hay vị thế xã hội (Điều 18). Giáo dục cho trẻ em thuộc các dân tộc và ngôn ngữ thiểu số là vấn đề chính sách quan trọng. Cho đến nay, Chính phủ vẫn giữ cam kết chính trị là thực hiện giáo dục bằng 7 thứ tiếng quốc gia, gồm cả tiếng Uzbek. Hiện nay, hơn 10% các trường học của U-bê-kis-xtan giảng dạy bằng các tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Nga, tiếng Kazakh, tiếng Tajik, tiếng Karakalpak, tiếng Tuốc-men, và tiếng Kyrgyz), chiếm khoảng 15% tổng số học sinh đăng kí học ở cấp giáo dục cơ bản.

5. Ngôn ngữ trong chính sách và thực tế giáo dục ở Thái Bình Dương

Pa-pua Niu Ghi-nê

Có khoảng 850 ngôn ngữ được sử dụng ở Pa-pua Niu Ghi-nê. Đây cũng là quốc gia mà giáo dục mẫu giáo và tiểu học được thực hiện bằng khoảng từ 350 đến 400 thứ tiếng. Không quốc gia nào trên thế giới sử dụng rộng rãi các ngôn ngữ địa phương như ở Pa-pua Niu Ghi-nê. Trước đó, hệ thống giáo dục chính quy sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giảng dạy, nhưng từ những kinh nghiệm xác thực trong việc sử dụng ngôn ngữ địa phương trong giáo dục không chính quy, hệ thống giáo dục chính quy đã được cải cách. Theo hệ thống mới, ba năm đầu của giáo dục chính quy được thực hiện bằng tiếng mẹ đẻ của học sinh. Tiếng Anh sẽ là ngôn ngữ giảng dạy ở các lớp tiếp theo. Các trường tiểu học sử dụng tiếng địa phương do các cộng đồng địa phương quản lí, và điều hành. Các yếu tố cho việc sử dụng thành công tiếng địa phương trong giáo dục là: sự tham gia tích cực của cộng đồng, sự phân quyền, sự phù hợp với điều kiện địa phương, hiệu quả chi phí, cùng với vai trò tích cực của các tổ chức phi chính phủ.

Bảng chú giải thuật ngữ

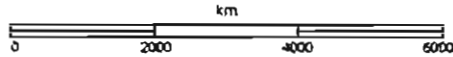
Bản địa	Người hoặc nhóm người có nguồn gốc hoặc là người cư trú rất sớm ở một vùng hay một quốc gia nào đó.
Biết chữ	Khả năng biết đọc, biết viết, biết tính toán và sử dụng một ngôn ngữ để làm bất cứ việc gì cần thiết trong cuộc sống.
Bình đẳng giới	Việc phụ nữ và nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai có các điều kiện như nhau để đạt được đầy đủ nhân quyền, được đóng góp cho sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị đồng thời hưởng lợi từ sự phát triển đó.
Chính tả	Hệ thống chuẩn của một ngôn ngữ, gồm chữ viết, quy tắc đánh vần/ghép chữ và phép chấm câu (xem hệ thống chữ viết).
Chuyển di	Những gì học được trong ngôn ngữ thứ nhất góp phần cho việc học bằng ngôn ngữ khác; khi đó người học chỉ cần học đọc một lần.
Chương trình giảng dạy	Kế hoạch, nội dung và tài liệu giảng dạy của một chương trình giáo dục.
Đa ngữ	<i>Cá nhân:</i> Khả năng nói/hiểu (và đôi khi cả đọc/viết) nhiều hơn hai ngôn ngữ. <i>Xã hội:</i> Sự tồn tại của nhiều hơn hai ngôn ngữ.
Đối tác	Các cá nhân, tổ chức và cơ quan hợp tác với các cộng đồng để thực hiện một chương trình mới.
Giáo dục đa ngữ (GDĐN)	Sử dụng nhiều hơn hai ngôn ngữ trong xóa mù chữ và giảng dạy.
Giáo dục song ngữ (GDSN)	Sử dụng hai ngôn ngữ trong xóa mù chữ và giảng dạy. ► <i>Tốt nhất, việc xóa mù chữ và học bắt đầu bằng ngôn ngữ thứ nhất của người học còn ngôn ngữ thứ hai được từng bước đưa vào giảng dạy.</i>
Giáo dục song ngữ/đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ	Việc dạy học bắt đầu bằng tiếng mẹ đẻ/ngôn ngữ thứ nhất của người học rồi dần chuyển sang dạy học bằng ngôn ngữ thứ hai (xem Giáo dục đa ngữ).
Hệ thống chữ viết	Hệ thống ký tự của một ngôn ngữ (xem Chính tả).
Hướng dẫn viên	Người giúp người khác học; giáo viên.
Huy động	Quá trình vận động và tổ chức cho cộng đồng (và những người ủng hộ) cùng làm việc để lập kế hoạch và thực hiện một chương trình.
Nâng cao nhận thức	Cung cấp thông tin giúp cho mọi người nâng cao hiểu biết để đạt được mục tiêu và nhu cầu mà bản thân họ đã xác định.
Ngôn ngữ chiếm ưu thế	Ngôn ngữ được sử dụng bởi một nhóm xã hội chiếm ưu thế, hoặc ngôn ngữ được xem là ngôn ngữ chính thức của một quốc gia. ► <i>Có thể có vị trí là ngôn ngữ chính thống hoặc ngôn ngữ quốc gia kể cả khi ngôn ngữ này không được đa số dân số sử dụng.</i>

Ngôn ngữ chính thức	Ngôn ngữ được một quốc gia sử dụng trong hành chính công và trong các cơ quan, thường bao gồm cả trường học. <i>Ví dụ: Ấn Độ có tiếng Hindi và tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức.</i>
Ngôn ngữ di sản	Ngôn ngữ của tổ tiên cha ông để lại.
Ngôn ngữ đa số	Ngôn ngữ được số đông người nói ở một khu vực/quốc gia.
Ngôn ngữ giảng dạy	Ngôn ngữ được sử dụng để dạy và học trong các chương trình giáo dục.
Ngôn ngữ mẹ đẻ/ tiếng mẹ đẻ	Ngôn ngữ được học từ những năm đầu đời, thường là ngôn ngữ của mẹ (còn gọi là ngôn ngữ thứ nhất). ▶ Là ngôn ngữ mà một người: (a) biết đầu tiên (b) được người khác xác nhận là bản ngữ. (c) sử dụng tốt nhất (d) sử dụng nhiều nhất.
Ngôn ngữ quốc gia/ quốc ngữ/tiếng phổ thông	Ngôn ngữ được coi là quan trọng và được sử dụng rộng rãi ở một quốc gia, còn gọi là ngôn ngữ chính thức. <i>Ví dụ: Ấn Độ công nhận 2 ngôn ngữ chính thức và 22 ngôn ngữ quốc gia; Tiếng Bahasa vừa là ngôn ngữ quốc gia, vừa là ngôn ngữ chính thức của In-đô-nê-si-a; Tiếng Việt là tiếng phổ thông của Việt Nam.</i>
Ngôn ngữ thiểu số	Ngôn ngữ được phần ít dân số ở một khu vực hoặc quốc gia sử dụng, sử dụng thường là của dân tộc có số dân ít. ▶ Đôi khi được dùng để chỉ ngôn ngữ của một nhóm người khá đông nhưng không phải là nhóm chiếm ưu thế.
Ngôn ngữ thứ nhất NN1	<i>Ngôn ngữ thứ nhất, ngôn ngữ được nói, học trong những năm đầu đời, ngôn ngữ bản địa (xem Tiếng mẹ đẻ, Ngôn ngữ trong gia đình/ngôn ngữ ở nhà).</i>
Ngôn ngữ thứ hai NN2	Ngôn ngữ thứ hai, không phải ngôn ngữ bản địa, ngôn ngữ được sử dụng rộng rãi hoặc tiếng nước ngoài. ▶ Thường chỉ các trường hợp khi thứ tiếng này được sử dụng ở môi trường xã hội rộng hơn bên ngoài gia đình; trong giáo dục song ngữ; chỉ ngôn ngữ thứ hai được học/dạy sau ngôn ngữ thứ nhất. ▶ Đối với các dân tộc thiểu số, ngôn ngữ thứ hai thường là ngôn ngữ chính thức hoặc ngôn ngữ quốc gia.
Ngôn ngữ trong gia đình/ ngôn ngữ ở nhà	Ngôn ngữ được sử dụng trong gia đình (xem Ngôn ngữ thứ nhất, Tiếng mẹ đẻ). ▶ Một số người có nhiều hơn một ngôn ngữ nói trong gia đình.
Ngôn ngữ truyền khẩu	Ngôn ngữ chỉ được dùng để nói, được truyền lại bằng lời từ đời này sang đời khác, từ người này sang người khác, không có văn bản viết.
Ngôn ngữ vùng/ ngôn ngữ địa phương	Ngôn ngữ được sử dụng tại các cộng đồng địa phương ở một quốc gia. ▶ Có thể chỉ những thứ tiếng chưa được phát triển đầy đủ ở dạng chữ viết.

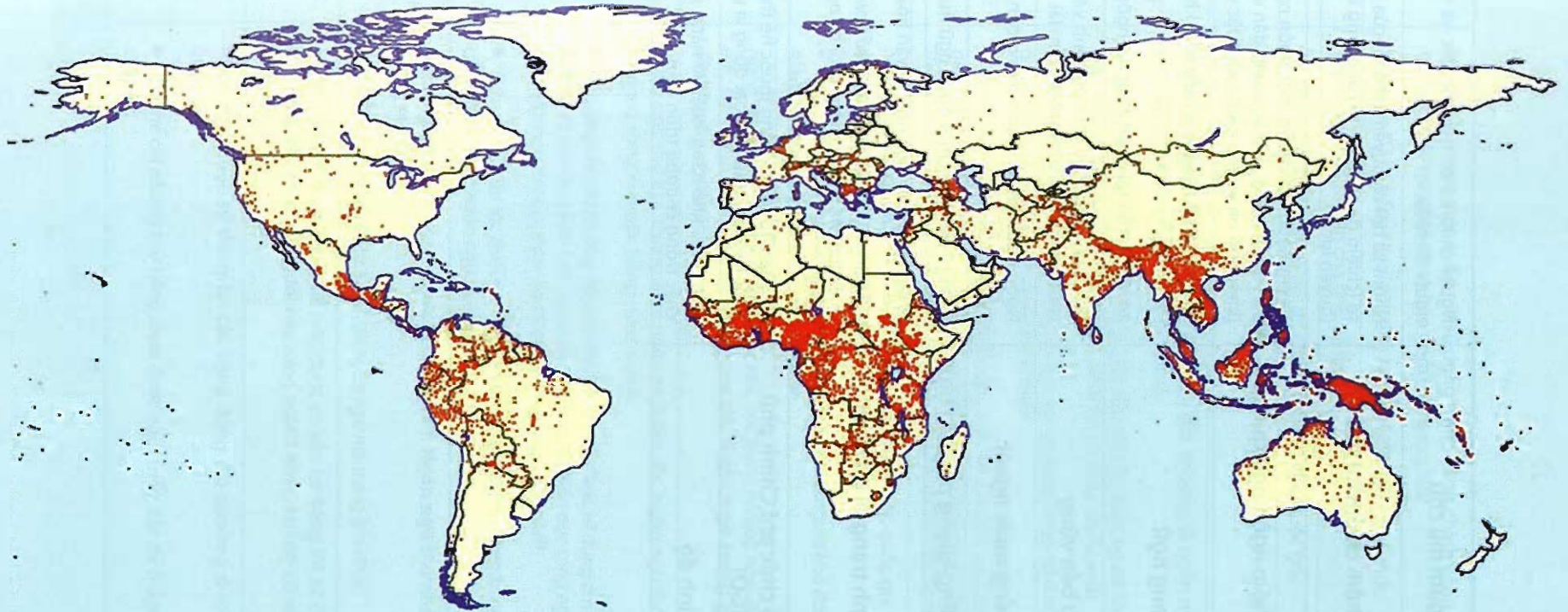
Người mù chữ	Người chưa có cơ hội học đọc và viết bằng thứ ngôn ngữ mà người đó hiểu.
Nhóm chiếm ưu thế	Nhóm xã hội có quyền lực nhất của một quốc gia nhờ yếu tố dân số (chiếm đa số), kinh tế (sự cường thịnh) và/hoặc vị thế chính trị (quyền lực).
Nhóm ngôn ngữ thiểu số	Nhóm người có chung một ngôn ngữ và thường có ít quyền lực hơn trong xã hội do các yếu tố dân số (ít hơn về số lượng), kinh tế (không thịnh vượng bằng) và/hoặc vị thế chính trị.
Song ngữ	<i>Cá nhân:</i> Khả năng nói/hiểu (đôi khi cả đọc/viết) bằng hai ngôn ngữ. <i>Xã hội:</i> Sự tồn tại của ít nhất hai ngôn ngữ.
Sự bền vững	Việc xây dựng một chương trình và sẽ tiếp tục duy trì thực hiện chương trình đó trong thời gian dài.
Tiếng nước ngoài	Ngôn ngữ từ nước ngoài mang đến, không phải của người trong nước.
Tiếng/giọng phương ngữ	Cách sử dụng của một ngôn ngữ theo vùng hoặc nhóm xã hội.
Tình trạng bị tách biệt	Bị tách biệt với ngôn ngữ và văn hóa của mình. ► <i>Những người nói tiếng thiểu số trong nền giáo dục bằng ngôn ngữ chiếm ưu thế về sau có thể chối bỏ ngôn ngữ và văn hóa của chính mình.</i>
Tổ chức phi Chính phủ (NGO)	Cơ quan, tổ chức không thuộc hệ thống Nhà nước/chính phủ của quốc gia nào, thường hoạt động vì sự phát triển cộng đồng.
Trình độ	Kiến thức, khả năng hoặc kĩ năng ngôn ngữ hoặc các môn học khác trong chương trình giảng dạy.

LANGUAGES OF THE WORLD

EACH DOT REPRESENTS THE PRIMARY LOCATION
OF A LIVING LANGUAGE LISTED IN THE ETHNOLOGUE.



Source: www.ethnologue.com





United Nations
Educational, Scientific and
Cultural Organization

UNESCO Ha Noi Office
23 Cao Ba Quat, Ha Noi
Tel : 04 - 747 0275/6
Fax : 04 - 747 0274
Email : registry@unesco.org.vn
www.unesco.org/hanoi